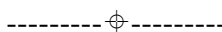


TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN
KHOA KINH TẾ & KẾ TOÁN



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**TÊN ĐỀ TÀI: HOÀN THIỆN QUY TRÌNH KIỂM TOÁN
KHOẢN MỤC NỢ PHẢI TRẢ TẠI CÔNG TY TNHH
KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH TOÀN CẦU**

Sinh viên thực hiện : Nguyễn Thị Mỹ Duyên

MSSV : 4154040048

Lớp : Kế toán K41A

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Trần Thị Bích Duyên

Bình Định, tháng 05 năm 2022

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan bài báo cáo khóa luận tốt nghiệp: ***“Hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục Nợ phải trả tại Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu”*** là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu trong bài khóa luận tốt nghiệp được sử dụng trung thực, chính xác.

Bình Định, ngày 31 tháng 05 năm 2022

Sinh viên

Nguyễn Thị Mỹ Duyên

NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN

Họ tên sinh viên thực hiện : Nguyễn Thị Mỹ Duyên

Lớp: Kế toán K41A Khóa: K41

Tên đề tài : Hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục Nợ phải trả tại Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu

I. Nội dung nhận xét:

1. Tình hình thực hiện:
2. Nội dung của đề tài:
 - Cơ sở lý thuyết:
 - Cơ sở số liệu:
 - Phương pháp giải quyết các vấn đề:
3. Hình thức của đề tài:
 - Hình thức trình bày :
 - Kết cấu của đề tài:
4. Những nhận xét khác :

II. Đánh giá cho điểm :

- Tiến trình làm đề tài :
- Nội dung đề tài :
- Hình thức đề tài :
- Tổng cộng:

Bình Định, Ngày tháng năm 2022

Giảng viên hướng dẫn

Trần Thị Bích Duyên

NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN VẤN ĐÁP/PHẢN BIỆN

Họ tên sinh viên thực hiện : Nguyễn Thị Mỹ Duyên

Lớp: Kế toán K41A Khóa: K41

Tên đề tài : Hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục Nợ phải trả tại Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu

I. Nội dung nhận xét:

1. Nội dung của đề tài:

- Cơ sở lý thuyết:
- Cơ sở số liệu:
- Phương pháp giải quyết các vấn đề:

2. Hình thức của đề tài:

- Hình thức trình bày :
- Kết cấu của đề tài:

3. Những nhận xét khác :

.....

.....

II. Đánh giá cho điểm :

- Nội dung đề tài :

- Hình thức đề tài :

 Tổng cộng:

Bình Định, Ngày tháng năm 2022

Giảng viên phản biện

Phạm Thị Lai

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC KÍ HIỆU, CHỮ VIẾT TẮT.....	vi
DANH SÁCH CÁC BẢNG SỬ DỤNG.....	vii
DANH SÁCH CÁC SƠ ĐỒ SỬ DỤNG	viii
LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC NỢ PHẢI TRẢ.....	5
1.1. Một số nội dung liên quan đến kiểm toán khoản mục nợ phải trả.....	5
<i>1.1.1. Khái niệm, đặc điểm khoản mục nợ phải trả.....</i>	<i>5</i>
<i>1.1.2. Mục tiêu kiểm toán</i>	<i>6</i>
1.2. Kiểm soát nội bộ khoản mục nợ phải trả.....	7
<i>1.2.1. Các yêu cầu đối với kiểm soát nội bộ khoản mục nợ phải trả</i>	<i>7</i>
<i>1.2.2. Các nguyên tắc kiểm soát nội bộ khoản mục nợ phải trả.....</i>	<i>8</i>
1.3. Quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải trả	8
<i>1.3.1. Chuẩn bị kiểm toán</i>	<i>8</i>
<i>1.3.2. Thực hiện kiểm toán</i>	<i>16</i>
<i>1.3.3. Kết thúc kiểm toán</i>	<i>36</i>
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC NỢ PHẢI TRẢ TẠI CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH TOÀN CẦU.....	39
2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu.....	39
<i>2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu.....</i>	<i>39</i>
<i>2.1.2. Chức năng và nhiệm vụ của Công ty</i>	<i>41</i>
<i>2.1.3. Đặc điểm hoạt động của Công ty.....</i>	<i>41</i>
<i>2.1.4. Quy trình kiểm toán của Công ty</i>	<i>44</i>
<i>2.1.5. Đặc điểm tổ chức của Công ty.....</i>	<i>48</i>
2.2. Thực trạng quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải trả tại Công ty Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu đối với khách hàng ABC	50
<i>2.2.1. Chuẩn bị kiểm toán</i>	<i>50</i>
<i>2.2.2. Thực hiện kiểm toán</i>	<i>54</i>
<i>2.2.3. Kết thúc kiểm toán</i>	<i>67</i>
2.3. Nhận xét quy trình kiểm toán khoản mục Nợ phải trả tại Công ty Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu đối với khách hàng ABC.....	67
<i>2.3.1. Ưu điểm</i>	<i>67</i>

2.3.2. <i>Hạn chế và nguyên nhân</i>	70
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC NỢ PHẢI TRẢ TẠI CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH TOÀN CẦU	74
3.1. Quan điểm hoàn thiện Công ty	74
3.2. Một số giải pháp hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải trả tại Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu đối với khách hàng ABC	75
3.3. Kiến nghị đến cơ quan Nhà nước (Bộ Tài chính, Hiệp hội nghề nghiệp,...)	81
KẾT LUẬN	85
TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC KÍ HIỆU, CHỮ VIẾT TẮT

BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
BTC	Bộ Tài Chính
GTGT	Giá trị gia tăng
GAFC	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu
KPCĐ	Kinh phí công đoàn
TGD	Tổng giám đốc
TK	Tài khoản
TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
TNCN	Thu nhập cá nhân
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
USD	Đô la Mỹ
VND	Việt Nam đồng
VACPA	Hội kiểm toán hành nghề Việt Nam
WP	Working paper: Giấy tờ làm việc kiểm toán

DANH SÁCH CÁC BẢNG SỬ DỤNG

Bảng 1.1: Mục tiêu kiểm toán nợ phải trả	6
Bảng 1.2: Bảng câu hỏi về kiểm soát nội bộ đối với nợ phải trả	13
Bảng 1.3: Thử nghiệm cơ bản đối với nợ phải trả người bán	17
Bảng 1.4: Mục tiêu kiểm toán và thủ tục kiểm toán.....	21
Bảng 1.5: Thử nghiệm cơ bản đối với các khoản phải nộp nhà nước	25
Bảng 1.6: Thử nghiệm cơ bản đối với khoản phải trả người lao động.....	29
Bảng 1.7: Thử nghiệm cơ bản đối với khoản chi phí phải trả.....	32
Bảng 1.8: Thử nghiệm cơ bản đối với phải trả nội bộ khoản phải trả khác	34
Bảng 2.1: Bảng tổng hợp kết quả kinh doanh của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu năm 2021.	40
Bảng 2.2: Quy trình kiểm toán tại Công ty GAFC.....	45
Bảng 3.2: Xác định mức trọng yếu cho khoản mục	78

DANH SÁCH CÁC SƠ ĐỒ SỬ DỤNG

Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu.....	48
Hình 1.3 Các bước lập kế hoạch kiểm toán.....	9

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trải qua 31 năm hình thành và phát triển tại Việt Nam, ngành kiểm toán đã có những bước tiến vượt bậc và khẳng định vị thế của mình trong nền kinh tế phát triển hiện nay. Kiểm toán hoạt động dưới vai trò là người bảo vệ giá trị cho doanh nghiệp. Mục đích của công việc này là đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định pháp luật. Và tuân thủ các đạo đức kinh doanh và quy chế hoạt động của công ty. Kiểm toán còn chịu trách nhiệm phát hiện ra những sai sót trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp kiểm toán là giúp chủ doanh nghiệp cải tiến những điểm yếu. Các điểm yếu này từ hệ thống quản lý và quản trị doanh nghiệp. Bằng cách phân tích, kiểm tra, giám sát quy trình hoạt động của các phòng ban. Các kiểm toán viên nội bộ sẽ đưa ra những lời tư vấn giúp công ty hoạt động năng suất và hiệu quả hơn. Họ giữ vai trò là người tư vấn và định hướng cho ban giám đốc và hội đồng quản trị về kiểm soát rủi ro. Lĩnh vực kiểm toán đảm bảo tính minh bạch, khách quan của các thông tin kinh tế - tài chính để có thể hỗ trợ các doanh nghiệp và nhà đầu tư đưa ra quyết định đầu tư và các thay đổi hợp lý trong việc điều hành và quản lý xây dựng doanh nghiệp của mình ngày càng phát triển. Từ đó có thể nói kiểm toán là một phần tất yếu đối với sự phát triển của nền kinh tế đất nước.

Trên báo cáo tài chính tất cả các khoản mục đều đóng một vai trò riêng và có tính chất quan trọng khác nhau và nợ phải trả là một trong những khoản mục khá quan trọng trên báo cáo tài chính. Nợ phải trả thể hiện sự chiếm dụng vốn tạm thời từ các đối tượng khác của doanh nghiệp. Vì vậy nợ phải trả thường có xu hướng khai thác đi so với thực tế để làm đẹp cho báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Ngoài ra doanh nghiệp muốn che bớt đi các khoản công nợ phải trả để thể hiện khả năng về tự chủ tài chính của đơn vị, mục đích là lấy được lòng tin của đối tác. Do nợ phải trả có mối quan hệ mật thiết với chi phí sản xuất kinh doanh nên sự sai sót, thiếu trung thực của khoản mục này có thể gây trọng yếu đến báo cáo tài chính. Bên cạnh đó kiểm toán nợ phải trả là một trong những công việc cực kỳ quan trọng ở mỗi doanh nghiệp. Công việc này giúp cho việc xác định số liệu chính xác hơn. Đồng thời, quy trình này sẽ giúp cho quá trình quyết toán, thanh tra thuế tránh được các rủi ro tốt hơn. Từ đó, hạn chế các loại sai sót, chịu sự áp chế phạt của cơ quan nhà nước.

Với sự phát triển và cạnh tranh mạnh mẽ của các công ty kiểm toán độc lập, Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu đã khẳng định được uy tín của mình với đội ngũ sáng lập viên và các chuyên gia tâm huyết, am tường về kiểm

toán, thuế, kế toán, tài chính và quản trị, có nhiều năm nắm giữ vị trí quản lý trong các công ty hàng đầu trong và ngoài nước. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu là cơ hội tốt để em có thể tích góp cho bản thân được những kinh nghiệm thực tiễn quý báu và hiểu biết nhiều hơn về công ty. Trong quá trình thực tập tại đơn vị, em đã nhận thấy được vai trò cũng như tính quan trọng của khoản mục nợ phải trả nên em quyết định chọn thực hiện đề tài: ***“Hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục Nợ phải trả tại Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu”***.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu tổng hợp khi nghiên cứu đề tài là tìm hiểu để hiểu rõ quy trình kiểm toán nợ phải trả tại Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu từ đó đưa ra nhận xét và đánh giá ưu nhược điểm của quy trình cũng như đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải trả. Nhằm nâng cao độ tin cậy, tính trung thực hợp lý của kết quả kiểm toán trong các cuộc kiểm toán tại Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu.

Từ mục tiêu tổng hợp tác giả đưa ra mục tiêu cụ thể như sau:

- Cơ sở lý luận về một quy trình kiểm toán báo cáo tài chính, quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải trả tại công ty khách hàng.
- Tìm hiểu thực trạng quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải trả tại Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu.
- Đưa ra đánh giá và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kiểm toán khoản mục nợ phải trả tại Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải trả mà Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu đã xây dựng cũng như đã thực hiện với khách hàng thực tế là Công ty TNHH ABC.

Phạm vi nghiên cứu của đề tài: Do giới hạn về thời gian nghiên cứu nên đề tài chỉ tập trung nghiên cứu để hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải trả nhà cung cấp tại Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu.

Đề tài tập trung nghiên cứu thực trạng quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải trả Công ty. Cụ thể:

- Địa điểm: Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu.
- Khách hàng là Công ty TNHH ABC.

- Số liệu và đề tài thu thập được từ các giấy tờ làm việc lưu trong hồ sơ làm việc của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu và báo cáo kiểm toán của công ty năm 2021.

4. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp tổng hợp tài liệu: Phương pháp này sử dụng để tổng hợp những kiến thức nền tảng cũng như mở rộng nhằm củng cố cho đề tài thông qua tìm hiểu và nghiên cứu các văn bản pháp luật, Hệ thống chuẩn mực kế toán và kiểm toán Việt Nam, Chương trình kiểm toán mẫu của Hội kiểm toán hành nghề Việt Nam (VACPA) và tham khảo các khóa luận, chuyên đề hay bài viết có liên quan.

Phương pháp thu thập số liệu bao gồm:

- Phương pháp quan sát: Quan sát thực tế trực tiếp công việc, cách tiến hành quy trình kiểm toán cụ thể từ đó có thể nắm bắt được từng bước thực hiện của quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải trả tại Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu.

- Phương pháp phỏng vấn: Phỏng vấn nhân viên trong công ty về những thông tin liên quan đến khoản mục nợ phải trả tại công ty khách hàng là công ty TNHH ABC vào năm 2021. Những thông tin này là căn cứ quan trọng để đánh giá việc thiết lập và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ của khách hàng.

- Trực tiếp tham gia vào một số công đoạn của quy trình kiểm toán với vai trò Trợ lý Kiểm toán viên. Thu thập số liệu từ hồ sơ lưu trữ của công ty để biết rõ hơn quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải trả. Thu thập số liệu từ hồ sơ khách hàng như báo cáo tài chính, sổ sách, chứng từ thực tế liên quan đến quá trình thực hiện kiểm toán để minh họa cho vấn đề nghiên cứu.

Phương pháp phân tích:

- Phương pháp so sánh: So sánh các khoản phải trả người bán của năm nay so với năm trước, tìm những chênh lệch lớn, đối chiếu từ chứng từ lên sổ và ngược lại để tìm các sai lệch.

- Phương pháp phân tích biến động: Xem xét sự biến động của danh mục khách hàng, những khách hàng nào có số dư bằng 0 và có số dư biến động lớn, không biến động cần phải được xem xét kỹ.

- Phương pháp liệt kê: Liệt kê các số dư, số phát sinh các khoản phải trả lên bảng tổng hợp.

- Phương pháp phân tích đối ứng: Liệt kê số phát sinh các tài khoản đối ứng bên nợ bên có của các khoản phải trả để xem xét có nghiệp vụ bất thường xảy ra không.

- Phương pháp chọn mẫu: Dựa vào bảng kê chi tiết tài khoản, chọn ra các nghiệp vụ để kiểm tra. Đối với nghiệp vụ phát sinh lớn hơn mức trọng yếu thì chọn 100% cỡ mẫu.
- Phương pháp kiểm tra chi tiết: Sau khi chọn mẫu sẽ đi vào kiểm tra đối chiếu các thông tin các nghiệp vụ trên sổ sách với chứng từ gốc.
- Phương pháp đánh giá: Dựa trên lý thuyết và thực tế, đánh giá những điểm mạnh và điểm yếu của quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải trả mà Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu thực hiện.

5. Kết cấu của đề tài

Ngoài lời mở đầu và kết luận thì khóa luận tốt nghiệp được trình bày theo kết cấu gồm 3 chương:

- Chương 1: Cơ sở lý luận về quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải trả.
- Chương 2: Thực trạng quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải trả tại Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu.
- Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải trả tại Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC NỢ PHẢI TRẢ

1.1. Một số nội dung liên quan đến kiểm toán khoản mục nợ phải trả

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm khoản mục nợ phải trả

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh trong phạm vi doanh nghiệp cũng như giữa các doanh nghiệp với nhau, giữa doanh nghiệp với các đơn vị, các tổ chức xã hội phát sinh các quan hệ kinh tế rất đa dạng, phong phú. Các khoản nợ mà doanh nghiệp phải trả cho các đơn vị, các tổ chức kinh tế xã hội chính là nguồn hình thành nên một bộ phận tài sản của doanh nghiệp.

Theo VAS 01 “Nợ phải trả là nghĩa vụ hiện tại của doanh nghiệp phát sinh từ các giao dịch và sự kiện đã qua mà doanh nghiệp phải thanh toán từ các nguồn lực của mình”. Việc thanh toán các nghĩa vụ hiện tại có thể được thực hiện bằng nhiều cách, như: Trả bằng tiền; Trả bằng tài sản khác; Cung cấp dịch vụ; Thay thế nghĩa vụ này bằng nghĩa vụ khác; và chuyển đổi nghĩa vụ nợ phải trả thành vốn chủ sở hữu.

Theo Bộ môn kiểm toán, Khoa Kế toán, Trường Đại học Quy Nhơn: Nợ phải trả được trình bày trên Bảng cân đối kế toán ở phần Nguồn vốn, mục A: Nợ phải trả, gồm hai loại nợ ngắn hạn và nợ dài hạn và chi tiết theo từng đối tượng phải trả.

Theo tính chất và thời hạn thanh toán, các khoản nợ phải trả được chia thành 2 loại sau:

- Nợ ngắn hạn là các khoản phải trả trong vòng một năm hoặc một chu kỳ hoạt động kinh doanh bình thường (nếu doanh nghiệp có chu kỳ kinh doanh bình thường dài hơn một năm). Các khoản này sẽ được trang trải bằng tài sản ngắn hạn hoặc bằng cách vay thêm. Nợ ngắn hạn thường bao gồm các khoản phải trả cho người bán, người mua ứng tiền trước, thuế và các khoản phải nộp nhà nước, lương và phụ cấp phải trả, vay ngắn hạn, nợ dài hạn đến hạn trả... Ngoài ra, nợ ngắn hạn còn bao gồm giá trị các khoản chi phí phải trả, tài sản thừa chờ xử lý... tại thời điểm báo cáo.
- Nợ dài hạn là các khoản phải trả trong thời gian nhiều hơn một năm hoặc nhiều hơn một chu kỳ hoạt động kinh doanh (nếu chu kỳ kinh doanh dài hơn một năm). Nợ dài hạn thường bao gồm vay dài hạn, các khoản nợ phải trả cho người bán dài hạn, phải trả dài hạn nội bộ, ...

Đặc điểm

Nợ phải trả là khoản mục quan trọng trên Báo cáo tài chính vì những sai sót về nợ phải trả gây ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính về các mặt:

- Tình hình tài chính: Các tỷ số đánh giá tình hình tài chính thường liên quan đến nợ phải trả. Vì vậy, sai sót trong việc ghi chép và trình bày nợ phải trả làm người sử dụng thông tin hiểu sai về tình hình tài chính của đơn vị.

- Kết quả hoạt động kinh doanh: Nợ phải trả có mối quan hệ mật thiết với chi phí sản xuất kinh doanh của đơn vị. Vì vậy, sai sót trong nợ phải trả có thể dẫn đến sai sót trong kết quả hoạt động kinh doanh. Khoản mục nợ phải trả thường có khuynh hướng bị sai sót và từ đó việc tính toán các tỷ số tài chính bị sai lệch làm cho người đọc báo cáo tài chính hiểu sai về tình hình hoạt động của doanh nghiệp và ảnh hưởng đến các quyết định kinh tế của nhà đầu tư.

Ngoài ra, khoản mục này còn có mối quan hệ mật thiết với chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, sự sai lệch trong việc ghi chép và trình bày nợ phải trả có thể dẫn đến sai sót trong kết quả hoạt động kinh doanh.

1.1.2. Mục tiêu kiểm toán

Theo VSA 200, mục tiêu của việc thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính là giúp cho kiểm toán viên đưa ra ý kiến xác nhận rằng báo cáo tài chính có được lập một cách phù hợp theo khuôn khổ lập và trình bày báo cáo tài chính trên khía cạnh trọng yếu hay không? Mục tiêu của kiểm toán báo cáo tài chính còn giúp cho đơn vị được kiểm toán thấy được rõ sự tồn tại và sai sót từ bên ngoài và bên trong doanh nghiệp để khắc phục nhằm nâng cao chất lượng thông tin tài chính của đơn vị.

Mục tiêu kiểm toán đối với nợ phải trả được thể hiện qua bảng 1.1 như sau:

Bảng 1.1: Mục tiêu kiểm toán nợ phải trả

Mục tiêu kiểm toán	Diễn giải
Tính hiện hữu	Đảm bảo tất cả các khoản phải trả được ghi nhận trên sổ cái là hiện hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
Tính đầy đủ	Đảm bảo tất cả các khoản nợ phải trả đều được ghi nhận đầy đủ.
Quyền và nghĩa vụ	Đảm bảo tất cả các khoản phải trả thuộc nghĩa vụ thanh toán tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận.
Chính xác	Đảm bảo tất cả các khoản phải trả được ghi nhận chính xác.
Đánh giá	Đảm bảo các khoản phải trả bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỉ giá hối đoái phù hợp.

Trình bày và thuyết minh	Đảm bảo tất cả các thuyết minh cần thiết liên quan đến các khoản phải trả ngắn hạn, dài hạn được lập chính xác và các thông tin này được trình bày và mô tả phù hợp trong báo cáo tài chính.
--------------------------	--

(Nguồn: Bài giảng Kiểm toán báo cáo tài chính 2,2022)

1.2. Kiểm soát nội bộ khoản mục nợ phải trả

1.2.1. Các yêu cầu đối với kiểm soát nội bộ khoản mục nợ phải trả

Trong doanh nghiệp có thể có nhiều khoản mục nợ phải trả cho các đối tượng khác nhau và có những đặc điểm về kiểm soát nội bộ khác nhau. Tuy nhiên do giới hạn về thời gian thực hiện đề tài nên phần này chỉ giới thiệu về kiểm soát nội bộ nợ phải trả.

Kiểm soát nội bộ về nợ phải trả cần được nghiên cứu trong mối quan hệ với các thủ tục kiểm soát khác nhau trong chu trình mua hàng và trả tiền, sau đây là một quy trình mẫu:

Kho hàng/ bộ phận kiểm soát hàng tồn kho chuẩn bị và lập phiếu đề nghị mua hàng để gửi cho bộ phận mua hàng. Một liên của chứng từ này được lưu để theo dõi về tình hình thực hiện các yêu cầu. Khi nghiệp vụ mua hàng đã hoàn thành, sau khi đã đối chiếu, chứng từ này sẽ được lưu trữ và đính kèm theo các chứng từ liên quan như đơn đặt hàng, phiếu nhập kho,...

Bộ phận mua hàng căn cứ vào phiếu đề nghị mua hàng để xem xét về nhu cầu và chủng loại hàng cần mua, đồng thời khảo sát về nhà cung cấp, chất lượng và giá cả,.... Sau đó bộ phận này phát hành đơn đặt hàng, nó phải được đánh số liên tục và lập thành nhiều liên. Ngoài liên gửi cho nhà cung cấp, các liên còn lại gửi cho bộ phận kho, bộ phận nhận hàng, kế toán nợ phải trả.

Khi nhận hàng tại kho, bộ phận nhận hàng kiểm tra chất lượng lô hàng và cân đo đong đếm,... Mọi nghiệp vụ nhận hàng đều phải lập phiếu nhập kho (hoặc báo cáo nhận hàng) có chữ ký của người giao hàng, bộ phận nhận hàng và thủ kho,... Phiếu này phải đánh số liên tục trước khi sử dụng, được lập thành nhiều liên và gửi ngay cho các bộ phận liên quan như kho hàng, bộ phận mua hàng, kế toán nợ phải trả,...

Trong bộ phận kế toán nợ phải trả các chứng từ thanh toán tại kế toán nợ phải trả được kiểm tra, ký tên đóng dấu ngày nhận. Các chứng từ thanh toán và các chứng từ khác phát sinh tại bộ phận này phải được kiểm soát bằng cách đánh số thứ tự liên tục trước khi sử dụng. Ở mỗi giai đoạn, người thực hiện phải ghi ngày và kí tên để xác nhận trách nhiệm của mình. Thông thường có những cách kiểm tra đối chiếu như sau: So sánh số lượng trên hóa đơn với số lượng trên phiếu nhập kho (hoặc báo cáo nhận

hàng) và đơn đặt hàng, mục đích là không thanh toán vượt quá số lượng hàng đặt mua và số lượng thực nhận; So sánh giá cả, chiết khấu trên đơn đặt hàng và trên hóa đơn để đảm bảo không thanh toán vượt số nợ phải trả cho người bán.

Việc xét duyệt chi quỹ thanh toán cho người bán sẽ do bộ phận tài vụ thực hiện. Sự tách rời giữa hai chức năng là kiểm tra và chấp nhận thanh toán (do bộ phận kế toán đảm nhận) với xét duyệt chi quỹ để thanh toán (do bộ phận tài vụ đảm nhận) là biện pháp kiểm soát hữu hiệu. Trước khi chuẩn bị chi, thông qua xem xét sự đầy đủ, hợp lệ và hợp pháp của các chứng từ, bộ phận tài vụ kiểm tra mọi mặt về nghiệp vụ. Người ký duyệt chi quỹ phải đánh dấu các chứng từ để chúng không được tái sử dụng. Trong nhiều doanh nghiệp hiện nay chức năng tài vụ và kế toán được kết hợp trong một phòng chức năng, không đảm bảo nguyên tắc bất kiêm nhiệm, điều này có thể dẫn đến khả năng xảy ra sai phạm trong công tác tài chính kế toán.

Cuối tháng, kế toán nợ phải trả đối chiếu sổ chi tiết người bán với sổ cái. Việc đối chiếu này thực hiện trên bảng tổng hợp chi tiết. Bảng này được lưu lại để chứng minh đã đối chiếu.

Để tăng cường kiểm soát nội bộ đối với việc thu nợ, nhiều nhà cung cấp thực hiện thủ tục hàng tháng gửi bản kê đối chiếu công nợ. Vì thế ở góc độ là người mua ngay khi nhận được bảng này, kế toán đơn vị phải tiến hành đối chiếu với sổ chi tiết để tìm hiểu sai lệch (nếu có) và sửa chữa trên sổ sách và thông báo cho người bán (nếu cần thiết).

1.2.2. Các nguyên tắc kiểm soát nội bộ khoản mục nợ phải trả

Kiểm soát nội bộ đối với các khoản vay: Nguyên tắc ủy quyền và phê chuẩn

Ủy quyền: Nhà quản lý ủy quyền cho cấp dưới thực hiện.

Phê chuẩn: Đối với những nghiệp vụ chứa đựng nhiều rủi ro cần phải xét duyệt kỹ.

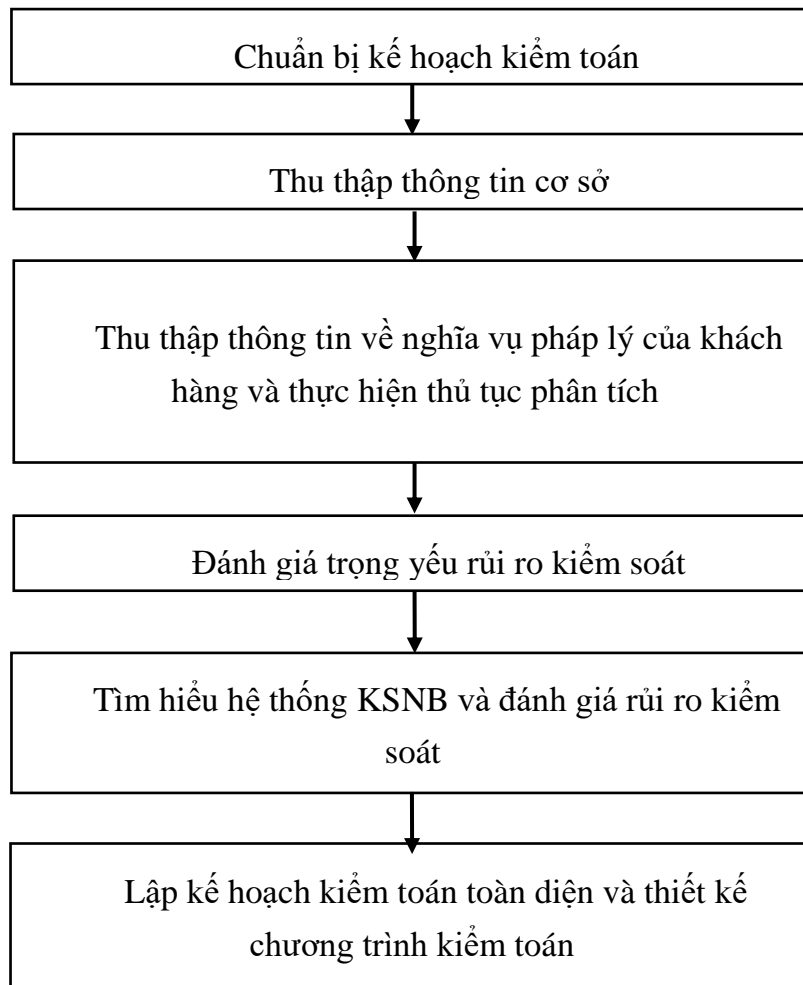
1.3. Quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải trả

Quy trình kiểm toán báo cáo tài chính của kiểm toán viên độc lập bao gồm ba giai đoạn chính: chuẩn bị kiểm toán, thực hiện kiểm toán và kết thúc kiểm toán.

1.3.1. Chuẩn bị kiểm toán

Theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 300 chỉ rõ: Lập kế hoạch kiểm toán phải được lập cho mọi cuộc kiểm toán. Kế hoạch kiểm toán phải được lập một cách thích hợp nhằm đảm bảo bao quát hết các khía cạnh trọng yếu của cuộc kiểm toán; phát hiện gian lận, rủi ro và những vấn đề tiềm ẩn; và đảm bảo cuộc kiểm toán được tiến hành đúng thời hạn. Kế hoạch kiểm toán trợ giúp phân công công việc cho trợ lý kiểm toán

và phối hợp với kiểm toán viên và các chuyên gia khác về công việc kiểm toán. Kế hoạch kiểm toán khoản mục nợ phải trả bao gồm những bước sau:



Hình 1.3 Các bước lập kế hoạch kiểm toán

1.3.1.1. Chuẩn bị kế hoạch kiểm toán

Quy trình bắt đầu khi Công ty kiểm toán tiếp nhận một khách hàng. Thu nhận khách hàng phải có sự liên hệ giữa Công ty kiểm toán và khách hàng tiềm năng mà khách hàng này yêu cầu được kiểm toán và khi có yêu cầu kiểm toán, kiểm toán viên phải đánh giá liệu có chấp nhận yêu cầu đó hay không. Còn đối với những khách hàng hiện tại, kiểm toán viên phải quyết định liệu có tiếp tục kiểm toán hay không? Trên cơ sở xác định được đối tượng khách hàng có thể phục vụ trong tương lai, công ty kiểm toán sẽ tiến hành các công việc cần thiết để tiến hành lập kế hoạch kiểm toán, bao gồm:

➤ Đánh giá khả năng chấp nhận kiểm toán

Kiểm toán viên phải đánh giá xem việc chấp nhận một khách hàng mới hay tiếp tục kiểm toán cho một khách hàng cũ có làm tăng rủi ro cho hoạt động của kiểm toán viên hay làm hại đến uy tín của Công ty kiểm toán hay không? Để làm được điều đó, kiểm

toán viên phải tiến hành các công việc như: xem xét hệ thống kiểm soát chất lượng (tính liên chính của Ban Giám Đốc, liên lạc với kiểm toán viên tiền nhiệm).

- Nhận diện lý do kiểm toán của công ty khách hàng
- Lựa chọn đội ngũ nhân viên kiểm toán
- Kí kết hợp đồng kiểm toán

1.3.1.2 Thu thập thông tin cơ sở

Sau khi đã ký kết hợp đồng kiểm toán, kiểm toán viên bắt đầu thực hiện lập kế hoạch kiểm toán tổng quát. Trước hết kiểm toán viên sẽ thu thập thông tin cơ sở để nhằm đạt được sự hiểu biết về hoạt động kinh doanh của khách hàng.

Chuẩn mực kiểm toán quốc tế số 310 đã quy định “để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính, kiểm toán viên phải có hoặc thu thập để hiểu biết đầy đủ về hoạt động kinh doanh của khách hàng để có thể nhận thức và xác định các sự kiện nghiệp vụ, thực tiễn của đơn vị”. Trong giai đoạn này kiểm toán viên đánh giá có khả năng có sai sót trọng yếu, đưa ra những mức đánh giá ban đầu về mức trọng yếu và thực hiện thủ tục phân tích để xác định thời gian cần thiết để thực hiện công việc kiểm toán và việc mở rộng các thủ tục kiểm toán khác.

- Tìm hiểu ngành nghề hoạt động kinh doanh của khách hàng
- Xem xét kết quả của cuộc kiểm toán trước và hồ sơ kiểm toán chung
- Tham quan nhà xưởng
- Nhận diện các bên hữu quan
- Dự kiến nhu cầu chuyên gia bên ngoài
- Riêng đối với kiểm toán tiền lương và nhân viên thì kiểm toán viên cần thu thập những thông tin chủ yếu về việc tuyển dụng và thuê mượn nhân công, số lượng, chất lượng lao động, sự phân bổ nhân lực,...

1.3.1.3. Thu thập thông tin về nghĩa vụ pháp lý của khách hàng

Sau khi thu thập các thông tin cơ sở kiểm toán viên tiến hành thu thập thông tin về nghĩa vụ pháp lý của khách hàng nhằm nắm bắt được môi trường pháp lý ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của khách hàng. Các thông tin thu thập bao gồm: Giấy phép thành lập và điều lệ công ty, báo cáo kiểm toán của các năm trước, biên bản kiểm tra thanh tra của năm hiện hành, biên bản họp hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị Ban Giám Đốc, các hợp đồng mua bán dài hạn, khối lượng lớn, các cam kết quan trọng với các nhà cung cấp lớn,...

1.3.1.4. Thực hiện thủ tục phân tích

Khi đã được cung cấp đầy đủ các thông tin cần thu thập, kiểm toán viên tiến hành các thủ tục phân tích sơ bộ trên Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh của khách hàng. Thủ tục phân tích khi kiểm toán khoản mục nợ phải trả nhà cung cấp nhằm mục tiêu:

- Hiểu biết về những xu hướng, thay đổi quan trọng hoặc những biến động bất thường về tình hình nợ phải trả của khách hàng qua các năm, những biến động về số lượng nhà cung cấp của khách hàng...từ đó tìm ra nguyên nhân của sự thay đổi đó
- Từ kết quả phân tích giúp kiểm toán viên xác định được các vấn đề nghi vấn, những nghiệp vụ khả nghi, từ đó có kế hoạch tập trung vào các nghiệp vụ trọng yếu, dễ xảy ra sai sót gian lận.

Thủ tục phân tích, theo định nghĩa của chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 520, “là việc phân tích các số liệu, thông tin, các tỷ suất quan trọng, qua đó tìm ra những xu hướng biến động và tìm ra mối quan hệ có mâu thuẫn với các thông tin liên quan khác hoặc có sự chênh lệch lớn so với giá trị đã dự kiến”.

Các thủ tục phân tích được kiểm toán viên sử dụng gồm:

- Phân tích ngang (phân tích xu hướng): là việc phân tích dựa trên cơ sở so sánh các trị số của cùng một chỉ tiêu trên báo cáo tài chính.

Các chỉ tiêu được sử dụng ngang bao gồm:

So sánh số liệu kỳ này với số liệu kỳ trước hoặc giữa các kỳ với nhau và qua đó kiểm toán viên thấy được những biến động bất như và xác định được các lĩnh vực cần quan tâm. Ví dụ, tỷ số thanh toán hiện hành giảm đột ngột với quy mô lớn cho thấy doanh nghiệp đang gặp khó khăn về tình hình tài chính, khả năng thanh toán công nợ...

So sánh số liệu thực tế với số liệu dự toán hoặc số liệu ước tính của kiểm toán viên.

So sánh dữ kiện của Công ty khách hàng với dữ kiện chung của ngành.

- Phân tích dọc (phân tích tỷ suất): là việc phân tích dựa trên cơ sở so sánh các tỷ lệ tương quan của các chỉ tiêu và khoản mục khác nhau trên báo cáo tài chính.

Các tỉ suất tài chính như dùng trong phân tích dọc có thể là các tỷ suất về khả năng thanh toán, các tỷ suất về khả năng sinh lời...

Kiểm toán viên thực hiện so sánh số dư khoản nợ phải trả nhà cung cấp năm nay so với năm trước, phân tích tình hình thay đổi tỷ trọng khoản nợ phải trả nhà cung cấp

trong tổng tài sản qua các năm, so sánh tỷ lệ này với các đơn vị cùng ngành để có thể đánh giá khái quát tình hình tài chính của doanh nghiệp.

- Phân tích tính hợp lý của các khoản nợ phải trả: thực hiện kiểm tra tính hợp lý của các số dư tài khoản bằng cách sử dụng các thông tin phi tài chính để phân tích.

1.3.1.5. Đánh giá tính trọng yếu và rủi ro

➤ Đánh giá tính trọng yếu

Trong giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán viên cần tiến hành đánh giá mức độ trọng yếu để ước tính mức độ sai sót của báo cáo tài chính có thể chấp nhận được, xác định phạm vi của cuộc kiểm toán và đánh giá ảnh hưởng của các sai sót lên báo cáo tài chính từ đó xác định số lượng bằng chứng kiểm toán cần thu thập.

Kiểm toán viên tiến hành ước tính ban đầu về trọng yếu, việc xác định mức trọng yếu mang tính chất xét đoán nghề nghiệp của kiểm toán viên. Mức ước lượng ban đầu về tính trọng yếu là lượng tối đa kiểm toán viên tin rằng ở mức đó các báo cáo tài chính có thể bị sai nhưng vẫn chưa ảnh hưởng đến các quyết định của người sử dụng báo cáo tài chính.

Những yếu tố ảnh hưởng đến việc mức trọng yếu ban đầu:

- Tính trọng yếu gắn liền với quy mô của khách hàng. Do đó với mỗi một khách hàng khác nhau phải có phương pháp xây dựng mức trọng yếu khác nhau.
- Yếu tố định lượng của tính trọng yếu thể hiện ở quy mô sai sót của các nghiệp vụ. Để quyết định xem quy mô của một sai phạm có trọng yếu hay không có thể căn cứ vào các cơ sở sau: thiết lập mức trọng yếu dựa trên thu nhập thuần trước thuế (5% - 10%), tài sản lưu động (5% - 10%), doanh thu (1% - 2%), tổng tài sản (3% - 6%),...
- Ước lượng mức trọng yếu còn phụ thuộc vào bản chất của các sai sót.
- Sau khi ước lượng ban đầu về mức trọng yếu cho toàn bộ báo cáo tài chính, kiểm toán viên tiến hành phân bổ mức trọng yếu cho các khoản mục cụ thể.

➤ Đánh giá rủi ro

Vì nợ phải trả có ảnh hưởng lớn đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của đơn vị nên trong quá trình kiểm toán, kiểm toán viên lưu ý các vấn đề sau:

- Khả năng nợ phải trả bị khai thấp hay không được ghi chép đầy đủ khiến cho lợi nhuận tăng giả tạo. Ví dụ như đơn vị trì hoãn ghi nhận chi phí phát sinh vào tháng 12/N sang tháng 1/N+1 sẽ làm cho nợ phải trả bị khai thấp, đồng thời lợi nhuận sẽ tăng. Vì vậy, kiểm toán viên cần quan tâm đến mục tiêu đầy đủ.

- Chú ý các cam kết của đơn vị trong các khoản vay dài hạn đối với chủ nợ. Thông thường đối với các khoản vay dài hạn, để có thể được vay, đơn vị thường phải chấp nhận một số giới hạn về việc sử dụng tiền vay do đã cam kết với chủ nợ. Do đó, kiểm toán viên cần chú ý tìm hiểu hợp đồng vay và kiểm tra việc chấp hành những giới hạn đã cam kết.
- Kiểm toán viên cần lưu ý đến các khoản dự phòng phải trả của đơn vị, cần kiểm tra đơn vị có trình bày trên báo cáo tài chính hay không.

Kiểm toán viên tìm hiểu hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị và có thể mô tả hệ thống này bằng các công cụ, chẳng hạn như bảng câu hỏi (Bảng 1.2). Sau đó, kiểm toán viên thực hiện kỹ thuật walk-through đảm bảo sự mô tả của mình đúng với hiện trạng của hệ thống. Từ đó, kiểm toán viên đánh giá rủi ro kiểm soát và rủi ro có sai sót trọng yếu ở cấp độ cơ sở dẫn liệu đối với nợ phải trả.

Bảng 1.2: Bảng câu hỏi về kiểm soát nội bộ đối với nợ phải trả

Câu hỏi	Trả lời		Đánh giá của kiểm toán viên về yếu kém của kiểm soát nội bộ		Ghi chú
	Có	Không	Quan trọng	Thứ yếu	
1. Việc mua hàng có được xét duyệt bởi người có thẩm quyền hay không?					
2. Việc ghi nhận nợ phải trả người bán có dựa trên bộ chứng từ mua hàng đã được xét duyệt không?					
3. Đơn vị có bộ phận độc lập theo dõi việc thanh toán cho người bán và đối chiếu công nợ thường xuyên hay không?					
4. Các quyết định đi vay có được lên kế hoạch trước và được người có thẩm quyền xét duyệt hay không?					
5. Các điều khoản của hợp đồng vay có được xem xét kỹ trước khi ký hợp đồng hay không?					
6. Có trường hợp nào cho thấy đơn vị bị ngân hàng phạt vì không tuân thủ điều khoản của hợp đồng vay hay không?					

7. Kế hoạch sử dụng vốn vay và kế hoạch trả nợ có được phê duyệt bởi người có thẩm quyền và tuân thủ trên thực tế hay không?					
8. Đơn vị có sử dụng các tài sản (hàng tồn kho, tài sản cố định) để thế chấp các khoản vay hay không?					
9. ...					

(Nguồn: Bài giảng Kiểm toán báo cáo tài chính 2,2022)

Trên cơ sở mức trọng yếu được phân bổ cho khoản mục nợ phải trả nhà cung cấp, kiểm toán viên tiến hành đánh giá khả năng xảy ra sai sót trọng yếu đối với khoản mục nợ phải trả nhà cung cấp để phục vụ cho việc thiết kế các thủ tục kiểm toán và xây dựng chương trình kiểm toán cho khoản mục này. kiểm toán viên xác định mức rủi ro kiểm toán mong muốn. Mức rủi ro này phụ thuộc vào 2 yếu tố:

- Mức độ người sử dụng thông tin từ báo cáo tài chính tin tưởng vào báo cáo tài chính của doanh nghiệp.
- Khả năng khách hàng gặp phải khó khăn về tài chính sau khi báo cáo tài chính được công bố
- Rủi ro kiểm toán (AR) gồm 3 yếu tố cấu thành:
 - o Rủi ro tiềm tàng (IR): là khả năng tiềm ẩn gian lận và sai sót trọng yếu của khoản mục nợ phải trả nhà cung cấp, khi chưa xét đến tác động của kiểm soát nội bộ hay hoạt động kiểm toán.
 - o Rủi ro kiểm soát (CR): là khả năng xảy ra sai phạm trọng yếu đối với khoản mục nợ phải trả nhà cung cấp do kiểm soát nội bộ không hoạt động hoặc hoạt động không có hiệu quả trong việc ngăn chặn và phát hiện ra sai phạm.
 - o Rủi ro phát hiện (DR): là khả năng xảy ra sai phạm đối với khoản mục nợ phải trả nhà cung cấp mà trong quá trình kiểm toán kiểm toán viên không phát hiện ra.

Mối quan hệ giữa các loại rủi ro kiểm toán thể hiện ở công thức

$$AR = IR * CR * DR$$

1.3.1.6. Nghiên cứu hệ thống kiểm soát nội bộ (kiểm soát nội bộ) của khách hàng và đánh giá rủi ro kiểm soát

Đây là công việc quan trọng trong giai đoạn chuẩn bị kiểm toán, giúp kiểm toán viên có một sự hiểu biết đầy đủ kiểm soát nội bộ để thiết lập kế hoạch kiểm toán và

xác định bản chất thời gian và phạm vi của các cuộc khảo sát cần thực hiện. kiểm soát nội bộ bao gồm các yếu tố: môi trường kiểm soát, hệ thống kế toán, các thủ tục kiểm soát và bộ phận kiểm toán nội bộ.

Đánh giá môi trường kiểm soát dựa vào các căn cứ:

- Đặc thù quản lý: ai là người nắm quyền phê duyệt các chính sách thủ tục kiểm soát sẽ được áp dụng trong công ty.
- Công tác điều hành trong đơn vị, việc đưa ra các chính sách của các cấp lãnh đạo được thực hiện như thế nào. Đánh giá hệ thống kế toán
- Tổ chức kế toán phân hành khoản nợ phải trả nhà cung cấp bao gồm: kế toán thực hiện, hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách liên quan đến phân hành nợ phải trả nhà cung cấp.
- Nghiên cứu quy trình kế toán khoản mục nợ phải trả, quá trình luân chuyển chứng từ. Việc hạch toán nợ phải trả nằm trong quá trình mua hàng và thanh toán của công ty vì thế kiểm toán viên cần phải nghiên cứu các giai đoạn của quá trình mua hàng, từ khi có nhu cầu mua hàng, thực hiện mua hàng, nhập kho và tiến hành ghi sổ công nợ đến khi đưa thông tin lên báo cáo tài chính.

Các thủ tục kiểm soát có thể thực hiện là:

- Kiểm toán viên kiểm tra xem các giai đoạn trong quá trình mua hàng có được phân chia cho các nhân viên theo nguyên tắc phân công phân nhiệm hay không.
- Kiểm tra có đảm bảo nguyên tắc bất kiêm nhiệm, ngăn ngừa sai phạm do có sự lạm quyền. Trong công tác mua hàng thì bộ phận mua hàng phải tách biệt với bộ phận phê chuẩn và bộ phận nhận hàng, kế toán thực hiện ghi sổ phải tách biệt với bộ phận kho.
- Việc ủy quyền phê chuẩn có được thực hiện đúng đắn, việc phê duyệt trên các hợp đồng mua hàng, các yêu cầu mua hàng có được thực hiện bởi đúng cấp có thẩm quyền hay không.

Sau khi có được những hiểu biết về kiểm soát nội bộ, kiểm toán viên tiến hành đánh giá về rủi ro kiểm soát của khoản mục nợ phải trả nhà cung cấp.

1.3.1.7. Thiết kế chương trình kiểm toán

Theo chuẩn mực số 300: “Chương trình kiểm toán là bộ chỉ dẫn cho kiểm toán viên và trợ lý kiểm toán tham gia vào công việc kiểm toán và là phương tiện ghi chép theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện kiểm toán. Chương trình kiểm toán chỉ dẫn mục tiêu kiểm toán từng phần hành, nội dung, lịch trình và phạm vi kiểm toán cụ thể và thời gian ước tính cần thiết cho các phần hành”.

Chương trình kiểm toán khoản mục nợ phải trả nhà cung cấp bao gồm các nội dung:

- Các thủ tục kiểm toán cần sử dụng: bao gồm các hướng dẫn chi tiết về quá trình thu thập bằng chứng kiểm toán của khoản mục nợ phải trả nhà cung cấp.
- Quy mô mẫu chọn: các nghiệp vụ phải trả phát sinh trong năm rất lớn, vì thế kiểm toán viên tiến hành chọn mẫu để kiểm tra.
- Khoản mục được chọn: khi tiến hành kiểm toán khoản mục nợ phải trả nhà cung cấp cần chọn những nhà cung cấp có các nghiệp vụ phức tạp, phát sinh nhiều.
- Thời gian thực hiện: xây dựng thời điểm bắt đầu và kết thúc các thủ tục kiểm toán đề ra.

1.3.2. Thực hiện kiểm toán

1.3.2.1 Nghiên cứu và đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ đối với nợ phải trả nhà cung cấp:

Thử nghiệm kiểm soát được thực hiện nhằm đánh giá sự tồn tại và hiện hữu của hệ thống kiểm soát nội bộ. Thử nghiệm kiểm soát chỉ được thực hiện khi hệ thống kiểm soát nội bộ của khách hàng được đánh giá là có tồn tại và có hiệu lực. Trong trường hợp này thủ tục kiểm soát được vận dụng để thu thập các bằng chứng về sự thiết kế phù hợp và vận hành có hiệu quả của kiểm soát nội bộ đối với nợ phải trả nhà cung cấp.

Nợ phải trả nhà cung cấp gắn liền với chu trình mua hàng và thanh toán của khách hàng. Vì thế kiểm soát nội bộ đối với khoản mục nợ phải trả nhà cung cấp cũng gắn với quá trình mua hàng thanh toán của khách hàng. Kế toán mở sổ theo dõi chi tiết từng đối tượng công nợ phải trả. Quá trình mua hàng có sự tách biệt giữa bộ phận mua hàng, bộ phận phê duyệt, bộ phận kiểm nhận hàng và nhập kho. Sau khi nhận được đầy đủ giấy tờ, hóa đơn, kế toán tiến hành hạch toán nghiệp vụ phát sinh. Kiểm toán viên có thể vận dụng các kỹ thuật: điều tra, phỏng vấn, thực hiện lại, kiểm tra từ đầu đến cuối, kiểm tra ngược lại để thu thập bằng chứng kiểm toán.

- Kiểm toán viên tiến hành phỏng vấn kế toán khoản mục nợ phải trả nhà cung cấp thời điểm ghi nhận nghiệp vụ nợ, việc thanh toán có đúng hạn và đảm bảo hiệu quả,...
- Kiểm tra các sổ sách, giấy tờ liên quan để xem xét việc ghi sổ có đúng, đủ không.
- Kiểm tra ngược lại một nghiệp vụ ghi nhận nợ từ sổ Cái ngược đến thời điểm phát sinh nghiệp vụ để xem xét hoạt động kiểm soát đối với các nghiệp vụ đó.

- Đối với các khoản vay dài hạn: thử nghiệm kiểm soát sẽ được kết hợp với thử nghiệm cơ bản.

Sau khi thu thập các bằng chứng khẳng định kiểm soát nội bộ của khách hàng đối với khoản nợ phải trả nhà cung cấp có hiệu lực thì thủ tục kiểm toán cơ bản được giữ nguyên theo kế hoạch. Trong trường hợp ngược lại thì nhóm kiểm toán sẽ thảo luận lại với khách hàng, tăng các thủ tục kiểm tra chi tiết để thu thập thêm bằng chứng kiểm toán.

1.3.2.2 Thử nghiệm cơ bản

- Thử nghiệm cơ bản đối với nợ phải trả người bán

Thử nghiệm cơ bản được thể hiện tóm tắt qua bảng 1.3 như sau:

Bảng 1.3: Thử nghiệm cơ bản đối với nợ phải trả người bán

Thử nghiệm kiểm toán	Thủ tục kiểm toán	Mục tiêu kiểm toán
Thủ tục phân tích	<ul style="list-style-type: none"> - So sánh số dư phải trả người bán với kỳ trước; - Tỷ trọng số dư phải trả người bán/giá vốn hàng bán; - Tỷ trọng số dư phải trả nhà cung cấp trong tổng nợ ngắn hạn, dài hạn - So sánh các nhà cung cấp chính của kỳ hiện tại với kỳ trước đây; - Soát xét các khoản mục bất thường. 	<ul style="list-style-type: none"> Hiện hữu Chính xác Đầy đủ Đánh giá
Kiểm tra chi tiết	Thu thập bảng phân loại nợ phải trả người bán và đối chiếu với sổ cái.	<ul style="list-style-type: none"> Chính xác Đầy đủ
	Gửi thư xác nhận một số khoản phải trả.	<ul style="list-style-type: none"> Hiện hữu Chính xác Quyền và nghĩa vụ
	Xác định tính đầy đủ của các khoản phải trả người bán và tìm hiểu về các khoản phải trả người bán chưa được ghi nhận.	<ul style="list-style-type: none"> Đầy đủ Hiện hữu
	Kiểm tra các khoản phải trả là ngoại tệ.	Đánh giá
	Xem xét việc trình bày và thuyết minh.	Trình bày và thuyết minh

(Nguồn: Bài giảng Kiểm toán báo cáo tài chính 2,2022)

a. Thủ tục phân tích cơ bản

Kiểm toán viên phân tích sự biến động bất thường của một số chỉ tiêu để so sánh với năm trước và tìm hiểu nguyên nhân:

- So sánh và phân tích số dư phải trả người bán kỳ hiện tại với kỳ trước, tỷ trọng của số dư khoản phải trả người bán với giá vốn trong kỳ; tỷ trọng số dư phải trả nhà cung cấp trong tổng nợ ngắn hạn, dài hạn để phát hiện sự biến động bất thường và đánh giá tính phù hợp với thay đổi trong hoạt động kinh doanh của đơn vị;

- So sánh các nhà cung cấp chính của kỳ hiện tại với kỳ trước đây;

Ngoài ra, kiểm toán viên sẽ soát xét các khoản mục lớn hơn mức trọng yếu thực hiện, hoặc khoản mục bất thường. Xem xét danh mục chi tiết các khoản phải trả theo nhà cung cấp để xác định các số dư bất thường (số dư lớn, các bên liên quan, nợ lâu ngày số dư không biến động, các khoản nợ không phải là nhà cung cấp, số dư âm...).

Kiểm toán viên cần xem xét liệu có các rủi ro cụ thể được xác định từ việc thực hiện các thủ tục phân tích dẫn đến số dư các khoản phải trả người bán có chứa đựng sai sót trọng yếu không.

b. Thu thập bằng phân loại nợ phải trả người bán và đối chiếu với sổ Cái

Kiểm toán viên thực hiện thủ tục này nhằm kiểm tra xem số liệu nợ phải trả trên Báo cáo tài chính có khớp với các khoản phải trả của từng đối tượng trong các sổ chi tiết hay không. Kiểm toán viên sẽ thực hiện các thủ tục sau:

- Lập bảng tổng hợp số liệu dựa trên Bảng Cân đối số phát sinh kỳ hiện tại và số liệu kỳ trước đã được kiểm toán với thông tin chi tiết của các khoản phải trả người bán, hóa đơn thanh toán.

- Thu thập danh mục chi tiết các khoản phải trả người bán (theo nhà cung cấp) và đối chiếu với bảng tổng hợp số liệu nêu trên.

Lưu ý: Khi kiểm toán viên sử dụng danh mục hoặc sổ, tài liệu kế toán do Ban Giám đốc lập cho mục đích kiểm toán, kiểm toán viên phải thực hiện các thủ tục để đảm bảo rằng danh mục/tài liệu là chính xác và đầy đủ.

c. Gửi thư xác nhận một số khoản phải trả

Thông thường kiểm toán viên sẽ gửi thư xác nhận đối với tất cả các nhà cung cấp nhằm phát hiện những khoản nợ phải trả không được ghi chép. Kiểm toán viên sẽ soát xét nhật ký mua hàng hoặc nhật ký chi trả tiền để xác định các nhà cung cấp chính và gửi thư xác nhận tới các nhà cung cấp này. Ngoài ra, họ còn gửi thư xác nhận tới các đơn vị thành viên, bên liên quan và một số nhà cung cấp mới. Thủ tục gửi thư xác nhận thường sẽ bao gồm:

- Lập yêu cầu xác nhận bao gồm thông tin chi tiết về nhà cung cấp (tên, địa chỉ, người chịu trách nhiệm), số dư trên sổ kế toán của khách hàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và một số thông tin chi tiết quan trọng khác cho mục đích kiểm toán;

- Kiểm tra liệu số dư có khớp với danh mục các khoản nợ tại ngày kết thúc kỳ kế toán và thông tin chi tiết của các nhà cung cấp có chính xác không;

- Gửi yêu cầu xác nhận đến các nhà cung cấp.

Trường hợp có chênh lệch giữa thư xác nhận và sổ kế toán thì kiểm toán viên sẽ thực hiện thủ tục như: phỏng vấn Ban Giám đốc cho các trường hợp có chênh lệch và đánh giá liệu việc giải thích của Ban Giám đốc về các chênh lệch có phù hợp không. Xem xét sự cần thiết phải bổ sung các thủ tục kiểm toán thay thế; Điều tra các ngoại lệ và soát xét các bản đối chiếu được đơn vị cung cấp;

Đối với các yêu cầu xác nhận không nhận được phản hồi trong thời hạn hợp lý, kiểm toán viên gửi yêu cầu xác nhận tiếp theo. Đối với các xác nhận không nhận được phản hồi, tìm hiểu nguyên nhân, xem xét có thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp bằng cách thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế như xác minh các tài liệu hỗ trợ phù hợp và liên quan khác không.

Trường hợp đơn vị không cho phép kiểm toán viên gửi thư xác nhận: Tìm hiểu lý do, đánh giá tính hợp lý của lý do kể cả ảnh hưởng đến đánh giá của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận. Thu thập giải trình bằng văn bản của BGD/BQT về nguyên nhân không cho phép và thực hiện các thủ tục thay thế khác (nếu thích hợp).

d. Xác định tính đầy đủ của các khoản phải trả người bán và tìm hiểu về các khoản phải trả người bán chưa được ghi nhận

Thủ tục này được xem là một nội dung quan trọng trong quá trình kiểm toán nợ phải trả vì việc ghi thiếu nợ phải trả có thể dẫn đến xảy ra một trong hai trường hợp sau:

(1) Ghi thiếu nợ phải trả đồng thời ghi thiếu một tài sản;

(2) Ghi thiếu nợ phải trả, đồng thời thiếu một khoản chi phí.

Trong hai trường hợp trên, trường hợp thứ hai gây ảnh hưởng trọng yếu hơn vì làm lợi nhuận biến đổi. Để phát hiện các khoản nợ phải trả bị ghi thiếu, kiểm toán viên sẽ thực hiện các thủ tục sau:

- Kiểm tra các nghiệp vụ sau ngày khóa sổ bằng các công việc như sau:

+ Soát xét các phiếu thanh toán phải trả được phát hành sau ngày kết thúc kỳ kế toán, nếu các khoản phải trả cho hàng hóa hoặc dịch vụ nhận trước ngày kết thúc kỳ kế toán, đảm bảo rằng các giao dịch này được thực hiện trước thời điểm kết thúc kỳ kế toán;

+ Soát xét các hóa đơn của nhà cung cấp chưa được thanh toán tại ngày kiểm toán để kiểm tra xem các giao dịch có liên quan tới kỳ được kiểm toán bằng cách soát xét xem giao dịch đã thực hiện tại ngày cuối kỳ chưa.

- Kiểm tra tính đầy đủ của các khoản phải trả người bán bằng các thủ tục như:

+ Soát xét sổ mua hàng theo ngày trong kỳ và các chứng từ thanh toán hỗ trợ phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán và hóa đơn của nhà cung cấp, để xác định được các nhà cung cấp chủ yếu;

+ Trong trường hợp số dư của các nhà cung cấp chính trong danh sách nợ phải trả chi tiết là thấp đáng kể hoặc bằng không, đánh giá và thu thập lý do cho các số dư này bằng cách soát xét báo cáo của các tài khoản với nhà cung cấp, soát xét sổ mua hàng...;

+ Khi các số dư trên bảng tổng hợp công nợ theo đối tượng khác với số dư trên sổ cái của đơn vị, thu thập các đối chiếu giải thích cho các chênh lệch, thực hiện đối chiếu các khoản mục trọng yếu đối với các tài liệu hỗ trợ;

+ Nếu một số dư khoản phải trả cụ thể không có lý do giải thích hợp lý sau khi kiểm toán viên soát xét các bằng chứng có sẵn, và khoản phải trả đó không được lựa chọn để gửi thư xác nhận, xem xét thực hiện gửi thư xác nhận bổ sung.

- Kiểm tra các Biên bản họp của Ban Giám đốc cho các hợp đồng mua sắm quan trọng hoặc mới thực hiện trong kỳ. Phỏng vấn quá trình mua sắm/các hợp đồng để xác định liệu có khoản phải trả trọng yếu bị bỏ sót không.

e. Kiểm tra các khoản phải trả là ngoại tệ

Đối với các giao dịch và số dư bằng ngoại tệ, kiểm toán viên kiểm tra việc áp dụng tỷ giá quy đổi, xác định và hạch toán chênh lệch tỷ giá đối với các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ và số dư cuối kỳ.

f. Xem xét việc trình bày và thuyết minh các khoản phải trả trên báo cáo tài chính

Thông thường sẽ bao gồm các vấn đề sau:

- Xem xét trường hợp phát sinh số dư bên Nợ trên các tài khoản Nợ phải trả như ứng trước tiền cho người bán, trả thừa tiền cho người bán...

- Các khoản nợ phải trả trọng yếu đối với các bên liên quan cần được công bố trên thuyết minh Báo cáo tài chính;

- Các khoản nợ phải trả được đảm bảo bằng tài sản thế chấp phải được thuyết minh và tham chiếu với tài sản bị thế chấp.

➤ Thử nghiệm cơ bản đối với các khoản vay

Các thủ tục liên quan đến thử nghiệm cơ bản các khoản vay được tóm tắt trong bảng 1.4 như sau:

Bảng 1.4: Mục tiêu kiểm toán và thủ tục kiểm toán

Thử nghiệm kiểm toán	Thủ tục kiểm toán	Mục tiêu kiểm toán
Thủ tục phân tích	<ul style="list-style-type: none"> - So sánh và phân tích số dư vay và nợ ngắn hạn, dài hạn của kỳ hiện tại với kỳ trước; - Đánh giá khả năng thanh toán của doanh nghiệp đối với các khoản vay và nợ đến hạn trả hoặc kế hoạch tái cơ cấu vay/nợ (nếu có); - So sánh chi phí lãi vay kỳ này với kỳ trước, giữa các tháng trong kỳ, các quý trong kỳ - Xem xét các khoản bất thường. 	<ul style="list-style-type: none"> Đầy đủ Chính xác Hiện hữu Đánh giá
Kiểm tra chi tiết	Thu thập phân loại các khoản vay và nợ ngắn hạn, dài hạn và đối chiếu với số liệu trong sổ cái	<ul style="list-style-type: none"> Hiện hữu Chính xác
	Gửi thư đề nghị xác nhận đến chủ nợ.	<ul style="list-style-type: none"> Hiện hữu Chính xác Quyền và nghĩa vụ
	Kiểm tra các khoản đi vay	<ul style="list-style-type: none"> Hiện hữu Chính xác
	Kiểm tra các khoản nợ thuê tài chính	<ul style="list-style-type: none"> Đầy đủ Chính xác Đánh giá
	Kiểm tra các khoản vay bằng ngoại tệ	<ul style="list-style-type: none"> Đánh giá Chính xác
	Xem xét việc trình bày và thuyết minh	<ul style="list-style-type: none"> Trình bày và thuyết minh

(Nguồn: Bài giảng Kiểm toán báo cáo tài chính 2, 2022)

a. Thủ tục phân tích cơ bản

Kiểm toán viên phân tích và phát hiện biến động bất thường để tìm hiểu nguyên nhân:

- So sánh và phân tích số dư vay và nợ ngắn hạn, dài hạn của kỳ hiện tại với kỳ trước, và tìm hiểu về lý do của sự biến động các số dư hoặc những thay đổi về các ngân hàng chính;

- Soát xét và so sánh các chỉ số chính hoặc chỉ số hoạt động khác của kỳ này so với kỳ trước; Đánh giá khả năng thanh toán của doanh nghiệp đối với các khoản vay và nợ đến hạn trả hoặc kế hoạch tái cơ cấu vay/nợ (nếu có);
- Soát xét các khoản mục lớn hơn mức trọng yếu thực hiện, hoặc khoản mục bất thường, tìm hiểu nguyên nhân và thực hiện thủ tục kiểm tra tương ứng (nếu cần);
- So sánh chi phí lãi vay kỳ này với kỳ trước, giữa các tháng trong kỳ, các quý trong kỳ, tìm hiểu và giải thích các biến động bất thường.

Ngoài việc phân tích các tỷ số trên, để phát hiện các biến động bất thường, kiểm toán viên đọc lướt sổ cái để xác định những khoản mục, nghiệp vụ bất thường, tìm hiểu nguyên nhân từ đó thực hiện thủ tục kiểm tra tương ứng (nếu cần).

b. Thu thập phân loại các khoản vay và nợ ngắn hạn, dài hạn và đối chiếu với số liệu trong sổ cái

Lập bảng tổng hợp số liệu dựa trên Bảng Cân đối số phát sinh kỳ hiện tại và số liệu đã được kiểm toán của kỳ trước.

Thu thập danh mục chi tiết các khoản vay ngân hàng (bao gồm cả các khoản thấu chi) với thông tin về bên cho vay (ngân hàng), kỳ hạn nợ, nguyên tắc, lãi suất, điều khoản thanh toán và điều khoản quan trọng khác trong thỏa thuận cho vay. Đối chiếu với bảng tổng hợp số liệu.

Thu thập kế hoạch thanh toán các khoản nợ thuê tài chính và đối chiếu với giá trị hiện tại của nghĩa vụ nợ thuê tài chính với bảng tổng hợp số liệu (bao gồm cả nợ dài hạn đến hạn trả và nợ dài hạn).

c. Gửi thư đề nghị xác nhận đến chủ nợ

Đối với các khoản vay ngân hàng: Việc xác nhận được thực hiện đồng thời với xác nhận về tiền gửi ngân hàng. Cần lưu ý là phải gửi thư xác nhận cho tất cả các ngân hàng mà đơn vị có giao dịch trong kỳ. Nội dung xác nhận bao gồm: xác nhận tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, bảo lãnh, thế chấp,...

Đối với các chủ nợ khác: Kiểm toán viên đề nghị xác nhận về ngày vay, thời hạn trả, số dư cuối kỳ, lãi suất, ngày trả lãi,...

Đối với các trái phiếu do đơn vị phát hành: Kiểm toán viên đề nghị người ủy thác xác nhận về các thông tin liên quan đến trái phiếu như ngày đáo hạn, lãi suất, giá trị trái phiếu đang lưu hành tại thời điểm khóa sổ,...

Khi nhận được thư phản hồi, kiểm toán viên sẽ tiến hành các thủ tục sau:

- Ghi lại trong bảng tổng hợp theo dõi thư xác nhận;

- Đối chiếu hoặc yêu cầu đơn vị đối chiếu với số dư hoặc sổ, tài liệu kế toán của đơn vị;

- Trong trường hợp có bất kỳ thông tin nào trên thư xác nhận nhận được không nhất quán với sổ cái/thuyết minh Báo cáo tài chính, kiểm toán viên tìm hiểu nguyên nhân, xem xét liệu có dấu hiệu của gian lận và sai sót khác không, thu thập phản hồi thư xác nhận đã được sửa đổi và xem xét ảnh hưởng đến các khu vực khác của cuộc kiểm toán;

- Xác thực nguồn gốc các phản hồi nếu các phản hồi nhận được bằng phương tiện điện tử (ví dụ: qua fax hoặc thư điện tử) bằng cách gọi điện thoại cho bên cho vay (ví dụ như các ngân hàng) để xác minh liệu có đúng là người xác nhận số dư và liệu quá trình xác nhận có bị can thiệp bởi khách hàng không.

Đối với yêu cầu xác nhận không phản hồi trong khoảng thời gian hợp lý, tìm hiểu nguyên nhân, yêu cầu đơn vị trao đổi với các ngân hàng, gửi thư xác nhận lần 2 (nếu cần). Xem xét việc thực hiện thủ tục thay thế (như kiểm tra hợp đồng vay, phiếu nhận tiền vay hoặc chứng từ chi trả vay/nợ gốc và lãi sau ngày kết thúc kỳ kế toán) có thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp không.

Trường hợp đơn vị không cho phép kiểm toán viên gửi thư xác nhận: Tìm hiểu lý do, đánh giá tính hợp lý của lý do và ảnh hưởng đến đánh giá rủi ro (kể cả rủi ro gian lận) của kiểm toán viên. Thu thập giải trình bằng văn bản của Ban Giám đốc về nguyên nhân không cho phép và thực hiện các thủ tục thay thế khác (nếu thích hợp).

d. Kiểm tra các khoản đi vay

Ngoài việc gửi thư xác nhận, kiểm toán viên có thể thực hiện các thủ tục bổ sung sau nhằm đảm bảo các khoản đi vay có thực và chính xác:

- Đối với các khoản nợ mới nhận trong kỳ, thu thập các hợp đồng/khế ước vay và đối chiếu với giá trị gốc vay, lãi suất, kỳ hạn cho vay, tài sản thế chấp, các quy định, các điều khoản phải tuân thủ. Lưu ý các điều khoản bất thường về thời hạn, lãi suất, tài sản đảm bảo,... có thể chỉ ra các bên liên quan chưa được đơn vị công bố trước đó và các điều khoản quan trọng khác với bảng tổng hợp số liệu đi vay do đơn vị lập; đối chiếu với chứng từ gốc liên quan đến việc rút các khoản vay như báo cáo của ngân hàng,...;

- Đối với các khoản nợ đã trả trong kỳ, đối chiếu với các phiếu thanh toán và kiểm tra liệu các khoản thanh toán đã thực hiện tuân thủ với thỏa thuận cho vay hay chưa? Xác định ảnh hưởng của việc không tuân thủ (nếu có);

- Thu thập các hợp đồng vay vốn của ngân hàng để xem xét liệu các khoản tín dụng (bao gồm các khoản thấu chi) có được ngân hàng tài trợ không và được rút vốn theo hạn mức tín dụng không;

- Soát xét thỏa thuận cho vay đối với các hợp đồng/khế ước vay ngân hàng; nếu có, yêu cầu khách hàng cung cấp các tính toán hoặc bằng chứng thể hiện các kế ước ngân hàng được thực hiện như thế nào;

- Kiểm tra với sổ phụ của ngân hàng/phản hồi xác nhận của ngân hàng;

- Kiểm tra mục đích của các khoản vay, tính toán lại phần chi phí lãi vay cần được vốn hóa trong kỳ và đối chiếu với phần lãi vay đã ghi nhận trong nguyên giá tài sản cố định ở phần hành kiểm toán tài sản cố định (D700);

- Đối với các khoản vay nước ngoài: Kiểm tra việc đăng ký với Ngân hàng Nhà nước của các khoản vay dài hạn và trung hạn và các nghĩa vụ thuế nhà thầu đối với chi phí lãi vay;

- Đối với các khoản vay bên liên quan: Kiểm tra thẩm quyền phê duyệt, lãi suất áp dụng, mục đích vay, điều khoản vay và thanh toán. Lưu ý việc tính toán chi phí lãi vay được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo các quy định về giao dịch liên kết.

e. Kiểm tra các khoản nợ thuê tài chính

Thu thập các hợp đồng thuê từ khách hàng, bao gồm hợp đồng thuê mới được ký trong kỳ. Đối chiếu thông tin quan trọng của các thỏa thuận thuê tài chính với hợp đồng thuê, bao gồm kỳ cho thuê, giá trị thu hồi (nếu có), số dư phải trả định kỳ,...

Đối với kế hoạch thanh toán:

- Kiểm tra việc tính toán lãi suất ngầm định (lãi suất cho vay có hiệu lực) (nếu có);

- Kiểm tra tính chính xác số học của kế hoạch thanh toán;

- Tính toán lại giá trị hiện tại thuần của các nghĩa vụ nợ thuê tài chính tại thời điểm cuối kỳ và phân loại các khoản nợ dài hạn đến hạn trả và nợ dài hạn (nếu cần).

Thu thập các xác nhận từ bên cho vay để xác minh các thông tin chi tiết như giá trị hợp lý của tài sản, kỳ hạn cho vay, số tiền đã thanh toán trong kỳ và/hoặc khoản phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Sự tuân thủ thỏa thuận: Xác định và lưu tài liệu về tính tuân thủ các điều khoản của hợp đồng hoặc thỏa thuận trong kỳ và cập nhật đến ngày lập báo cáo. Khi có hành vi không tuân thủ được phát hiện:

- Xem xét liệu hợp đồng vay/nợ có các hủy bỏ không. Nếu có, kiểm tra các tài liệu hỗ trợ;

- Ghi lại chi tiết và thảo luận các phát hiện với ban giám đốc;
- Khi trọng yếu, xem xét ảnh hưởng tới ý kiến kiểm toán và thuyết minh Báo cáo tài chính.

f. Kiểm tra các khoản vay bằng ngoại tệ

Đối với các giao dịch và số dư bằng ngoại tệ: Kiểm tra việc áp dụng tỷ giá quy đổi, xác định và hạch toán chênh lệch tỷ giá đối với các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ và số dư cuối kỳ

h. Kiểm tra việc trình bày và thuyết minh đối với các khoản vay

Kiểm toán viên quan tâm các vấn đề sau:

- Các khoản vay cần được tách biệt giữa nợ ngắn hạn và nợ dài hạn. Vì vậy, những khoản vay dài hạn cuối kỳ mà đến hạn trong năm sau thì cần phân loại lại thành nợ ngắn hạn và được thuyết minh là nợ dài hạn đến hạn trả;
- Khoản vay từ các bên liên quan, khoản vay có thể chấp, các giới hạn bắt buộc trong hợp đồng vay dài hạn cần công bố trên thuyết minh Báo cáo tài chính.

➤ Thử nghiệm cơ bản đối với các khoản phải nộp nhà nước

Bảng 1.5: Thử nghiệm cơ bản đối với các khoản phải nộp nhà nước

Thử nghiệm kiểm toán	Thủ tục kiểm toán	Mục tiêu kiểm toán
Thủ tục phân tích	So sánh các số liệu của kỳ hiện tại với các số liệu của kỳ trước. So sánh các chỉ số tài chính hoặc các chỉ số khác.	Đầy đủ Hiện hữu Chính xác
Kiểm tra chi tiết	Kiểm tra việc ghi nhận các khoản thuế	Đầy đủ Hiện hữu Chính xác
	Xem xét việc trình bày và thuyết minh các khoản phải nộp nhà nước.	Trình bày và thuyết minh

(Nguồn: Bài giảng Kiểm toán báo cáo tài chính 2,2022)

a. Thủ tục phân tích

Các thủ tục phân tích sau sẽ giúp kiểm toán viên phát hiện sự bất thường của các khoản phải nộp nhà nước:

- So sánh các số liệu của kỳ hiện tại với các số liệu của kỳ trước, đánh giá tính thích hợp của biến động;

- Soát xét và so sánh các chỉ số chính hoặc các chỉ số hoạt động khác;
- Soát xét các khoản mục lớn hơn mức trọng yếu thực hiện hoặc các khoản mục bất thường, tìm hiểu nguyên nhân và thực hiện thủ tục kiểm tra tương ứng.

Đọc lướt sổ cái để xác định những khoản mục, nghiệp vụ bất thường, tìm hiểu nguyên nhân và thực hiện thủ tục kiểm tra tương ứng (nếu cần).

b. Kiểm tra việc ghi nhận các khoản thuế

Đối với thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Để đảm bảo thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được trình bày đầy đủ và chính xác, kiểm toán viên sẽ thực hiện các thủ tục sau:

- Thu thập tính toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thực hiện các thủ tục sau:

- + Kiểm tra lợi nhuận trước thuế được sử dụng trong việc tính toán đối chiếu với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, đối chiếu số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trên tờ khai với số liệu trên sổ kế toán, Báo cáo tài chính;

- + Soát xét các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp để xác định xem các khoản điều chỉnh có được thực hiện theo các quy định về thuế có liên quan không; Kiểm tra tính đầy đủ, chính xác của việc xác định các khoản thu nhập và chi phí chịu thuế/không chịu thuế, được/không được khấu trừ hoặc được hưởng ưu đãi, miễn giảm hoặc chịu mức thuế suất khác nhau trên cơ sở kết quả kiểm toán các phần hành doanh thu/chi phí liên quan;

- + Thu thập các phân tích về các khoản lợi nhuận hoặc các khoản lỗ có thể bao gồm các khoản chi phí không được khấu trừ;

- + Xác định tính chính xác số học của việc tính toán.

- Kiểm tra các quy định về thuế được áp dụng liên quan tới thu nhập có từ nước ngoài có được tính toán phù hợp.

- Soát xét lại tình hình thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành bao gồm thu thập chi tiết đánh giá từ đầu năm và những vấn đề quan trọng đang phải xử lý với cơ quan thuế để đánh giá khả năng ghi thừa/thiếu nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Xem xét liệu có phải ghi tăng hoặc ghi giảm các nghĩa vụ thuế liên quan đến những năm trước đây không.

- Kiểm tra thuế thu nhập hoãn lại phải trả (tài sản thuế thu nhập hoãn lại) của kỳ hiện tại và các kỳ trước đã được xác định theo số thuế dự kiến phải trả (phải thu lại từ)

cơ quan thuế, thuế suất được sử dụng (và pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp) đã được ban hành hoặc có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

- Thu thập bảng phân tích tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả, tùy theo điều kiện áp dụng và xem xét liệu các khoản chênh lệch tạm thời đã được hạch toán phù hợp hay chưa.

Ví dụ chênh lệch tạm thời dẫn đến tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả là: Chênh lệch phát sinh từ tỷ lệ khấu hao khác nhau giữa mục đích kế toán và mục đích thuế, các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng và nợ thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có khoản lợi nhuận tính thuế để sử dụng các khoản lỗ và khoản nợ thuế chưa sử dụng này.

- Thu thập bảng tính thuế thu nhập hoãn lại và thực hiện các thủ tục sau:

+ Đối chiếu giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của tài sản hoặc nợ phải trả với bảng tổng hợp có liên quan;

+ Kiểm tra với bảng tính thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành để xem có chênh lệch tạm thời nào bị bỏ sót không;

+ Xác minh lại tính chính xác số học của các tính toán.

- Kiểm tra tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả có được tính toán theo thuế suất dự kiến áp dụng cho thời kỳ mà tài sản được thực hiện và nợ phải trả được thanh toán, dựa trên thuế suất (và pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp) đã ban hành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với thuế giá trị gia tăng

- Thu thập và kiểm tra, hoặc lập bảng tổng hợp, đối chiếu thuế GTGT. Đối chiếu các khoản phải trả thuế GTGT hoặc các khoản hoàn trả đến hạn với tờ khai GTGT liên quan (tổng số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, tổng số thuế GTGT đầu ra phát sinh, tổng doanh thu kê khai tính thuế...). Tìm hiểu nguyên nhân chênh lệch (nếu có).

- Kiểm tra, đối chiếu với các văn bản quy định về thuế để đảm bảo rằng thuế suất thuế GTGT được đơn vị áp dụng phù hợp với quy định.

- Đối chiếu doanh thu của từng khoản mục trên sổ kế toán với doanh thu ghi trên tờ khai GTGT.

- Dựa trên số liệu doanh thu, thu nhập khác của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT và thuế suất tương ứng, lập ước tính độc lập về thuế GTGT đầu ra và so sánh với số liệu hạch toán và kê khai thuế GTGT. Tìm hiểu nguyên nhân chênh lệch (nếu có).

- Soát xét các nghĩa vụ liên quan đến thuế GTGT của đơn vị, bao gồm các văn bản giải trình và kiểm tra xem đơn vị có thực hiện trích lập dự phòng thích hợp cho các khoản tiền phạt dự kiến và các khoản tiền thu được từ việc không kê khai thuế không.

Đối với thuế thu nhập cá nhân

- Kiểm tra việc tính toán, kê khai và nộp thuế thu nhập cá nhân, đối chiếu số liệu kế toán với các tờ khai thuế, bảng lương và chứng từ nộp thuế, đối chiếu với các văn bản quy định về thuế thu nhập cá nhân có liên quan.

- Xem xét, trao đổi với các kiểm toán viên thực hiện các phần hành khác xem trong kỳ có phát sinh các khoản chi phí như:

+ Tiền nhuận bút; tiền dịch sách; tiền giảng dạy; tiền tham gia các hiệp hội, thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, ban quản lý,...; tiền thực hiện các dịch vụ khoa học kỹ thuật, dịch vụ văn hoá, thể dục thể thao, các dịch vụ tư vấn thiết kế xây dựng, dịch vụ pháp lý; khuyến mãi bằng tiền, trúng thưởng...;

+ Tiền thuê nhà trả cho người nước ngoài, tiền đóng học phí cho con học phổ thông của người lao động Việt Nam, tiền thuê xe cho cá nhân người lao động, mua bảo hiểm không bắt buộc, chi phí khám chữa bệnh,...;

+ Lợi nhuận/cổ tức chi trả bằng tiền cho các thành viên/cổ đông;

+ Khoản vay tiền từ các cá nhân;

Nếu có, xem xét xem đơn vị có thực hiện khấu trừ và kê khai và nộp thuế thu nhập cá nhân cho các khoản chi này theo qui định chưa/tính các khoản này vào thu nhập chịu thuế khi xác định thuế thu nhập cá nhân phải nộp của người lao động không.

- Đối với thuế nhập khẩu, thuế GTGT hàng nhập khẩu

- Đối chiếu số thuế phải nộp theo sổ kế toán với các tờ khai thuế trong năm và chứng từ liên quan, đảm bảo các khoản thuế này đã được hạch toán chính xác và đầy đủ. Giải thích những chênh lệch lớn (nếu có);

- Kiểm tra chi tiết chứng từ nộp thuế nhập khẩu, thuế GTGT hàng nhập khẩu đã nộp trong năm;

- Dựa trên lượng hàng tồn kho thực tế, ước tính số thuế nhập khẩu được hoàn cho hàng mua đã nộp thuế nhập khẩu. So sánh số ước tính với số liệu của đơn vị đã hạch toán và tìm hiểu nguyên nhân chênh lệch (nếu có);

- Kiểm tra, đối chiếu để đảm bảo số dư cuối kỳ về thuế GTGT hàng nhập khẩu tương ứng với thuế GTGT còn được khấu trừ trên tờ khai.

Đối với thuế tiêu thụ đặc biệt

- Kiểm tra việc kê khai, hạch toán thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp, đã nộp đối với các mặt hàng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, đối chiếu số liệu kế toán với các tờ khai thuế, biên bản quyết toán thuế và chứng từ nộp thuế, đối chiếu với các văn bản quy định về thuế tiêu thụ đặc biệt.

- Ước tính số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp trong kỳ cho hàng hóa, dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt. So sánh số ước tính với số liệu của đơn vị đã hạch toán và tìm hiểu nguyên nhân chênh lệch (nếu có).

- Kiểm tra, đối chiếu với chứng từ toàn bộ các khoản hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt trong kỳ (nếu có) và đảm bảo thuế được hoàn được phản ánh phù hợp vào sổ kế toán.

Thuế nhà thầu, thuế môn bài và các loại thuế khác (như thuế bảo vệ môi trường...)

- Thu thập danh sách nhà thầu nước ngoài, hàng hóa và dịch vụ thuê nước ngoài đã trả, xem xét tính đầy đủ và chính xác của các khoản trích lập thuế nhà thầu theo sổ kế toán và kê khai của đơn vị cũng như việc thanh toán;

- Xem xét đơn vị có đăng ký mã số thuế cho nhà thầu nước ngoài khi ký hợp đồng không;

- Kiểm tra thuế nộp trong năm với chứng từ chi tiền.

- Kiểm tra việc tính toán, kê khai và nộp thuế và các khoản phải nộp khác. Đối chiếu số liệu kế toán với các tờ khai thuế và các khoản phải nộp, chứng từ nộp, đối chiếu với các văn bản quy định về các khoản thuế có liên quan.

c. Xem xét việc trình bày và thuyết minh

Kiểm toán viên kiểm tra việc thuyết minh các khoản phải nộp nhà nước nhằm đảm bảo các khoản này được thuyết minh phù hợp trên Báo cáo tài chính theo khuôn khổ lập và trình bày Báo cáo tài chính được áp dụng.

➤ Thử nghiệm cơ bản đối với khoản phải trả người lao động

Bảng 1.6: Thử nghiệm cơ bản đối với khoản phải trả người lao động

Thử nghiệm kiểm toán	Thủ tục kiểm toán	Mục tiêu kiểm toán
Thủ tục phân tích	So sánh số dư năm nay với năm trước. So sánh phân tích biến động chi phí lương năm nay với năm trước. So sánh biến động khoản trích vào chi phí của KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN xem có cùng tốc độ biến động với tiền lương không.	Đầy đủ Hiện hữu Chính xác
Kiểm tra chi tiết	Kiểm tra các khoản phải trả người lao động và các	Đầy đủ Hiện hữu

	khoản trích theo lương.	Chính xác Quyền và nghĩa vụ
	Xem xét vấn đề trình bày và thuyết minh.	Trình bày và thuyết minh

(Nguồn: Bài giảng Kiểm toán báo cáo tài chính 2, 2022)

a. Thủ tục phân tích

- So sánh số dư lương phải trả, các khoản trích theo lương phải trả năm nay so với năm trước, qui mô của các khoản phải trả này trong tổng nợ phải trả năm nay với năm trước. Tìm hiểu nguyên nhân những biến động lớn, bất thường;

- So sánh phân tích biến động chi phí lương năm nay với năm trước, biến động theo tháng và theo bộ phận (quản lý văn phòng, quản lý phân xưởng, bán hàng, lao động trực tiếp,...), kết hợp với biến động về nhân sự và chính sách thay đổi lương, các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, thành phẩm sản xuất,... để đánh giá tính hợp lý và phát hiện các vấn đề bất thường;

- So sánh biến động khoản trích vào chi phí của kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp xem có cùng tốc độ biến động với tiền lương không;

- Ước tính bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định và so sánh với số liệu đơn vị. Tìm hiểu và giải thích các chênh lệch;

- Soát xét các khoản mục lớn hơn mức trọng yếu thực hiện, hoặc khoản mục bất thường, tìm hiểu nguyên nhân và thực hiện thủ tục kiểm tra tương ứng.

b. Kiểm tra các khoản phải trả người lao động và các khoản trích theo lương

Để xác định tính đầy đủ, hiện hữu và chính xác của các khoản phải trả người lao động và các khoản trích theo lương, kiểm toán viên sẽ thực hiện các thủ tục sau:

- Kiểm tra chi tiết các chi phí nhân viên bằng cách thực hiện các thủ tục như:

+ Chọn mẫu nhân viên từ các hồ sơ nhân viên (ví dụ, hợp đồng lao động, bảng chấm công, tờ khai thuế) xác nhận tính có thật của nhân viên, kiểm tra hồ sơ nhân sự, đảm bảo: Đơn giá tiền lương phù hợp với hợp đồng lao động và các quyết định điều chỉnh lương, tiền lương được tính đúng, kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, thuế thu thập cá nhân được khấu trừ phù hợp với qui định hiện hành.

+ Chọn mẫu nhân viên từ các hợp đồng lao động do bộ phận nhân sự lưu giữ và đối chiếu với danh sách nhân viên để kiểm tra tính đầy đủ;

+ Thu thập chi tiết các khoản thù lao bao gồm các khoản phúc lợi đã trả hoặc phải trả cho nhân sự quản lý chủ chốt và đối chiếu với xác nhận của nhân viên hoặc;

- + Kiểm tra chi phí nhân viên đã được phê duyệt bởi người có thẩm quyền chưa;
- + Đảm bảo chi phí tiền lương được phân loại phù hợp (tiền lương cho bộ phận quản lý doanh nghiệp, bộ phận bán hàng, bộ phận trực tiếp sản xuất, bộ phận sản xuất chung,...).
- Phòng vấn về các khoản tiền công không có người nhận và xác minh lại các giải thích.
- Trường hợp các khoản thanh toán cho lao động tạm thời lớn, kiểm tra tính có thật và việc phê duyệt các khoản thanh toán này (ví dụ: bảng chấm công đã được phê duyệt, mức lương và thanh toán làm thêm giờ).
- Đối với khoản thù lao trả cho Ban Giám đốc, kiểm toán viên sẽ tiến hành:
 - + Xác minh xem khoản thù lao của Ban Giám đốc bao gồm lợi ích bằng hiện vật và lợi ích trong các hợp đồng có được trình bày và thuyết minh đúng trong Báo cáo tài chính bằng việc xem xét tới: Các hợp đồng dịch vụ (hợp đồng mà Ban Giám đốc và nhân viên thực hiện các dịch vụ được hưởng thù lao, hoa hồng), các Biên bản họp của Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, các hợp đồng lao động;
 - + Thu thập xác nhận về thù lao của từng Thành viên Ban Giám đốc và nhân sự quản lý chủ chốt để kiểm tra tính đầy đủ;
 - + Thu nhập của các bên liên quan và các thành viên quản lý chủ chốt: Kiểm tra, đánh giá sự phù hợp và ghi chép lại các giao dịch, số dư về tiền lương, thưởng, phụ cấp, thu nhập khác, các khoản trích theo lương của các bên liên quan (thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc,...), thuế thu nhập cá nhân.
- Kiểm tra cách phân bổ chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương giữa bảng lương và sổ cái để đảm bảo chi phí tiền lương đã được phân bổ phù hợp vào giá thành và chi phí sản xuất kinh doanh.
- Đối chiếu các khoản khấu trừ lương (Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) với các biên bản quyết toán số phải nộp trong năm, kiểm tra các chứng từ nộp tiền và xác định tính hợp lý của số dư còn phải trả cuối năm.
- Đối với doanh nghiệp hưởng lương theo đơn giá lương hoặc quỹ lương đã được duyệt: kiểm toán viên lập ước tính độc lập quỹ lương và so sánh với quỹ lương đã trích vào chi phí, với tiền lương đã chi thực tế và với tiền lương đã được phê duyệt. Yêu cầu giải trình những chênh lệch và kiểm tra sự phê duyệt (nếu cần).
- Kiểm tra chính sách nhân sự của đơn vị, thỏa ước lao động tập thể, đảm bảo các khoản phải trả cho người lao động đã được ghi nhận đầy đủ, đúng kỳ như tiền thưởng, tiền hoa hồng, ...

- Chọn mẫu một số kỳ chi lương, kiểm tra việc chi lương có phù hợp bảng lương và có ký nhận của nhân viên không.

- Đối chiếu tiền lương phải trả cuối năm với bảng lương đã được phê duyệt hoặc chứng từ chi trả lương phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán, đánh giá các chênh lệch (nếu có). Kiểm tra, đối chiếu với tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp để đảm bảo đã loại trừ khỏi chi phí tính thuế đối với khoản tiền lương đã trích nhưng chưa thanh toán cho đến thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế năm.

- Xem xét thỏa ước lao động tập thể có được đăng ký với cơ quan quản lý lao động không.

- Xem xét người lao động nước ngoài làm việc tại đơn vị có giấy phép lao động không.

- Xem xét số lượng lao động nước ngoài tại đơn vị có vượt quá quy định của pháp luật không, hợp đồng lao động có phù hợp không.

Kiểm tra việc trích lập đầy đủ các khoản trợ cấp mất việc làm/thôi việc phải trả cho các nhân viên.

- Nếu đơn vị có nhân viên đi làm việc ở nước ngoài, kiểm tra xem có phù hợp với quy định của pháp luật về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài không.

c. Trình bày và thuyết minh

Đảm bảo các khoản phải trả người lao động và các khoản trích theo lương được thuyết minh phù hợp trên Báo cáo tài chính theo khuôn khổ lập và trình bày Báo cáo tài chính được áp dụng.

➤ Thử nghiệm cơ bản đối với khoản chi phí phải trả

Bảng 1.7: Thử nghiệm cơ bản đối với khoản chi phí phải trả

Thử nghiệm kiểm toán	Thủ tục kiểm toán	Mục tiêu kiểm toán
Thủ tục phân tích	So sánh số dư của kỳ hiện tại với kỳ trước. So sánh các chỉ số quan trọng như tỷ trọng chi phí phải trả trên tổng nợ ngắn hạn, dài hạn. So sánh các thành phần của các khoản chi phí phải trả của kỳ hiện tại và kỳ trước	Đầy đủ Hiện hữu Chính xác
Kiểm tra chi tiết	Tìm hiểu về các khoản chi phí phải trả chưa được ghi nhận	Đầy đủ Đúng kỳ
	Kiểm tra hóa đơn thanh toán các khoản chi phí phải trả	Chính xác Đầy đủ Hiện hữu

		Quyền và nghĩa vụ
	Xem xét việc trình bày và thuyết minh	Tình bày và thuyết minh

(Nguồn: Bài giảng Kiểm toán báo cáo tài chính 2,2022)

a. Thủ tục phân tích

Thực hiện các thủ tục phân tích sau:

- So sánh số dư của kỳ hiện tại với kỳ trước;
- Soát xét và so sánh các chỉ số quan trọng như tỷ trọng chi phí phải trả trên tổng nợ ngắn hạn, dài hạn cho kỳ hiện tại và kỳ trước, đánh giá những biến động bất thường;
- So sánh các thành phần của các khoản chi phí phải trả của kỳ hiện tại và kỳ trước và phân tích bản chất số dư của các khoản mục chi phí phải trả. Tìm hiểu cơ sở, tỷ lệ tính toán các khoản chi phí phải trả;
- Soát xét các khoản mục lớn hơn mức trọng yếu thực hiện, hoặc khoản mục bất thường, tìm hiểu nguyên nhân và thực hiện thủ tục kiểm tra tương ứng.

b. Tìm hiểu về các khoản chi phí phải trả chưa được ghi nhận

Tìm hiểu đối với các khoản chi phí phải trả chưa được ghi nhận thông qua việc kiểm tra các giao dịch xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán, tìm hiểu lý do chi phí phải trả thường phát sinh trong các năm trước nhưng lại không phát sinh trong năm nay

Kiểm tra các Biên bản họp của ban giám đốc cho các hợp đồng mua sắm quan trọng hoặc mới thực hiện trong kỳ. Phỏng vấn quá trình mua sắm/các hợp đồng để xác định liệu có khoản chi phí phải trả quan trọng bị bỏ sót không. Rà soát các đơn đặt hàng đã gửi người bán nhưng chưa nhận được hóa đơn tại thời điểm kiểm toán, đảm bảo chi phí phải trả tương ứng đã được ghi nhận đúng kỳ.

Phỏng vấn nhân viên thường xử lý các giao dịch liên quan đến chi phí phải trả về việc có các tình huống mà bên cung cấp yêu cầu đơn vị ưu tiên chi trả hoặc có các điều khoản bất thường hoặc có các giao dịch không được ghi nhận hoặc giao dịch bất thường hoặc phát hiện thêm phải trả các bên liên quan.

c. Kiểm tra hóa đơn thanh toán các khoản chi phí phải trả

Kiểm toán viên thu thập các khoản chi phí phải trả và thực hiện các thủ tục sau:

- Đối chiếu các khoản mục trọng yếu với các tài liệu chứng minh như hóa đơn của các nhà cung cấp nhận được sau ngày kết thúc kỳ kế toán, với phiếu nhập kho...;
- Soát xét tính đầy đủ và hợp lý bằng cách so sánh với danh mục này của kỳ trước;

- Soát xét cơ sở tính toán. Thu thập bằng chứng kiểm toán về độ tin cậy của các phương pháp và thủ tục ước tính của khách hàng, bao gồm các hoạt động kiểm soát. Nếu cần thiết, kiểm tra phương pháp tính toán có phù hợp với quy định pháp lý hoặc thỏa thuận có liên quan không; thu thập giải trình bằng văn bản của ban giám đốc đơn vị về việc lựa chọn cơ sở tính toán (nếu cần);

- Tham chiếu với các xác nhận trực tiếp được phản hồi từ các ngân hàng, tổ chức pháp lý và tổ chức khác để xác định và xác nhận các phí phải trả;

- Xem xét liệu có khác biệt giữa kết quả thực tế và các ước tính được xác định trước đây và nếu cần thiết, điều chỉnh và thuyết minh cho phù hợp.

Khi các khoản chi phí phải trả được thực hiện dựa trên ước tính của khách hàng về giá trị hàng hóa hoặc dịch vụ nhận được trước ngày kết thúc kỳ kế toán nhưng chưa nhận được các hóa đơn của nhà cung cấp, đánh giá tính hợp lý của cơ sở sử dụng để khách hàng đưa ra các ước tính đó.

d. Xem xét việc trình bày và thuyết minh

Đảm bảo các khoản chi phí phải trả ngắn hạn, dài hạn được thuyết minh phù hợp trên Báo cáo tài chính theo khuôn khổ lập và trình bày Báo cáo tài chính được áp dụng.

➤ Thử nghiệm cơ bản đối với phải trả nội bộ khoản phải trả khác

Bảng 1.8: Thử nghiệm cơ bản đối với phải trả nội bộ khoản phải trả khác

Thử nghiệm kiểm toán	Thủ tục kiểm toán	Mục tiêu kiểm toán
Thủ tục phân tích	So sánh số dư các khoản phải trả nội bộ và phải trả khác ngắn hạn, dài hạn của kỳ hiện tại với kỳ trước. So sánh các chỉ số chính như các khoản phải trả nội bộ và phải trả khác ngắn hạn, dài hạn trên tổng nợ phải trả của kỳ hiện tại và trước đây.	Đầy đủ Hiện hữu Chính xác
Kiểm tra chi tiết	Gửi thư xác nhận	Hiện hữu Đầy đủ Chính xác Quyền và nghĩa vụ
	Kiểm tra hóa đơn thanh toán các khoản phải trả nội bộ và phải trả khác	Hiện hữu Đầy đủ Chính xác Đánh giá Quyền và nghĩa vụ

	Xem xét việc trình bày và thuyết minh	Trình bày và thuyết minh

(Nguồn: Bài giảng Kiểm toán báo cáo tài chính 2,2022)

a. Thủ tục phân tích

Thực hiện các thủ tục phân tích sau:

- So sánh số dư các khoản phải trả nội bộ và phải trả khác ngắn hạn, dài hạn của kỳ hiện tại với kỳ trước;
- Soát xét và so sánh các chỉ số chính như các khoản phải trả nội bộ và phải trả khác ngắn hạn, dài hạn trên tổng nợ phải trả của kỳ hiện tại và trước đây;
- So sánh nội dung của các khoản phải trả nội bộ và phải trả khác ngắn hạn, dài hạn của kỳ hiện tại và trước đây;
- Soát xét các khoản mục lớn hơn mức trọng yếu thực hiện, hoặc khoản mục bất thường, tìm hiểu nguyên nhân và thực hiện thủ tục kiểm tra tương ứng.

b. Gửi thư xác nhận

Đối với các khoản nợ phải trả cho các tổ chức phi tài chính, xem xét đưa thêm các thông tin chi tiết như giá trị gốc ban đầu, tỉ lệ lãi suất (đối với khoản vay có trả lãi,...) hoặc nếu các khoản nợ không lãi suất là tài sản thế chấp, thời hạn vay;

Điều tra các ngoại lệ (khi có chênh lệch giữa thư xác nhận và sổ kế toán thì thực hiện: Phỏng vấn ban giám đốc cho các trường hợp có chênh lệch và đánh giá liệu việc giải thích của ban giám đốc về các chênh lệch có thỏa đáng không. Xem xét sự cần thiết phải bổ sung các thủ tục kiểm toán thay thế khác);

Xem xét liệu có các ngoại lệ chỉ ra dấu hiệu của gian lận và sai sót khác không;

Đối với các yêu cầu xác nhận không nhận được phản hồi trong thời hạn hợp lý, gửi yêu cầu xác nhận tiếp theo. Đối với các xác nhận không nhận được phản hồi, tìm hiểu nguyên nhân xem xét có thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp bằng cách thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế,... thông qua xác minh với các tài liệu hỗ trợ phù hợp và liên quan khác. Kiểm tra các khoản thanh toán phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán hoặc kiểm tra chứng từ chứng minh tính có thật của các nghiệp vụ trong năm tạo thành số dư (như bảng phân bổ doanh thu, hợp đồng liên quan đến các khoản nhận ký cược, ký quỹ, các quyết định về phân phối cổ tức, các hợp đồng vay mượn không tính lãi,...).

Trường hợp đơn vị không cho phép kiểm toán viên gửi thư xác nhận: Tìm hiểu lý do, đánh giá tính hợp lý của lý do, xem xét rủi ro gian lận, thu thập giải trình bằng văn bản của BGD/BQT về nguyên nhân không cho phép và thực hiện các thủ tục thay thế khác.

c. Kiểm tra hóa đơn thanh toán các khoản phải trả nội bộ và phải trả khác

Đối chiếu các khoản phải trả nội bộ và phải trả khác trọng yếu với các tài liệu chứng minh và kiểm tra liệu các khoản phải trả khác có được ghi nhận theo giá phí phân bổ không.

Khi các khoản phải trả nội bộ, phải trả khác được thực hiện dựa trên ước tính của khách hàng về giá trị hàng hóa hoặc dịch vụ nhận được trước ngày kết thúc kỳ kế toán nhưng chưa nhận được các hóa đơn của nhà cung cấp, đánh giá tính hợp lý của cơ sở sử dụng để khách hàng đưa ra các ước tính đó.

d. Xem xét việc trình bày và thuyết minh

Đảm bảo các khoản phải trả nội bộ và phải trả khác ngắn hạn, dài hạn được thuyết minh phù hợp trên Báo cáo tài chính theo khuôn khổ lập và trình bày Báo cáo tài chính được áp dụng.

1.3.3. Kết thúc kiểm toán

Sau khi hoàn thành các công việc trong giai đoạn thực hiện kiểm toán, kiểm toán viên phụ trách kiểm toán khoản mục nợ phải trả nhà cung cấp tiến hành tổng hợp giấy tờ làm việc có liên quan giao cho trưởng nhóm kiểm tra, đánh giá kết quả kiểm toán. Trưởng nhóm xác định các chênh lệch thu thập được, tiến hành đối chiếu với mức trọng yếu đã được phân bổ cho khoản mục nợ phải trả nhà cung cấp, từ đó quyết định xem có cần điều chỉnh sửa đổi hay không. Tiến hành bàn bạc đưa với công ty khách hàng và tiến hành điều chỉnh. Sau đó kiểm toán viên sẽ đưa ra kết luận cuối cùng về kết quả kiểm toán khoản mục nợ phải trả nhà cung cấp:

- Việc hạch toán khoản mục nợ phải trả nhà cung cấp đã phù hợp với quy định, chuẩn mực kế toán hiện hành và tuân thủ pháp luật nhà nước hay chưa.
- Thông tin về số dư về khóa mục nợ phải trả nhà cung cấp được trình bày trên các báo cáo tài chính có trung thực hay hợp lý hay không.

Cuối cùng, khi kết thúc toàn bộ cuộc kiểm toán, trưởng nhóm sẽ tiến hành đánh giá toàn bộ công việc của nhóm, thực hiện các công việc:

a. Thực hiện soát xét các sự kiện sau ngày khóa sổ

Đây là một công việc quan trọng vì các sự kiện sau ngày khóa sổ có thể ảnh hưởng đến những kết luận của kiểm toán viên. Có 2 mức độ ảnh hưởng:

- Các sự kiện có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính, làm thay đổi kết luận của kiểm toán, kiểm toán viên phải có các biện pháp xử lý kịp thời, yêu cầu điều chỉnh, trao đổi với Ban Giám Đốc hoặc phải thay đổi kết luận của mình.

- Các sự kiện không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính, không làm thay đổi kết luận của kiểm toán viên, nhóm kiểm toán phải yêu cầu các sự kiện này phải được trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính.

b. Thu thập thư giải trình của Ban Giám Đốc

Thông thường công việc này được tiến hành từ khi nhóm kiểm toán có cuộc họp mặt với Ban Giám Đốc khi mới đến công ty khách hàng. Thư giải trình của Ban Giám Đốc là việc thừa nhận trách nhiệm của mình trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành và đã phê duyệt báo cáo tài chính. Đây là bằng chứng quan trọng cần thu thập.

c. Đưa ra Báo cáo kiểm toán

Sau khi đã có kết luận chính thức về cuộc kiểm toán, kiểm toán viên sẽ đưa ra BCKT. Báo cáo kiểm toán là kết quả cuối cùng của quá trình kiểm toán một khách hàng, là tài liệu đính kèm với báo cáo tài chính khi công bố ra bên ngoài. Ý kiến kiểm toán được đưa ra trong bảng cân đối kế toán, các loại ý kiến kiểm toán của GAFC áp dụng phù hợp với chuẩn mực kiểm toán Việt Nam bao gồm 4 loại kiến: Ý kiến chấp nhận toàn phần, ý kiến ngoại trừ, ý kiến trái ngược và từ chối đưa ra ý kiến.

d. Phát hành thư quản lý

Thư quản lý được lập để đưa ra nhận xét về những yếu kém còn tồn tại trong doanh nghiệp về công tác quản lý nội bộ, công tác kế toán nói chung và của khoản mục nợ phải trả nhà cung cấp nói riêng. Từ đó kiểm toán viên đưa ra các giải pháp giúp doanh nghiệp chấn chỉnh, khắc phục những yếu điểm đó. Thư quản lý là kết quả của cuộc kiểm toán nhưng không nhất thiết phải đính kèm với báo cáo tài chính khi đưa ra bên ngoài.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Chương 1 đã đề cập đến nội dung cơ sở lý luận của khoản mục nợ phải trả. Từ các cơ sở lý thuyết đặc điểm kế toán của khoản mục nợ phải trả, kiểm toán khoản mục nợ phải trả trong kiểm toán báo cáo tài chính, quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải trả trong kiểm toán báo cáo tài chính. Từ đó cho thấy một cái nhìn tổng quát về những vấn đề cần phải thực hiện trong việc kiểm toán khoản mục nợ phải trả.

Qua đó làm nền tảng để từng bước củng cố và hoàn thiện chương 2, đề cập đến thực trạng kiểm toán khoản mục nợ phải trả được thực hiện tại Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu (GAFC).

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC NỢ PHẢI TRẢ TẠI CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH TOÀN CẦU

2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu

2.1.1.1. Tên, địa chỉ Công ty

Tên tiếng việt: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu (tên viết tắt là GAFC).

Tên tiếng anh: Global Auditing And Financial Consultancy Co.,Ltd.

Đặt trụ sở chính: Tầng 19, Tòa nhà Indochina Park Tower, số 4 Nguyễn Đình Chiểu, Phường ĐaKao, Quận1, TP. Hồ Chí Minh.

Logo của Công ty:



Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu là tổ chức kiểm toán, tư vấn tài chính chuyên nghiệp, cung cấp các dịch vụ chất lượng cao bao gồm: Kiểm toán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư, tư vấn M&A, tư vấn thuế, kế toán và đào tạo.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu được thành lập và điều hành bởi đội ngũ sáng lập viên và các chuyên gia tâm huyết, am tường về kiểm toán, kế toán, tài chính và quản trị, có nhiều năm nắm giữ vị trí quản lý trong các công ty hàng đầu trong và ngoài nước. Điều này giúp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu có được một đội ngũ nhân lực cao cấp và có thể cung cấp cho khách hàng các dịch vụ phù hợp với Việt Nam song đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng quốc tế.

2.1.1.2. Thời điểm thành lập, các mốc quan trọng

Thời điểm thành lập: Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu thành lập ngày 08/05/2010. Đặt trụ sở tại Tầng 19, Tòa nhà Indochina Park Tower, số 4 Nguyễn Đình Chiểu, Phường ĐaKao, Quận1, TP. Hồ Chí Minh. Ngày đầu thành lập với vô vàn những khó khăn, trở ngại, cùng với sự thiếu thốn cơ sở vật chất lẫn nhân sự. Trải qua hơn 10 năm hoạt động Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu dần dần đã hoàn thiện các sự khó khăn ở trên cả về chất lượng lẫn số lượng.

2.1.1.3. Quy mô hiện tại của Công ty

Hiện nay Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu có 1 trụ sở chính tại TP. Hồ Chí Minh, 2 chi nhánh (đặt tại TP. Hồ Chí Minh và Cần Thơ), 2 văn phòng đại diện (đặt tại TP. Hà Nội và TP. Nha Trang).

Theo điều 6 Nghị định 80/2021/NĐ-CP, dựa vào doanh thu đạt 32 tỷ, số lượng nhân viên 36 người (tính đến 31/12/2021) nên quy mô của doanh nghiệp thuộc loại hình doanh nghiệp nhỏ.

2.1.1.4. Kết quả kinh doanh của Công ty

Vì tính bảo mật của Công ty nên tác giả chỉ có số liệu doanh thu của năm 2021, dưới đây là bảng số liệu kết quả kinh doanh của Công ty.

Bảng 2.1: Bảng tổng hợp kết quả kinh doanh của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu năm 2021.

Chỉ tiêu	Số tiền
Doanh thu thuần	32.172.682.520 VNĐ
Lợi nhuận sau thuế	4.913.811.400 VNĐ

(Nguồn: Tại Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu.)

Qua hơn 10 năm hình thành và phát triển, Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu đã và đang khẳng định được vị trí của mình trên thị trường với mạng lưới khách hàng ngày càng được mở rộng, chất lượng dịch vụ kiểm toán ngày càng được nâng cao, đội ngũ nhân sự có trình độ ngày càng tăng và có khả năng đáp ứng đầy đủ nhu cầu của khách hàng.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu không ngừng tìm kiếm khách hàng mới và duy trì khách hàng cũ. Thực hiện chiến lược đẩy mạnh và triển khai công tác tiếp thị trên diện rộng và chuyên nghiệp hơn để thu hút khách hàng mới, không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp và hoàn thành kế hoạch đặt ra.

2.1.2. Chức năng và nhiệm vụ của Công ty

2.1.2.1. Chức năng

- Thực hiện dịch vụ đăng ký kinh doanh, thành lập doanh nghiệp;
- Khai và báo cáo thuế trọn gói;
- Soát xét hồ sơ báo cáo tài chính trước khi thanh kiểm tra;
- Thực hiện dịch vụ kế toán cho các doanh nghiệp hoặc dịch vụ kế toán cầm tay chỉ việc.
- Thực hiện cuộc kiểm toán theo chuẩn mực kế toán Việt Nam nhằm đưa ra ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý, xét trên khía cạnh trọng yếu liệu báo cáo tài chính của doanh nghiệp có còn sai sót trọng yếu;
- Cung cấp dịch vụ đảm bảo cho khách hàng;
- Đào tạo và hỗ trợ tuyển dụng cho các doanh nghiệp;
- Giải đáp thắc mắc của khách hàng;
- Cải thiện đời sống, tinh thần nhân viên ngày càng tốt hơn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu mong muốn trở thành người bạn đồng hành cùng khách hàng, góp phần gia tăng giá trị doanh nghiệp.

2.1.2.2. Nhiệm vụ

Mục tiêu của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu là mang đến cho khách hàng chất lượng dịch vụ cao nhất thông qua hướng tiếp cận chuyên nghiệp, sáng tạo và khả năng cung cấp dịch vụ trọn gói với mức phí cạnh tranh.

Định hướng trong tương lai công ty sẽ trở thành một trong những tổ chức cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp hàng đầu tại Việt Nam thông qua uy tín, chất lượng dịch vụ và vị thế trên thị trường

Giá trị cốt lõi của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu đều bắt nguồn từ con người. Với những kinh nghiệm dồi dào ở cấp quản lý của sáng lập viên và nhân viên trong các công ty kiểm toán và dịch vụ tài chính hàng đầu trong và ngoài nước, công ty mong muốn mang đến những giá trị tối ưu nhất cho khách hàng.

2.1.3. Đặc điểm hoạt động của Công ty

a. Nguyên tắc hoạt động

Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và chú trọng phát triển nguồn nhân lực có chất lượng là hai nhân tố chính đảm bảo sự phát triển bền vững, dài hạn của công ty.

Cam kết của công ty:

- Cung cấp gói dịch vụ chất lượng cao với chi phí tối ưu cho khách hàng;
- Đảm bảo chất lượng dịch vụ và thời gian thực hiện;
- Tuân thủ các chuẩn mực nghề nghiệp, tôn trọng khách hàng và nhiệt tình với công việc;
- Xây dựng mối quan hệ bền vững với khách hàng thông qua tính chuyên nghiệp của công việc;
- Bảo vệ quyền lợi chính đáng cho khách hàng.

b. Giá trị của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu

Giá trị cốt lõi của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu đều bắt nguồn từ con người. Với những kinh nghiệm dồi dào ở cấp quản lý của sáng lập viên và nhân viên trong các công ty kiểm toán và dịch vụ tài chính hàng đầu trong và ngoài nước, công ty mong muốn mang đến những giá trị tối ưu nhất cho khách hàng.

2.1.3.1. Lĩnh vực hoạt động của Công ty

a. Dịch vụ kiểm toán đảm bảo

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu cung cấp dịch vụ kiểm toán và dịch vụ đảm bảo với tiêu chuẩn và chuyên môn đáng tin cậy do đội ngũ kiểm toán viên nhiều năm kinh nghiệm thực hiện. Ngoài việc đáp ứng các yêu cầu kiểm toán thông thường, công ty còn nghiên cứu sâu hơn các hoạt động của khách hàng để giúp doanh nghiệp sớm phát hiện các rủi ro tiềm ẩn trong quá trình kinh doanh.

Quá trình kiểm toán của công ty luôn gắn liền với việc hỗ trợ thông tin và tư vấn thông qua phát hành thư quản lý nhằm góp phần hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, hoàn thiện công tác tổ chức kế toán, quản lý tài chính doanh nghiệp, bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng và bí mật kinh doanh của khách hàng.

Dịch vụ kiểm toán và dịch vụ đảm bảo của công ty bao gồm:

- Kiểm toán báo cáo tài chính theo luật định;
- Kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất;
- Kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án, công trình, hạng mục công trình xây dựng cơ bản hoàn thành;
- Kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án quy hoạch hoàn thành;
- Kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư các dự án khác;
- Kiểm toán các dự án quốc tế tài trợ;
- Lập và soát xét báo cáo tài chính;

- Kiểm toán hoạt động, kiểm toán tuân thủ;
- Kiểm toán nội bộ, đánh giá hệ thống kiểm soát;
- Dịch vụ quản lý rủi ro;
- Kiểm toán cho các mục đích đặc biệt.

b. Dịch vụ tư vấn thuế

- Đăng ký, kê khai thuế cho doanh nghiệp;
- Lập kế hoạch thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Soát xét việc tuân thủ các luật thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế GTGT;
- Tư vấn về thuế GTGT và cơ hội hoàn thuế;
- Tư vấn thuế thu nhập cá nhân;
- Liên hệ và thuyết trình với cơ quan thuế;

c. Dịch vụ kế toán

Thay vì thuê nhân sự tự thực hiện công tác kế toán tại doanh nghiệp, khách hàng có thể thuê dịch vụ kế toán từ Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu. Sử dụng dịch vụ kế toán Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu vừa mang lại cho doanh nghiệp hiệu quả trong hoạt động kinh doanh, vừa mang lại sự ổn định và chuyên nghiệp.

d. Tư vấn tài chính và đầu tư

Đây cũng là lĩnh vực công ty thực sự chuyên sâu và tin tưởng sẽ mang đến những thay đổi chiến lược trong quá trình phát triển bền vững của khách hàng. Đội ngũ nhân lực của công ty tham gia tư vấn trực tiếp quý khách hàng là các chuyên gia làm việc nhiều năm ở cấp quản lý tại các quỹ đầu tư, công ty tư vấn và dịch vụ tài chính có uy tín trong và ngoài nước.

e. Tư vấn chuyển giá

Vừa qua Bộ Tài chính đã ban hành quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết (Quý Khách hàng có thể tham khảo tại Nghị định 132/2020/ND-CP và Thông tư 41/2017/TT-BTC). Hiện nay Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu có cung cấp dịch vụ tư vấn lập hồ sơ kê khai giao dịch liên kết để hỗ trợ Khách hàng nắm rõ và tuân thủ các quy định nêu trên.

Qua hơn 10 năm hình thành và phát triển, Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu đã và đang khẳng định được vị trí của mình trên thị trường với mạng lưới khách hàng ngày càng được mở rộng, chất lượng dịch vụ kiểm toán ngày càng

được nâng cao, đội ngũ nhân sự có trình độ ngày càng tăng và có khả năng đáp ứng đầy đủ nhu cầu của khách hàng...

2.1.3.2. Các khách hàng của Công ty

Các doanh nghiệp và cá nhân được pháp luật cho phép, kể cả trong và ngoài nước, có nhu cầu sử dụng bất kỳ loại dịch vụ nào của công ty.

Các tổ chức không phải là doanh nghiệp cần xác nhận của một bên thứ ba độc lập tiến hành thẩm định từng phần hoặc toàn bộ một dự án bất kỳ.

Khách hàng của công ty đa phần là những doanh nghiệp có vốn nước ngoài tại các thành phố lớn như TP. HCM, TP Nha Trang, ... và các tỉnh lân cận như Bình Dương, Long An, Đồng Nai, ... Công ty định hướng trong tương lai sẽ trở thành một trong những tổ chức cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp hàng đầu tại Việt Nam thông qua uy tín, chất lượng dịch vụ và vị thế trên thị trường.

2.1.3.3. Vốn kinh doanh của Công ty

Vốn kinh doanh của Công ty với mức vốn điều lệ: 6.000.000.000 đồng.

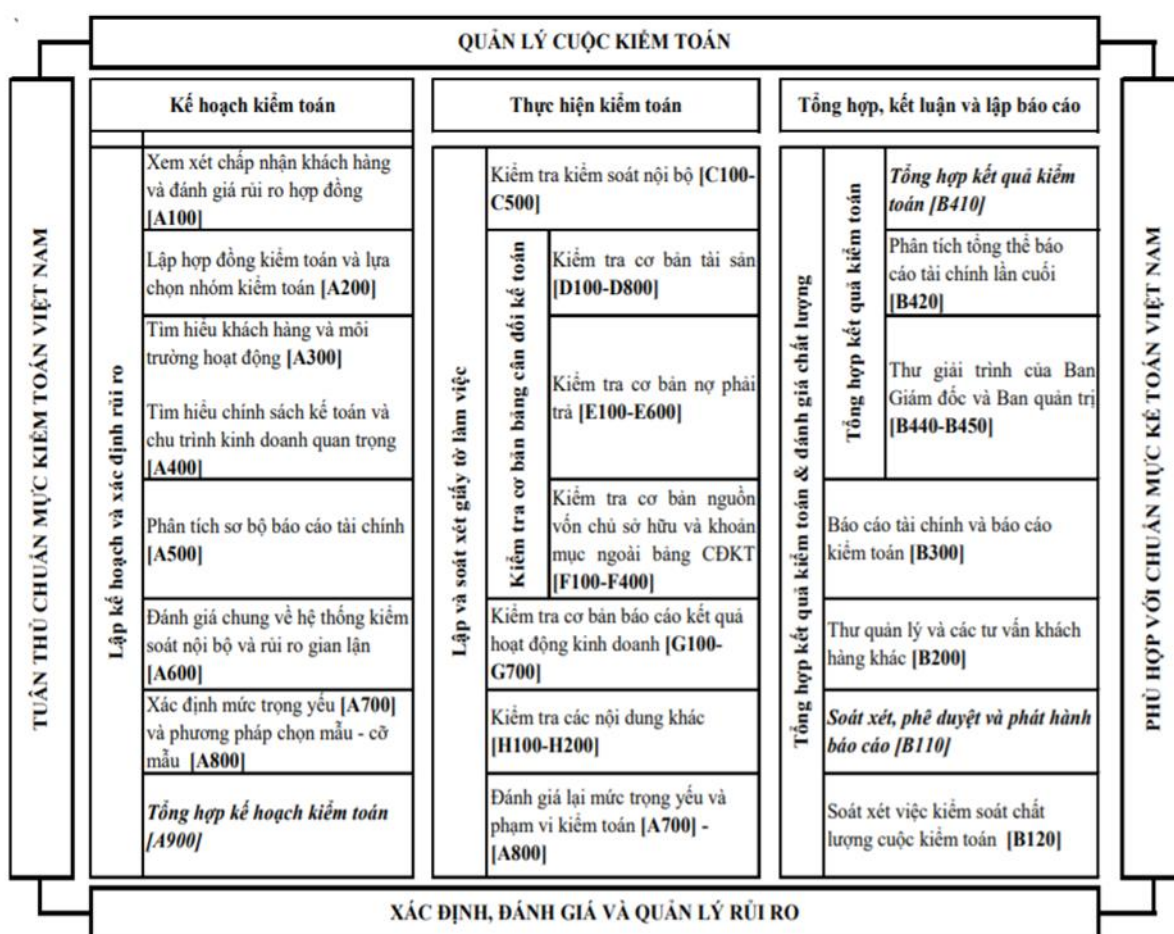
2.1.4. Quy trình kiểm toán của Công ty

Công ty áp dụng quy trình kiểm toán của VACPA

(Được trình bày trong bảng 2.2: Quy trình kiểm toán tại Công ty GAFC, trang 45)

Chương trình kiểm toán hiện nay của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu được xây dựng dựa trên nền tảng áp dụng chương trình kiểm toán mẫu do VACPA ban hành theo QĐ số 496-2019/QĐ-VACPA.

Gồm 3 giai đoạn: Chuẩn bị kiểm toán, thực hiện kiểm toán và hoàn thành kiểm toán.

Bảng 2.2: Quy trình kiểm toán tại Công ty GAFC.

(Nguồn: Quy trình kiểm toán mẫu của VACPA)

2.1.4.1. Chuẩn bị kiểm toán

❖ Giai đoạn tiền kế hoạch:

➤ Đánh giá khả năng tiếp nhận khách hàng:

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu luôn xem xét đánh giá khả năng chấp nhận khách hàng mới và duy trì khách hàng cũ:

- Đối với khách hàng cũ: tiến hành mở lại hồ sơ kiểm toán của năm trước và tìm hiểu những vấn đề mới phát sinh trong năm nay để có thêm thông tin từ đó quyết định vẫn tiếp tục chấp nhận khách hàng cũ không;
- Đối với khách hàng mới: xem xét lí do kiểm toán, các bên sử dụng thông tin; trao đổi với kiểm toán viên tiền nhiệm; nghiên cứu phân tích sơ bộ để có đánh giá khái quát rủi ro và quyết định có nên tiếp nhận khách hàng mới không.

➤ Phân công kiểm toán viên:

Tùy thuộc vào qui mô, ngành nghề của khách hàng, công ty sẽ lựa chọn nhóm kiểm toán phù hợp gồm 1 nhóm trưởng, 1 nhóm phó, 1-5 trợ lí kiểm toán. Các

thành viên sẽ được nhóm trưởng phân công phần hành tương ứng trong cuộc kiểm toán dựa trên khả năng và chuyên môn của từng người.

➤ Thỏa thuận sơ bộ với khách hàng:

- Mục đích và phạm vi kiểm toán;
- Các dịch vụ khác: tư vấn quản lí, cải tiến,... ;
- Cung cấp tài liệu kế toán, phương tiện cho kiểm toán viên;
- Kiểm tra số dư đầu kì với khách hàng mới;
- Phí kiểm toán.

➤ Hợp đồng kiểm toán:

Sau khi đồng ý thỏa thuận sơ bộ, xác định rõ quyền, trách nhiệm của BGD và kiểm toán viên thì hai bên sẽ kí kết hợp đồng

❖ Giai đoạn lập kế hoạch:

Sau khi kí hợp đồng thì kiểm toán viên sẽ:

➤ Tìm hiểu khách hàng:

Tìm hiểu đặc điểm, lĩnh vực kinh doanh; tình hình nhân sự; kết quả hoạt động; hệ thống thông tin, chính sách kế toán mà doanh nghiệp áp dụng.

➤ Phân tích sơ bộ báo cáo tài chính:

kiểm toán viên cần tìm hiểu nguyên nhân và đánh giá tính hợp lí của những khoản mục biến động lớn và bất thường. Nếu có những biến động chưa có cơ sở để giải thích thì kiểm toán viên đặc biệt chú trọng trong giai đoạn thực hiện kiểm toán.

➤ Nghiên cứu hệ thống kiểm soát bộ:

Kiểm toán viên tiến hành thu thập thông tin về hệ thống kiểm soát nội bộ thông qua tài liệu yêu cầu khách hàng cung cấp hay phỏng vấn BGD để xác định rủi ro trọng yếu từ đó lập kế hoạch và thủ tục kiểm toán phù hợp:

- Đối với khách hàng Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu đã kiểm toán nhiều năm thì việc đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ được thực hiện bằng kinh nghiệm thực tế từ kết quả kiểm toán năm trước và xem xét trao đổi với đơn vị những thay đổi lớn trong năm nay;
- Đối với khách hàng mới hay những công ty có quy mô lớn thì việc nghiên cứu hệ thống kiểm soát nội bộ là khá quan trọng và được thực hiện theo đúng qui trình.

➤ Đánh giá rủi ro và xác lập mức trọng yếu:

Kiểm toán viên dựa vào các chỉ tiêu: Lợi nhuận trước thuế, Doanh thu, tổng chi phí, Vốn chủ sở hữu, Tổng tài sản. Trên thực tế, Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu thường theo kinh nghiệm của nhóm trưởng và báo

cáo đã kiểm toán những năm trước để đánh giá rủi ro và xác lập mức trọng yếu ưu tiên dựa vào Doanh thu, nếu không có Doanh thu sẽ dựa vào Tổng tài sản.

➤ Chuẩn bị hồ sơ và tài liệu trước khi xuống khách hàng:

Nhóm phó sẽ chuẩn bị hồ sơ liên quan đến khách hàng: Giấy chứng nhận đầu tư, giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh; hồ sơ kiểm toán năm trước; hệ thống báo cáo, sổ cái, sổ chi tiết, các dữ liệu liên quan khác và các dụng cụ cần thiết để lưu trữ hồ sơ kiểm toán năm nay.

2.1.4.2. Thực hiện kiểm toán

Tại Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu phần hành kiểm toán khoản mục Nợ phải trả được lưu ở danh mục E của chỉ mục hồ sơ.

Dựa trên chương trình kiểm toán cụ thể, kiểm toán viên tiến hành thu thập các bằng chứng kiểm toán:

- Kiểm tra, đối chiếu số liệu trên báo cáo tài chính, bảng cân đối phát sinh, sổ nhật kí chung, sổ chi tiết.
- Kiểm tra các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ.
- Thu thập thư xác nhận từ các bên liên quan.
- Kiểm tra các nghiệp vụ phát sinh sau ngày khóa sổ.
- Trao đổi với đơn vị các vấn đề phát sinh và các bút toán bổ sung hoặc điều chỉnh.

2.1.4.3. Kết thúc kiểm toán

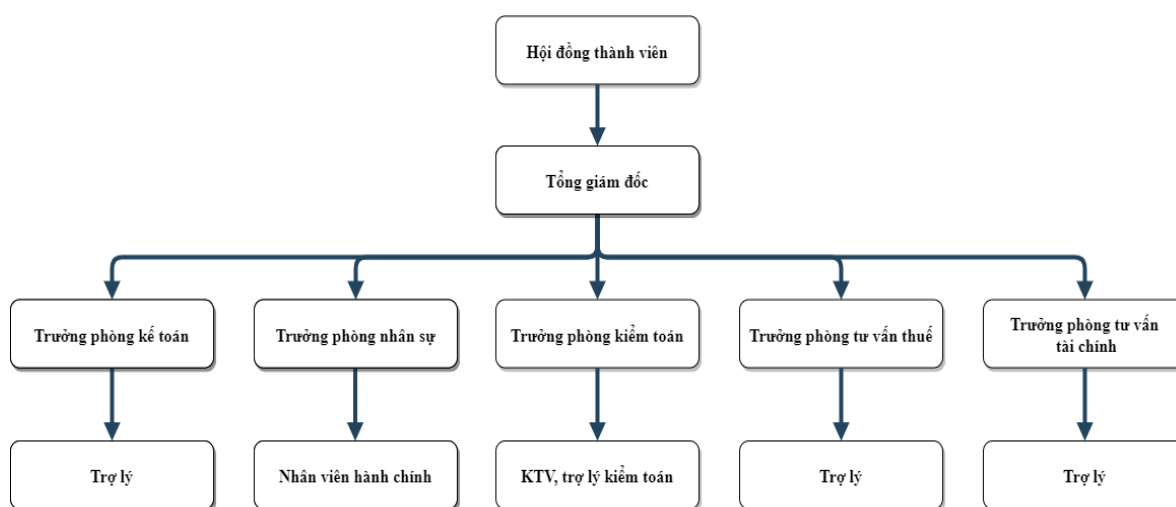
Khi kết thúc cuộc kiểm toán, kiểm toán viên phát hành báo cáo kiểm toán để đưa ra ý kiến của mình.

- Kiểm toán viên đánh giá tổng thể trước khi lập báo cáo kiểm toán.
- Xem xét phạm vi kiểm toán đã đủ để phát hiện các yếu kém của hệ thống kiểm soát nội bộ chưa.
- Đánh giá tổng hợp ảnh hưởng của các sai sót chưa điều chỉnh đến báo cáo tài chính.
- Rà soát lại hồ sơ kiểm toán
- Kiểm tra các công bố trên thuyết minh báo cáo tài chính.
- Phát hành báo cáo kiểm toán chính thức.

2.1.5. Đặc điểm tổ chức của Công ty

Cơ cấu tổ chức là tổ hợp các bộ phận (đơn vị và cá nhân) khác nhau, có mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau, được chuyên môn hóa và có những trách nhiệm, quyền hạn nhất định, được bố trí theo những cấp, những khâu khác nhau nhằm đảm bảo thực hiện các chức năng quản lý và phục vụ mục đích chung đã xác định của doanh nghiệp. Cơ cấu tổ chức tốt sẽ tác động trực tiếp đến sự phát triển của công ty và ngược lại.

Cơ cấu tổ chức của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu được thể hiện thông qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu

(Nguồn: Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu)

❖ Chức năng và nhiệm vụ của các phòng ban

Tổng giám đốc

- Hoạch định chính sách, các vấn đề liên quan đến nhân lực, hành chính, khách hàng, và các lĩnh vực như lập kế hoạch, lập ngân sách, phát triển kinh doanh.
- Chịu trách nhiệm quản lý chung, điều hành và giám sát mọi hoạt động của công ty, đánh giá rủi ro hợp đồng; liên hệ với khách hàng, quyết định nội dung của báo cáo, giải đáp thắc mắc về kế toán, kiểm toán, thuế và các vấn đề chuyên môn có tầm quan trọng lớn trong quá trình thực hiện công việc, là người ra quyết định ký phát hành báo cáo kiểm toán.

Phó tổng giám đốc

- Tư vấn cho Tổng giám đốc về việc điều hành hoạt động của công ty.

- Điều hành trực tiếp một số lĩnh vực hoạt động theo sự ủy quyền của Tổng giám đốc.

Phòng tư vấn tài chính.

- Tư vấn cho doanh nghiệp xử lý các vấn đề khó khăn, vướng mắc trong hoạt động tài chính.
- Tư vấn cho doanh nghiệp xây dựng kế hoạch tài chính trong kinh doanh.
- Lập đề án thu xếp vốn theo nhu cầu của doanh nghiệp.
- Tư vấn các rủi ro cho dự án có thể phát sinh từ biến động kinh tế xã hội.

Phòng nhân sự

- Hỗ trợ cho cấp trên giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực nhân sự
- Lập kế hoạch và tuyển dụng, đào tạo và phát triển nhân lực, duy trì và quản lý nguồn lực, thông tin, dịch vụ nhân sự.

Phòng kiểm toán

- Thực hiện hoạt động kiểm toán báo cáo tài chính.
- Lập và soát xét báo cáo tài chính.
- Kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư cho các dự án.
- Thực hiện hoạt động kiểm toán hoạt động, kiểm toán tuân thủ.

Phòng tư vấn thuế

- Hỗ trợ doanh nghiệp trong việc tư vấn các loại thuế, hoạch định chính sách liên quan đến việc quản lý thuế của doanh nghiệp.
- Lập báo cáo thuế theo từng tháng, báo cáo tài chính, quyết toán thuế năm.
- Làm việc trực tiếp với cơ quan thuế.
- Quản lý hệ thống chứng từ, sổ sách theo quy định nhà nước.
- Rà soát tuân thủ quy định về thuế.
- Cập nhật, nghiên cứu kịp thời các thông tư, chính sách liên quan đến thuế, quản lý tài chính của Nhà Nước.

Phòng kế toán

- Xuất hóa đơn tài chính cho các đơn vị mua hàng, lập hợp đồng.
- Tính lương, thưởng nhân viên, báo cáo chi phí mỗi tháng.
- Kiểm tra sự cân đối giữa các sổ, kiểm tra sự hợp lý của số dư cuối kỳ.

- Theo dõi công nợ khối văn phòng công ty, quản lý tổng quát công nợ toàn công ty. Xác định và đề xuất lập dự phòng hoặc xử lý công nợ phải trả khó đòi công ty. In sổ sách, chứng từ và lưu trữ chứng từ

2.2. Thực trạng quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải trả tại Công ty Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu đối với khách hàng ABC

2.2.1. Chuẩn bị kiểm toán

2.2.1.1 Tìm hiểu hoạt động kinh doanh của khách hàng

Công ty TNHH ABC "Công ty" là Công ty có vốn đầu tư nước ngoài, tiền thân là Công ty TNHH BCA theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 030487xxxx ngày 14 tháng 01 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ bảy số 030487xxxx do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 12 năm 2020.

Chủ đầu tư là KING MORGAN HOLDING COMPANY PTE. LTD. Giấy chứng nhận đăng ký thành lập số 2017160xxx cấp ngày 08 tháng 06 năm 2017 tại Singapore. Trụ sở chính đặt tại: 1 Raffles Place #13-01 One Raffles Place Singapore (048616), Singapore. Người đại diện pháp luật của Doanh nghiệp: Bà BARQUIN SUBINAS MIREIA. Chức vụ: Giám đốc.

- o Vốn điều lệ: 68.040.000.000 VND tương đương 3.000.000,00 USD
- o Vốn đầu tư: 91.200.000.000 VND tương đương 4.000.000,00 USD
- o Công ty có trụ sở chính đặt tại: 37 Trần Ngọc Diện, Phường Thảo Điền, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại và sản xuất.
- Ngành nghề kinh doanh:
 - + Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh.
 - + Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
 - + Bán buôn đồ dùng khác trong gia đình
 - + Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh
 - + Hoạt động tư vấn quản lý
 - + Sản xuất hàng may sẵn
 - + May trang phục

- + Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bên
- + Sản xuất thiết bị đèn chiếu sáng
- + Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế
- + Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép
- + Bán lẻ đệm, chăn màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh
- + Kho bãi và lưu trữ hàng hóa
- + Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải
- Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.
- Thông tin kế toán:
 - o Kỳ kế toán: kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
 - o Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam.
 - o Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015 và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của báo cáo tài chính.
 - o Hình thức sổ kế toán áp dụng: Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung trên máy vi tính.

Với nhóm khách hàng thường niên tiêu biểu là công ty ABC, nhóm kiểm toán Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu luôn có những kiểm toán viên đã thực hiện kiểm toán năm trước. Từ đó, kiểm toán viên sẽ dựa vào thông tin đã thu thập ở các cuộc kiểm toán trước, thu thập thêm những thay đổi trong năm để định hướng cho việc thu thập bằng chứng.

Qua việc tìm hiểu ABC, nhìn chung tình hình của công ty không có những thay đổi quá nhiều so với năm 2020.

2.2.1.2. Tài liệu yêu cầu khách hàng chuẩn bị

Tiếp theo, công ty gửi tới khách hàng kế hoạch kiểm toán sơ bộ bao gồm việc phân công nhóm kiểm toán, thời gian thực hiện dự kiến, và các tài liệu cần thiết thu thập tới khách hàng như:

- Sổ cái và các sổ chi tiết theo dõi nợ phải trả cho nhà cung cấp;

- Bảng kê chi tiết số dư tài khoản phải trả nhà cung cấp, nội dung phải trả, chi tiết phải trả nhà cung cấp ngắn hạn và dài hạn;
- Các thư xác nhận, biên bản đối chiếu công nợ tại ngày kết thúc năm tài chính/kỳ kế toán;
- Bảng phân tích tuổi các khoản nợ phải trả nhà cung cấp;
- Các tài liệu, hồ sơ có liên quan đến việc xác định khoản nợ phải trả người bán như hợp đồng, chứng từ hóa đơn,...
- Các giao dịch về mua hoặc trao đổi hàng với các bên liên quan (nếu có).

2.2.1.3. Lập chương trình kiểm toán chi tiết

Công ty ABC là khách hàng cũ của công ty, qua tìm hiểu và đánh giá rủi ro hợp đồng ở mức thấp Công ty sẽ tiến hành kí hợp đồng với khách hàng.

Công việc được thực hiện tại GLV: <A120> – Chấp nhận khách hàng cũ và đánh giá rủi ro hợp đồng. (*Xem phụ lục 1*)

Sau khi xem xét và chấp nhận khách hàng, Công ty sẽ trao đổi và thỏa thuận các điều khoản của hợp đồng kiểm toán của khách hàng và ký hợp đồng. Công việc được thực hiện tại GLV: <A210> – Hợp đồng kiểm toán (*Xem phụ lục 2*)

Sau khi tìm hiểu về thông tin khách hàng và đề xuất các tài liệu khách hàng cần cung cấp, trưởng nhóm kiểm toán sẽ thông báo chính thức kế hoạch kiểm toán và phân công công việc cho các thành viên trong nhóm.

Tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu, chương trình kiểm toán đã được xây dựng sẵn theo từng khoản mục theo chương trình kiểm toán mẫu của VACPA. Dựa trên chương trình kiểm toán mẫu này, trưởng nhóm kiểm toán sẽ điều chỉnh cho phù hợp với từng khách hàng cụ thể.

Tiếp theo, kiểm toán viên sẽ tiến hành tìm hiểu chu trình mua hàng, phải trả, trả tiền cho nhà cung cấp bởi vì nó liên quan trực tiếp đến khoản mục Nợ phải trả.

Tiếp đến, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ có được thiết kế phù hợp và có được đơn vị thực hiện vào thực tiễn hay không.

Kiểm toán viên tiếp tục xác định mức trọng yếu cho cuộc kiểm toán. Công việc này được thực hiện bởi kiểm toán viên chính tại GLV: <A710> (*Xem phụ lục 3*)



		Tên	Ngày
Khách hàng: CÔNG TY TNHH ABC	Người thực hiện	Mr. Dũng	15/02/2022
Ngày khóa số: 31/12/2021	Người soát xét 1	D Vũ	15/2/2022
Nội dung: Xác định mức trọng yếu / Materiality	Người soát xét 2	M Tuấn	15/2/2022

A. MỤC TIÊU:

Xác định mức trọng yếu (kế hoạch - thực tế) được lập và phê duyệt theo chính sách của Cty để thông báo với thành viên nhóm kiểm toán về mức trọng yếu kế hoạch trước khi kiểm toán tại KH và có trách nhiệm xác định lại mức trọng yếu thực tế trong giai đoạn kết thúc kiểm toán để xác định xem các công việc và thủ tục kiểm toán đã được thực hiện đầy đủ hay chưa.

B. Xác định mức trọng yếu

Chỉ tiêu		Giai đoạn thực hiện và đưa ra ý kiến	Giai đoạn lập Kế hoạch	Năm trước
Lợi nhuận trước thuế:		(3.692.638.262)	(3.692.638.262)	(3.483.872.256)
5% - 10%				
5% LNTT		(184.631.913)	(184.631.913)	(174.193.613)
10% LNTT		(369.263.826)	(369.263.826)	(348.387.226)
Doanh thu: 0,5% - 3%		9.271.804.219	9.271.804.219	3.455.117.754
0,5% DT		46.359.021	46.359.021	17.275.589
3% DT		278.154.127	278.154.127	103.653.533
Tổng tài sản và vốn: 2%		8.328.467.674	8.328.467.674	29.219.067.995
1%		83.284.677	83.284.677	292.190.680
2%		166.569.353	166.569.353	584.381.360
Tiêu chí được sử dụng để ước tính mức trọng yếu		Doanh thu	Doanh thu	Doanh thu
Lý do lựa chọn tiêu chí này để xác định mức trọng yếu	Công ty đã hoạt động tiếp tục lỗ qua các năm mặc dù phát sinh doanh thu --> chọn tiêu chí mức trọng yếu là doanh thu			
Giá trị tiêu chí được lựa chọn	(a)	9.271.804.219	9.271.804.219	3.455.117.754
Tỷ lệ sử dụng để ước tính mức trọng yếu	(b)			
Lợi nhuận trước thuế: 5% - 10%				
Doanh thu: 0,5% - 3%		1,5%	1,5%	1,5%
Tổng tài sản và vốn: 2%				
Mức trọng yếu tổng thể	(c)=(a)*(b)	139.077.063	139.077.063	51.826.766
Mức trọng yếu thực hiện	(d)=(c)* (50%-	104.307.797	104.307.797	38.870.075
Ngưỡng sai sót không đáng kể/ sai sót có thể bỏ qua	(e)=(d)*4 % (tối đa)	4.172.312	4.172.312	1.554.803

Căn cứ vào bảng trên, KTV chọn ra mức trọng yếu để áp dụng khi thực hiện kiểm toán.

Chỉ tiêu lựa chọn	Năm nay	Năm trước
Mức trọng yếu tổng thể	139.077.063	51.826.766
Mức trọng yếu thực hiện	104.307.797	38.870.075
Ngưỡng sai sót không đáng kể/	4.172.312	1.554.803

sai sót có thể bỏ qua

Giải thích nguyên nhân có chênh lệch lớn về mức trọng yếu của năm nay so với năm trước

Đối với khoản mục phải trả tại Công ty ABC khoản mục nợ phải trả nhà cung cấp chiếm trọng yếu nên tập trung thực hiện vào khoản mục này, chương trình kiểm toán được triển khai cụ thể trên Chương trình kiểm toán mẫu.

Sau khi tính xong mức trọng yếu, kiểm toán viên sẽ dựa vào đó để thực hiện cuộc kiểm toán cho công ty ABC

2.2.2. Thực hiện kiểm toán

Đầu tiên, kiểm toán viên sẽ thiết lập chương trình kiểm toán cho khoản mục nợ phải trả nhà cung cấp. Công việc này được thực hiện tại giấy làm việc <E230> - Chương trình kiểm toán - Phải trả cho người bán (ngắn hạn và dài hạn) – Trả trước cho người bán (*xem phụ lục 4*)

- Lập biểu tổng hợp

Đầu tiên, kiểm toán viên thu thập và lập bảng tổng hợp theo từng chỉ tiêu: Phải trả người bán; Phải trả dài hạn người bán; Trả trước cho người bán số dư bên nợ và bên có cuối năm 2020 và cuối năm 2021 của TK 331 và đối chiếu số dư giữa hai năm (theo Báo cáo kiểm toán năm trước hoặc báo cáo tài chính năm trước).

Tiếp đến kiểm toán viên đối chiếu số dư đầu năm trên biểu tổng hợp, số dư cuối năm giữa Báo cáo tài chính, Sổ Cái TK 331 và Sổ chi tiết TK 331. Cộng số phát sinh trên Sổ Cái TK 331 và đối chiếu với Bảng cân đối số phát sinh, Sổ chi tiết TK 331. Bước công việc này được thực hiện để xác minh việc cộng dồn, chuyển sổ là chính xác.

Mục tiêu:

Đảm bảo các khoản phải trả nhà cung cấp là có thực; được ghi nhận đầy đủ, chính xác, đúng niên độ và theo giá trị phù hợp; và trình bày trên báo cáo tài chính phù hợp với khuôn khổ lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng.

Nguồn gốc số liệu:

- Tổng hợp chi tiết nợ phải trả nhà cung cấp
- Báo cáo tài chính năm trước được kiểm toán, báo cáo tài chính năm nay, bảng cân đối số phát sinh, sổ cái.

Công việc thực hiện:

- Lập Biểu tổng hợp theo từng chỉ tiêu: Phải trả người bán; Phải trả dài hạn người bán; Trả trước cho người bán.
- Đối chiếu số dư đầu năm trên Biểu tổng hợp, Bảng cân đối số phát sinh, sổ cái với số dư cuối năm trước hoặc hồ sơ kiểm toán năm trước (nếu có).
- Đối chiếu số liệu cuối năm/kỳ trên Biểu tổng hợp, Bảng Bảng cân đối số phát sinh, Bảng cân đối kế toán với sổ cái, sổ chi tiết.

- Phân tích biến động số dư phải trả nhà cung cấp
- Tổng hợp các bút toán điều chỉnh (nếu có), đối chiếu với báo cáo tài chính năm nay đã được kiểm toán
- Kết luận mục tiêu kiểm toán

Kết luận:

Sau khi lập Biểu tổng hợp và tiến hành đối chiếu, kiểm toán viên nhận thấy số dư trên biểu tổng hợp khớp đúng với sổ sách kế toán nên chấp nhận số liệu của đơn vị.



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH TOÁN CẦU
GLOBAL AUDITING AND FINANCIAL CONSULTANCY CO., LTD

E210

Client: CÔNG TY TNHH ABC	Prepared by: Mỹ Duyên	Date: 15/2/2022
Period ended: 31/12/2021	Reviewed by 1st: Ms. Hương	Date: 16/02/22
Subject: Tổng hợp số liệu Phải trả cho người bán / Payable to suppliers - Leadsheet	Reviewed by 2nd: Mr. Dũng	Date: 17/02/22
	Reviewed by 3rd:	Date:

Mục tiêu

Đảm bảo các khoản phải trả nhà cung cấp ngắn hạn và dài hạn là có thực, thuộc nghĩa vụ thanh toán của DN; đã được ghi nhận chính xác, đầy đủ; được đánh giá và trình bày phù hợp với khuôn khổ về lập và trình bày BCTC được áp dụng.

Nguồn gốc số liệu

Bảng CĐSPS, Bảng CĐKT, Sổ cái/ sổ chi tiết, BCKT năm trước

Công việc thực hiện

Lập Biểu tổng hợp trình bày số liệu Phải trả cho người bán

Đối chiếu số đầu năm với BCKT năm trước

Đối chiếu số cuối năm trên Biểu tổng hợp với sổ cái/ sổ chi tiết

Phân tích biến động và kết luận về tính trung thực, hợp lý của khoản mục

Tổng hợp bút toán điều chỉnh (nếu có) và đối chiếu số liệu với BCTC năm nay được kiểm toán

Giấy tờ chi tiết	Số cuối năm			Số đầu năm			Biến động		
	Số chưa điều chỉnh/ phân loại	Điều chỉnh	Số sau điều chỉnh / phân loại lại	BCKT	Số CDPS	Chênh lệch	+/-	%	
Phải thu									
Trả trước người bán ngắn hạn	119.694.540		119.694.540	22.072.546	22.072.546	-	97.621.994	442%	[1]
Cộng	119.694.540	-	119.694.540	22.072.546	22.072.546	-	97.621.994	442%	
	<i>BS, TB, GL</i>	<i>See E250</i>	<i>Audited BS</i>	<i>BS, TB, GL</i>		<i>Audited BS</i>			
Phải trả									
Phải trả cho người bán	1.750.881.472		1.750.881.472	1.427.171.435	1.427.171.435	-	323.710.037	23%	[2]
Cộng	1.750.881.472	-	1.750.881.472	1.427.171.435	1.427.171.435	-	323.710.037	23%	
	<i>BS, TB, GL</i>	<i>See E250</i>	<i>Audited BS</i>	<i>BS, TB, GL</i>		<i>Audited BS</i>			

Phân tích biến động

[1] Khoản trả trước người bán năm nay tăng 97 triệu tương ứng 442% so với năm trước

[2] Phải trả cho người bán tăng 323 triệu tương ứng 23% so với năm trước.

Kết luận

- Số liệu Phải trả người bán và Trả trước cho người bán được trình bày trung thực, hợp lý

Công việc này được thực hiện trên GLV: <E210> Biểu tổng hợp Phải trả người bán.
 (xem phụ lục 5)

- Lập bảng tổng hợp công nợ theo đối tượng phải trả nhà cung cấp

Mục tiêu:

Chi tiết khoản phải trả nhà cung cấp theo từng đối tượng.

Nguồn gốc số liệu:

Tổng hợp chi tiết phải trả nhà cung cấp

Công việc thực hiện:

Lập bảng tổng hợp công nợ theo đối tượng phải trả nhà cung cấp

Kết luận:

Đạt được mục tiêu kiểm toán

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - TƯ VẤN TÀI CHÍNH TOÀN CẦU
GLOBAL AUDITING AND FINANCIAL CONSULTANCY CO., LTD

E240

Client: CÔNG TY TNHH ABC	Prepared by: Mỹ Duyên	Date: 15/02/22
Period ended: 31/12/2021	Reviewed by 1st: Ms. Hương	Date: 16/02/22
Subject: Tổng hợp công nợ phải trả cho nhà cung cấp	Reviewed by 2nd: Mr. Dũng	Date: 17/02/22
	Reviewed by 3rd:	Date:

Mục tiêu

Đảm bảo khoản phải trả cho người bán trình bày trình BCTC trung thực và hợp lý

Nguồn gốc số liệu

Tổng hợp chi tiết phải trả nhà cung cấp

Công việc thực hiện

Lập bảng tổng hợp công nợ theo đối tượng phải trả nhà cung cấp

PM 208.615.595
AMPT 8.344.624

Tổng hợp công nợ theo đối tượng khách hàng

Nhà cung cấp	Số dư đầu năm		Phát sinh trong năm		Số dư cuối năm		Ngoại tệ		Tỷ lệ phát sinh		Tỷ lệ số dư	
	Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có	USD	JPY	Nợ	Có	Nợ	Có
Nhà cung cấp 1	-	-	-	-	-	-	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 2	-	1.654.513	28.144.534	30.719.363	-	4.229.342	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 3	-	-	6.321.645	6.321.645	-	-	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 4	-	-	5.500.000	5.500.000	-	-	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 5	-	-	-	2.400.000	-	2.400.000	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 6	-	-	14.048.100	14.048.100	-	-	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 7	-	-	6.886.000	6.886.000	-	-	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 8	-	-	2.049.819	2.049.819	-	-	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 9	13.200.000	-	-	-	13.200.000	-	-	-	0%	0%	11%	0%
Nhà cung cấp 10	-	-	4.815.000	4.815.000	-	-	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 11	-	-	5.353.700	5.353.700	-	-	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 12	-	-	5.353.700	5.353.700	-	-	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 13	-	-	23.100.000	23.100.000	-	-	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 14	-	-	140.223.795	165.586.086	-	25.362.291	-	-	2%	3%	0%	1%
Nhà cung cấp 15	-	-	-	-	-	-	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 16	-	-	56.024.254	56.024.254	-	-	-	-	1%	1%	0%	0%
Nhà cung cấp 17	-	-	3.705.001	3.857.002	-	152.001	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 18	-	-	9.310.950	9.310.950	-	-	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 19	-	-	35.950.000	35.950.000	-	-	-	-	1%	1%	0%	0%
Nhà cung cấp 20	-	-	4.790.000	4.790.000	-	-	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 21	-	-	45.632.400	53.026.600	-	7.394.200	-	-	1%	1%	0%	0%
Nhà cung cấp 22	-	-	2.160.000	2.160.000	-	-	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 23	-	-	1.100.000	1.100.000	-	-	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 24	-	-	5.500.000	5.500.000	-	-	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 25	-	-	13.823.000	13.823.000	-	-	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 26	-	-	6.000.000	1.000.000	5.000.000	-	-	-	0%	0%	4%	0%
Nhà cung cấp 27	-	-	11.797.500	11.797.500	-	-	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 28	-	-	3.421.000	3.421.000	-	-	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 29	-	-	1.785.000	-	1.785.000	-	-	-	0%	0%	1%	0%
Nhà cung cấp 30	-	-	128.338.332	128.338.332	-	-	-	-	2%	2%	0%	0%
Nhà cung cấp 31	-	-	14.302.999	22.335.000	-	8.032.001	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 32	-	-	1.500.000	1.500.000	-	-	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 33	-	-	-	-	-	-	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 34	-	-	10.800.000	10.801.350	-	1.350	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 35	-	-	-	-	-	-	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 36	-	-	-	-	-	-	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 37	-	-	11.994.896	11.888.654	106.242	-	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 38	-	-	7.731.528	7.637.887	93.641	-	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 39	-	-	-	-	-	-	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 40	-	-	2.973.938	2.973.938	-	-	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 41	-	565.061.349	1.566.715.840	1.256.198.939	-	254.544.448	-	-	25%	19%	0%	15%
Nhà cung cấp 42	-	-	935.000	935.000	-	-	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 61	-	-	59.525.096	29.741.648	29.783.448	-	-	-	1%	0%	25%	0%
Nhà cung cấp 62	-	-	240.461.100	240.461.100	-	-	-	-	4%	4%	0%	0%
Nhà cung cấp 63	-	-	13.200.000	13.200.000	-	-	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 64	-	-	-	-	-	-	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 65	-	-	-	-	-	-	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 66	-	-	26.840.000	26.840.000	-	-	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 67	-	-	1.210.000	1.210.000	-	-	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 68	-	-	1.068.650	1.068.650	-	-	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 69	4.950.000	-	4.950.000	9.900.000	-	-	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 70	-	-	3.960.000	3.960.000	-	-	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 71	-	-	33.095.369	41.347.386	-	8.252.017	-	-	1%	1%	0%	0%
Nhà cung cấp 72	-	9.277.027	181.194.311	173.816.311	-	1.899.027	-	-	3%	3%	0%	0%
Nhà cung cấp 73	-	11.084.334	1.469.568.827	1.973.329.014	-	514.844.521	-	-	23%	30%	0%	29%
Nhà cung cấp 74	-	-	25.000.000	25.000.000	-	-	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 75	-	42.632.480	248.760.588	412.764.093	-	206.635.985	-	-	4%	6%	0%	12%
Nhà cung cấp 76	-	-	41.542.000	24.100.000	17.442.000	-	-	-	1%	0%	15%	0%
Nhà cung cấp 77	-	-	-	-	-	-	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 78	-	-	27.540.000	27.540.000	-	-	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 79	-	-	3.300.000	3.300.000	-	-	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 80	-	-	-	-	-	-	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 81	-	-	-	-	-	-	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 82	-	382.636.395	-	-	-	382.636.395	-	-	0%	0%	0%	22%
Nhà cung cấp 83	-	-	-	-	-	-	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 84	-	17.735.000	67.566.545	44.631.545	5.200.000	-	-	-	1%	1%	4%	0%
Nhà cung cấp 85	-	202.563.295	670.023.908	605.929.957	-	138.469.344	-	-	10%	9%	0%	8%
Nhà cung cấp 86	-	30.448.894	-	-	-	30.448.894	-	-	0%	0%	0%	2%
Nhà cung cấp 87	-	-	58.190.000	58.190.000	-	-	-	-	1%	1%	0%	0%
Nhà cung cấp 88	-	-	-	-	-	-	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 89	-	-	43.161.663	-	43.161.663	-	-	-	1%	0%	36%	0%
Cộng	22.072.546	1.427.171.435	6.388.219.977	6.614.308.020	119.694.540	1.750.881.472	-	-	100%	100%	100%	100%
Lệch	22.072.546	1.427.171.435	6.388.219.977	6.614.308.020	119.694.540	1.750.881.472	-	-	-	-	-	-

Công việc này được thực hiện tại GLV: <E240> Tổng hợp công nợ phải trả cho nhà cung cấp (xem phụ lục 6).

- Xem xét các chính sách kế toán

Kiểm toán viên sẽ kiểm tra các nguyên tắc kế toán áp dụng

Mục tiêu:

Kiểm tra các nguyên tắc kế toán áp dụng nhất quán với năm trước và phù hợp với quy định của chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành.

Nguồn gốc số liệu:

- Phòng bán người bán, các chứng từ gốc làm cơ sở ghi nhận các khoản phải trả, báo cáo kiểm toán năm 2020.

Công việc thực hiện:

- Kiểm toán viên kiểm tra nội dung hạch toán nợ phải trả của đơn vị:
- Đơn vị sử dụng TK 331 để theo dõi các khoản nợ phải trả người bán và tình hình thanh toán cho các khoản nợ về doanh thu bán sản phẩm và tài sản cố định.
- Căn cứ ghi nhận TK 331: hóa đơn, chứng từ
- Chứng từ gốc làm cơ sở để ghi nhận các khoản phải trả người bán bao gồm: Hợp đồng mua sản phẩm, hàng hóa, biên bản thanh lý hợp đồng bán hàng, biên bản nhận hàng, hóa đơn, phiếu nhập khẩu.
- KTV kiểm tra nguyên tắc kế toán áp dụng nhất quán với năm trước và phù hợp với quy định của chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành.
- Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải trả khó đòi.

Kết luận:

Sau khi tiến hành kiểm tra, kiểm toán viên nhận thấy khoản mục Phải trả người bán đã được Công ty ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán năm trước.

Client: CÔNG TY TNHH MTV AUSIN HOME INTERIORS	Prepared by: Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Date: 15/02/2021
Period ended: 31/12/2021	Reviewed by 1st: Ms. Hương	Date: 15/02/2021
Subject: Chính sách kế toán- Phải trả nhà cung cấp	Reviewed by 2nd: Mr. Dũng	Date: 17/02/2021
	Reviewed by 3rd:	Date: 17/02/2021

Mục tiêu:

Chính sách kế toán áp dụng nhất quán với năm trước và phù hợp với khuôn khổ về lập và trình bày BCTC được áp dụng.

Nguồn gốc số liệu:

Hồ sơ kiểm toán năm trước, Bảng cân đối SPS, sổ Cái, sổ chi tiết và các tài liệu kế toán khác

Công việc thực hiện:

Chính sách kế toán	Áp dụng Năm nay	Ảnh hưởng
Tài khoản dùng phản ánh khoản nợ phải trả của Doanh nghiệp cho các nhà cung cấp theo các hợp đồng kinh tế đã ký kết.	✓	
Các khoản phải trả người bán được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải trả	✓	
Không phản ánh vào tài khoản này các nghiệp vụ mua hàng trả tiền ngay	✓	
Những vật tư, hàng hoá, dịch vụ đã nhận, nhập kho nhưng đến cuối tháng vẫn chưa có hoá đơn thì sử dụng giá tạm tính để ghi sổ và phải điều chỉnh về giá thực tế khi nhận được hoá đơn hoặc thông báo giá chính thức của người bán.	✓	
Tỷ giá quy đổi ngoại tệ ra "Đồng" Việt Nam		
Đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh	✓	
Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính	✓	
Ghi giảm công nợ ngoại tệ theo phương pháp bình quân gia quyền	✓	

Kết luận: Phù hợp mục tiêu kiểm toán

Công việc này được thực hiện tại GLV: <E241> Kiểm tra các nguyên tắc kế toán áp dụng (xem phụ lục 7).

- Kiểm tra hệ thống kiểm soát

Kiểm toán viên sẽ kiểm tra các hoạt động kiểm soát thông qua quan sát, phỏng vấn kết hợp trong quá trình kiểm toán và chủ yếu dựa vào tính xét đoán nghề nghiệp của kiểm toán viên.

Tại Công ty GAFC thường không thực hiện nội dung này do bị giới hạn về thời gian và chi phí thực hiện. Đa số các doanh nghiệp tại Việt Nam hiện nay vẫn chưa có khả năng thiết kế và áp dụng hệ thống kiểm soát nội bộ đúng quy chuẩn.

- Thực hiện thủ tục phân tích

Kiểm toán viên sẽ kiểm tra phân tích với khoản phải trả người bán.

Mục tiêu:

Đạt được giải trình hợp lý về các chỉ tiêu phân tích các khoản phải trả người bán

Nguồn gốc số liệu:

Sổ chi tiết tài khoản 331.

Công việc thực hiện:

- Đầu tiên, kiểm toán viên xem xét tính hợp lý và nhất quán với năm trước của các khoản trả người bán. Tìm hiểu và thu thập các giải trình cho các biến động bất thường. Kết quả cho thấy khoản khoản trả người bán năm 2021 tăng 23% so với năm 2020 tương đương với tăng 323.710.037 đồng.

- Số dư khoản trả trước cho người bán tăng mạnh so với năm trước hơn 97 triệu đồng, là do năm nay công ty mua thêm đơn hàng lớn mà nhà cung cấp cần ta ứng trước tiền để công ty sản xuất, gia công.

Kết luận:

Đạt được giải trình hợp lý về biến động các chỉ tiêu phải trả người bán đạt được mục tiêu đánh giá.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - TƯ VẤN TÀI CHÍNH TOÀN CẦU
GLOBAL AUDITING AND FINANCIAL CONSULTANCY CO., LTD

E242

Client: CÔNG TY TNHH ABC	Prepared by: Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Date: 15/02/22
Period ended: 31/12/2021	Reviewed by 1st: Ms. Hương	Date: 15/02/22
Subject: Thủ tục phân tích – Phải trả nhà cung cấp	Reviewed by 2nd: Mr. Dũng	Date: 17/02/22
	Reviewed by 3rd:	Date: 17/02/22

Mục tiêu:

- Đạt được giải trình hợp lý về các chỉ tiêu phân tích các khoản phải trả nhà cung cấp.

(Cơ sở dẫn liệu: Đánh giá)

Nguồn gốc số liệu:

- Số chi tiết tài khoản 331

Công việc thực hiện:

So sánh, phân tích biến động số dư phải trả nhà cung cấp năm nay so với năm trước, cũng như tỷ trọng số dư phải trả nhà cung cấp trong tổng nợ ngắn hạn và dài hạn để phát hiện sự biến động bất thường và đánh giá tính phù hợp với thay đổi trong hoạt động kinh doanh của DN.

Kiểm tra phân tích đối với khoản phải trả

So sánh, phân tích biến động số dư phải trả nhà cung cấp năm nay so với năm trước, cũng như tỷ trọng số dư phải trả nhà cung cấp trong tổng nợ ngắn hạn và dài hạn để phát hiện sự biến động bất thường và đánh giá tính phù hợp với thay đổi trong hoạt động kinh doanh của DN.

Nội dung	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Chênh lệch	Tỷ lệ	Ref
331N - Trả trước cho người bán	119.694.540	22.072.546	97.621.994	442%	E210
331C - Phải trả người bán	1.750.881.472	1.427.171.435	323.710.037	23%	E210
Tổng nợ phải trả ngắn hạn (CĐKT)	12.204.859.810	9.364.740.558	2.840.119.252	30%	
Tổng nợ phải trả dài hạn (CĐKT)	-	-	-	-	
Phải trả người bán Tổng NPT dài hạn	0,00%	0,00%	0,00%		
Phải trả người bán Tổng NPT ngắn hạn	14,35%	15,24%	-0,89%		

Giải trình biến động: Tỷ trọng số dư phải trả nhà cung cấp trong tổng nợ dài hạn không biến động, tỷ trọng số dư nợ phải trả nhà cung cấp trong tổng nợ ngắn hạn tăng so với năm trước. Tăng 30% tương ứng 2.840.119.252 đồng

Công việc này được thực hiện tại GLV: <E242> Kiểm tra phân tích đối với khoản phải trả người bán (xem phụ lục 8)

- Kiểm tra chi tiết

Thu thập số dư chi tiết

Kiểm toán viên sẽ rà soát số dư của khoản mục “Nợ phải trả người bán”.

Mục tiêu:

Đạt được giải trình hợp lý các khoản phải trả người bán.

Nguồn gốc số liệu:

Sổ chi tiết tài khoản 331, và bảng kê chi tiết số dư cuối kỳ khoản phải trả.

Công việc thực hiện:

- Kiểm toán viên thu thập Bảng kê chi tiết các khoản công nợ phải trả (gồm số dư đầu năm, số dư cuối năm, tăng, giảm). Kiểm tra việc cộng dọc, cộng ngang trên Bảng kê chi tiết và đối chiếu số chi tiết phải trả người bán, tổng số dư phải trả người bán, trả trước cho người bán trên bảng cân đối kế toán, bảng cân đối số phát sinh.
- Xem lướt qua Bảng kê chi tiết để xem có các khoản mục bất thường không?

Kết luận:

Đạt được giải trình hợp lý về biến động các chỉ số.

Client: CÔNG TY TNHH ABC	Prepared by: Nguyễn Thị Mỹ D	Date: 15/02/22
Period ended: 31/12/2021	Reviewed by 1st: Ms. Hương	Date: 15/02/22
Subject: Kiểm tra chi tiết- Rà soát số dư khoản mục Nợ phải trả nhà cung cấp	Reviewed by 2nd: Mr. Dũng	Date: 17/02/22
	Reviewed by 3rd: -	Date: 17/02/22

Mục tiêu: Đạt được giải trình hợp lý các khoản phải trả nhà cung cấp.

Nguồn gốc số liệu: Sổ cái chi tiết tài khoản 331, và bảng kê chi tiết SDCK khoản phải trả.

Công việc thực hiện:

Kiểm toán viên sẽ rà soát số dư của khoản mục Nợ phải trả nhà cung cấp bằng cách:

+ Thu thập Bảng kê chi tiết các khoản công nợ phải trả cho người bán, trả trước cho người bán (gồm số dư đầu năm, số dư cuối năm kỳ, tăng, giảm - nếu được). Kiểm tra việc công đọc, công ngang trên Bảng kê chi tiết và đối chiếu số chi tiết phải trả người bán, tổng số dư phải trả người bán/ trả trước cho người bán trên Bảng CĐKT,

+ Xem lướt qua Bảng kê chi tiết để xem có các khoản mục bất thường không? (số dư nợ quá chẵn, số dư nợ quá lâu, số dư nợ lớn, nhà cung cấp là các bên liên quan, nhà cung cấp cũng là người mua hàng, các khoản nợ phải trả không mang tính chất là phải trả cho người bán,...)

+ Đối với các số dư nợ nhà cung cấp đã quá hạn: Ước tính lãi phải trả và so sánh với số đã ghi sổ

1. Thu thập bảng kê chi tiết số dư cuối kỳ của khoản phải trả theo từng khách hàng đối chiếu tổng số phải trả với bảng CĐKT và so sánh với năm trước

Thu thập bảng tổng hợp công nợ trong năm

Đối chiếu số dư cuối kỳ với số chi tiết, sổ cái, BCTC

So sánh số dư cuối kỳ và số dư đầu kỳ của các đối tượng công nợ

STT	Số dư cuối kỳ	Bảng tổng hợp	Số cái tổng hợp	Số chi tiết	Báo cáo tài chính	Chênh lệch	Ref
	SD Nợ TK 331	119.694.540	119.694.540	119.694.540	119.694.540	-	E240
1	3311	119.694.540	119.694.540	119.694.540	119.694.540	-	E240
2	3312	-	-	-	-	-	E240
	SD Có TK 331	1.750.881.472	1.750.881.472	1.750.881.472	1.750.881.472	-	E240
1	3311	1.750.881.472	1.750.881.472	1.750.881.472	1.750.881.472	-	E240
2	3312	-	-	-	-	-	E240
	Cộng						E240

2. Xem lướt qua Bảng kê chi tiết để xem có các khoản mục bất thường không? (số dư nợ quá chẵn, số dư nợ quá lâu, số dư nợ lớn, nhà cung cấp là các bên liên quan, nhà cung cấp cũng là người mua hàng, các khoản nợ phải trả không mang tính chất là phải trả cho người bán,...)

Liệt kê các nhà cung cấp có số dư cuối kỳ lớn chiếm 5%/ tổng dư Có phải trả

STT	Tên NCC	Số dư đầu kỳ		Số dư cuối kỳ		Ghi chú	Ref
		Số dư nợ	Số dư có	Số dư nợ	Số dư có		
1	Nhà cung cấp 41	-	565.061.349	-	254.544.448		E240
2	Nhà cung cấp 56	-	46.200.000	-	74.250.000		E240
3	Nhà cung cấp 73	-	11.084.334	-	514.844.521		E240
4	Nhà cung cấp 75	-	42.632.480	-	206.635.985		E240
5	Nhà cung cấp 82	-	382.636.395	-	382.636.395		E240
6	Nhà cung cấp 85	-	202.563.295	-	138.469.344		E240
7	Nhà cung cấp 9	13.200.000	-	13.200.000	-		E240
8	Nhà cung cấp 61	-	-	29.783.448	-		E240
9	Nhà cung cấp 76	-	-	17.442.000	-		E240
10	Nhà cung cấp 89	-	-	43.161.663	-		E240
	Cộng	13.200.000	1.250.177.853	103.587.111	1.571.380.693		
	Tỷ trọng/ Tổng phải trả		88%		90%		

Liệt kê các khách hàng có phát sinh trong kỳ lớn chiếm từ 10%/ tổng phát sinh phải trả

STT	Tên KH	Phát sinh trong kỳ		Ghi chú	Ref
		Nợ	Có		
1	Nhà cung cấp 41	1.566.715.840	1.256.198.939		E240
2	Nhà cung cấp 73	1.469.568.827	1.973.329.014		E240
3	Nhà cung cấp 85	670.023.908	605.929.957		E240
	Tổng	3.706.308.575	3.835.457.910		
	Tỷ trọng/ Tổng phát sinh	58%	58%		

Kết luận:

Đạt được giải trình hợp lý về biến động các chi tiêu phải trả nhà cung cấp.

Công việc này được thực hiện tại GLV: <E243> Kiểm tra chi tiết – Rà soát số dư (xem phụ lục 9).

- Kiểm toán viên gửi thư xác nhận và thực hiện các thủ tục thay thế

Mục tiêu:

Đảm bảo chính xác đầy đủ và đánh giá số dư cuối kỳ khoản phải trả khách hàng.

Nguồn gốc số liệu:

Sổ chi tiết công nợ từng nhà cung cấp.

Công việc thực hiện:

- Khi có xác nhận hay biên bản đối chiếu công nợ của khách hàng, kiểm toán viên kiểm tra số liệu trên bảng kê chi tiết với xác nhận hay biên bản đối chiếu công nợ.
- Vì số lượng khách hàng nhiều nên kiểm toán viên lập và gửi thư xác nhận số dư có phải trả cho tất cả khách hàng lớn hơn mức trọng yếu.
- Khách hàng không trả lời thư xác nhận, kiểm toán viên tiến hành gửi thư xác nhận lần 2. Sau 2 lần gửi thư xác nhận mà không được phản hồi, kiểm toán viên thực hiện thủ tục thay thế để kiểm tra các khoản thanh toán sau ngày kết thúc năm xác nhận được khoản nợ.
- Đối với những nhà cung cấp có số dư có nhỏ hơn mức trọng yếu chọn một vài mẫu có giá trị lớn nhất để gửi xác nhận nhưng không nhận được phản hồi, kiểm toán viên thực hiện thủ tục thay thế để kiểm tra các khoản thanh toán sau ngày kết thúc năm xác nhận được khoản nợ.

Kết luận:

Đạt được sự đảm bảo hợp lý về số dư cuối kỳ các khoản phải trả.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - TƯ VẤN TÀI CHÍNH TOÀN CẦU
GLOBAL AUDITING AND FINANCIAL CONSULTANCY CO., LTD

E244

Client: CÔNG TY TNHH ABC	Prepared by: Nguyễn Thị Mỹ	Date: 15/02/22
Period ended: 31/12/2021	Reviewed by 1st: Ms. Hương	Date: 15/02/22
Subject: Gửi thư xác nhận và thủ tục thay thế	Reviewed by 2nd: Mr. Dũng	Date: 17/02/22
	Reviewed by 3rd: -	Date: 17/02/22

Mục tiêu: đảm bảo tính hiện hữu của số dư các khoản Nợ phải trả cuối kỳ.

Nguồn gốc số liệu: số chi tiết công nợ từng khách hàng.

Công việc thực hiện: Gửi thư xác nhận và đối chiếu số dư cuối kỳ

PM 208.615.595
AMPT 8.344.624

1. Đối tượng có số dư có cuối kỳ lớn hơn mức trọng yếu chọn gửi thư xác nhận 100%

Tên nhà cung cấp	Số dư cuối kỳ		Đơn vị tiền tệ		Kết quả trả lời thư xác nhận		Note	
	Nợ	Có	VND	USD	Số tiền	Chênh lệch	Thủ tục thay thế	Ref
Nhà cung cấp 41	-	254.544.448	254.544.448		254.544.448	-		E244.1
Nhà cung cấp 73	-	514.844.521	514.844.521		514.844.521	-		E244.2
Nhà cung cấp 82	-	382.636.395	382.636.395		382.636.395	-		E244.3
Tổng cộng		1.152.025.364	1.152.025.364	-	1.152.025.364			

66%

2. Đối tượng các nhà cung cấp còn lại

Phải trả người bán

- Tổng số dư cuối kỳ 1.750.881.472
- Số dư đã xác nhận trên MTY 1.152.025.364
- Giá trị mẫu còn lại 598.856.108
- Số lượng mẫu 3
- Bổ sung thư xác nhận

Chọn một vài mẫu có giá trị lớn nhất để gửi xác nhận

Trả trước cho người bán

- Tổng số dư cuối kỳ 119.694.540
- Số dư đã xác nhận tr 119.694.540
- Giá trị mẫu còn lại -
- Số lượng mẫu -

2. Đối tượng các nhà cung cấp còn lại

Phải trả người bán

- Tổng số dư cuối kỳ	1.750.881.472
- Số dư đã xác nhận trên MTY	1.152.025.364
- Giá trị mẫu còn lại	598.856.108
- Số lượng mẫu	3
- Bộ sung thư xác nhận	

Trả trước cho người bán

- Tổng số dư cuối kỳ	119.694.540
- Số dư đã xác nhận từ	119.694.540
- Giá trị mẫu còn lại	-
- Số lượng mẫu	-

Chọn một vài mẫu có giá trị lớn nhất để gửi xác nhận

Tên khách hàng	Số dư cuối kỳ		Đơn vị tiền tệ		Kết quả trả lời thư xác nhận		Thủ tục thay thế	Ref
	Nợ	Có	VND	USD	Số tiền	Chênh lệch		
Nhà cung cấp 2		4.229.342	4.229.342		4.229.342	-		E244.4
Nhà cung cấp 5		2.400.000	2.400.000				[2]	
Nhà cung cấp 14		25.362.291	25.362.291				[1]	
Nhà cung cấp 17		152.001	152.001				[2]	
Nhà cung cấp 21		7.394.200	7.394.200				[1]	
Nhà cung cấp 31		8.032.001	8.032.001				[1]	
Nhà cung cấp 34		1.350	1.350				[2]	
Nhà cung cấp 45		330.000	330.000				[2]	
Nhà cung cấp 46		42.920.000	42.920.000				[1]	
Nhà cung cấp 47		23.274.655	23.274.655		23.274.655	-		E244.5
Nhà cung cấp 56		74.250.000	74.250.000				[1]	
Nhà cung cấp 57		13.200.000	13.200.000				[1]	
Nhà cung cấp 60		11.605.001	11.605.001				[1]	
Nhà cung cấp 71		8.252.017	8.252.017				[1]	
Nhà cung cấp 72		1.899.027	1.899.027				[2]	
Nhà cung cấp 75		206.635.985	206.635.985		206.635.985	-		E244.6
Nhà cung cấp 85		138.469.344	138.469.344				[1]	
Nhà cung cấp 86		30.448.894	30.448.894				[1]	

[1]: Thanh toán sau:

STT	Khách hàng	Số dư tại ngày khóa sổ		Chứng từ kiểm tra thanh toán sau niên độ				Tỷ lệ	Note
		Số dư nợ TK 331	Số dư có TK 331	Số tiền thanh toán	Đã cung cấp dịch vụ	Loại chứng từ	Số chứng từ		
1	Nhà cung cấp 14		25.362.291	25.362.291	100%	UNC	SKNH	100%	
2	Nhà cung cấp 21		7.394.200	7.394.200	100%	UNC	SKNH	100%	
3	Nhà cung cấp 31		8.032.001	5.643.000	100%	UNC	SKNH	70%	
4	Nhà cung cấp 46		42.920.000	22.920.000	100%	UNC	SKNH	53%	
5	Nhà cung cấp 56		74.250.000	53.770.000	100%	UNC	SKNH	72%	
6	Nhà cung cấp 57		13.200.000	13.200.000	100%	UNC	SKNH	100%	
7	Nhà cung cấp 60		11.605.001	11.605.001	100%	UNC	SKNH	100%	
8	Nhà cung cấp 71		8.252.017	8.252.017	100%	UNC	SKNH	100%	
9	Nhà cung cấp 85		138.469.344	90.358.000	100%	UNC	SKNH	65%	
10	Nhà cung cấp 86		30.448.894	30.448.894	100%	UNC	SKNH	100%	
	Tổng cộng		359.933.748	268.953.403					

[2] Test chi tiết

STT	Khách hàng	Số dư tại ngày khóa sổ		Chứng từ kiểm tra						Ref	
		Số dư nợ TK 331	Số dư có TK 331	Số tiền	Số hóa đơn	Ngày hóa đơn	Hợp đồng	Phiếu đặt hàng	Phiếu giao hàng		Phiếu xuất kho
1	Nhà cung cấp 5		2.400.000	2.400.000							
2	Nhà cung cấp 17		152.001	152.001							
3	Nhà cung cấp 34		1.350	1.350							
4	Nhà cung cấp 45		330.000	330.000							
5	Nhà cung cấp 72		1.899.027	1.899.027							
	Tổng cộng		4.782.378	4.782.378							

Kết luận: Đạt được mục tiêu kiểm toán.

Công việc này được thực hiện tại GLV:<E244> Gửi thư xác nhận phải trả và thủ tục thay thế (xem phụ lục 10).

- Kiểm tra các khoản trả trước cho người bán

Mục tiêu:

Đảm bảo tính chính xác, đầy đủ và đánh giá số dư cuối kỳ khoản phải trả nhà cung cấp

Nguồn gốc số liệu:

Sổ chi tiết các khoản trả tiền trước người bán, bảng chi tiết hoặc số dư cuối kỳ.

Công việc thực hiện:

- Đối chiếu thư xác nhận
- Kiểm tra chứng từ trả trước, đối chiếu với điều khoản thanh toán trong hợp đồng.
- Kiểm tra các khoản nhận hàng/ nhận dịch vụ sau niên độ.
- Xem xét và đánh giá các khoản trả trước cho người bán lâu, chưa nhận hàng/ dịch vụ. Tính toán trích lập dự phòng phải trả khó đòi (nếu có).

Kết luận:

Đạt được mục tiêu về việc kiểm tra số dư các khoản trả tiền trước người bán.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - TƯ VẤN TÀI CHÍNH TOÀN CẦU
GLOBAL AUDITING AND FINANCIAL CONSULTANCY CO., LTD

E246

Client: CÔNG TY TNHH ABC	Prepared by: Nguyễn Thị Mỹ D	Date: 15/02/22
Period ended: 31/12/2021	Reviewed by 1st: Ms. Hương	Date: 15/02/22
Subject: Kiểm tra các khoản trả trước cho người bán	Reviewed by 2nd: Mr. Dũng	Date: 17/02/22
	Reviewed by 3rd:	Date: 17/02/22

Mục tiêu: Đảm bảo tính chính xác, đầy đủ và đánh giá số dư cuối kỳ khoản phải trả nhà cung cấp
Nguồn gốc số liệu: Số chi tiết các khoản trả tiền trước người bán, bảng chi tiết hoặc số dư cuối kỳ.

Công việc thực hiện:

- Đối chiếu thư xác nhận (nếu có)
- Kiểm tra chứng từ trả trước, đối chiếu với điều khoản thanh toán trong hợp đồng.
- Kiểm tra các khoản nhận hàng/ nhận dịch vụ sau niên độ.
- Xem xét và đánh giá các khoản trả trước cho người bán lâu, chưa nhận hàng/ dịch vụ. Tính toán trích lập dự phòng phải thu khó đòi (nếu có).

+ Kết quả phỏng vấn và xem xét chứng từ có thiết kế như sau:

STT	Tên khách hàng	Số dư nợ/TK 331	Điều khoản trả trước theo quy định hợp đồng	Mức độ hoàn thành giao dịch tại ngày khóa số	Cut-off/subsequent	Tình hợp lý của số dư	Ref
1	Nhà cung cấp 9	13.200.000	30%	Chưa hoàn thành	Chưa hoàn thành	Hợp lý	
2	Nhà cung cấp 26	5.000.000	30%	Chưa hoàn thành	Chưa hoàn thành	Hợp lý	
3	Nhà cung cấp 29	1.785.000	30%	Chưa hoàn thành	Chưa hoàn thành	Hợp lý	
4	Nhà cung cấp 37	106.242	30%	Chưa hoàn thành	Chưa hoàn thành	Hợp lý	
5	Nhà cung cấp 38	93.641	30%	Chưa hoàn thành	Chưa hoàn thành	Hợp lý	
6	Nhà cung cấp 54	3.922.546	30%	Chưa hoàn thành	Chưa hoàn thành	Hợp lý	
7	Nhà cung cấp 61	29.783.448	30%	Chưa hoàn thành	Chưa hoàn thành	Hợp lý	
8	Nhà cung cấp 76	17.442.000	30%	Chưa hoàn thành	Chưa hoàn thành	Hợp lý	
9	Nhà cung cấp 84	5.200.000	30%	Chưa hoàn thành	Chưa hoàn thành	Hợp lý	
10	Nhà cung cấp 89	43.161.663	30%	Chưa hoàn thành	Chưa hoàn thành	Hợp lý	

Kết luận: Đạt được mục tiêu về việc kiểm tra số dư các khoản khách hàng trả trước.

Công việc này được thực hiện tại GLV: <E246> Kiểm tra các khoản trả tiền trước người bán (xem phụ lục 12).

- Kết quả xác nhận của các khoản phải trả nhà cung cấp

Mục tiêu:

Đảm bảo tính hiện hữu của số dư các khoản nợ phải trả cuối kỳ.

Công việc thực hiện:

- Lập bảng tổng hợp kết quả xác nhận của các khoản phải trả nhà cung cấp
- Sau khi đã có thư xác nhận, kiểm toán viên tiến hành đối chiếu kết quả xác nhận với sổ sách kế toán của Công ty ABC để kiểm tra sự khớp đúng.
- Đối với khoản mục phải trả nhà cung cấp, kiểm toán viên thu được kết quả 82% thư xác nhận có xác nhận khớp đúng số dư trên giá trị khoản phải trả tương đương với 10.616.511.600 VND.
- Tuy tỷ lệ thư xác nhận khớp đúng số dư đã đạt yêu cầu nhưng kiểm toán viên còn thực hiện thêm thủ tục thay thế kiểm tra thanh toán sau niên độ để giảm rủi ro đến mức thấp nhất. Sau khi kiểm tra thanh toán sau đã tăng tỷ lệ khớp đúng số dư là 99,68%.
- Đối với khoản mục trả tiền trước cho khách kiểm toán viên thu được kết quả 100% thư xác nhận có xác nhận khớp với số dư của đơn vị.

Kết luận:

Đạt được mục tiêu kiểm toán.

Client: CÔNG TY TNHH ABC	Prepared by: Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Date: 15/02/22
Period ended: 31/12/2021	Reviewed by 1st: Ms. Hương	Date: 15/02/22
Subject: Kết quả thư xác nhận của nợ phải trả	Reviewed by 2nd: Mr. Dũng	Date: 17/02/22
	Reviewed by 3rd: -	Date: 17/02/22

Mục tiêu: Đảm bảo tính hiện hữu của số dư các khoản nợ phải trả cuối kỳ.

Công việc:

Lập bảng tổng hợp kết quả xác nhận các khoản phải trả nhà cung cấp
Kết quả kiểm tra như sau:

I. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN:

1.750.881.472 VND

A KẾT QUẢ TRẢ LỜI THƯ XÁC NHẬN

Xác nhận khớp đúng số dư (a)
Xác nhận không khớp đúng số dư
Không thể xác nhận
Trả lại qua bưu điện
Không nhận được trả lời
Tổng cộng

Giá trị khoản phải thu		Số lượng khoản mục	
Thành tiền	%	Số lượng	%
1.152.025.364	66%	5	28%
-	0%	-	0%
-	0%	-	0%
-	0%	-	0%
-	0%	-	0%
1.152.025.364	66%	5	28%

B THỦ TỤC THAY THẾ

Khoản được đối chiếu với số tiền nhận được sau này (Subsequent)
Khoản được đề xuất áp dụng những thủ tục kiểm toán thay thế khác
Tổng cộng

Giá trị	Tỷ lệ
364.716.126	20,83%
-	0,00%
364.716.126	21%

$C = (a+B)/TỔNG SỐ DƯ$

86,63%

II. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

119.694.540 VND

A KẾT QUẢ TRẢ LỜI THƯ XÁC NHẬN

Xác nhận khớp đúng số dư (a)
Xác nhận không khớp đúng số dư
Không thể xác nhận
Trả lại qua bưu điện
Không nhận được trả lời
Tổng cộng

Giá trị khoản khách hàng trả trước		Số lượng khoản mục	
Thành tiền	%	Số lượng	%
119.694.540	100%	1	100%
-	0%	0	0%
-	0%	0	0%
-	0%	0	0%
-	0%	0	0%
-	0%	0	0%
-	0%	0	0%
-	0%	0	0%
-	0%	0	0%
-	0%	0	0%
119.694.540	100%	1	100%

B THỦ TỤC THAY THẾ

Khoản được đối chiếu với số tiền nhận được sau này (Subsequent)
Khoản được đề xuất áp dụng những thủ tục kiểm toán thay thế khác
Tổng cộng

Giá trị	Tỷ lệ
-	0%
-	0%
-	0%

$C = (a+B)/TỔNG SỐ DƯ$

100%

Kết luận: Đạt được mục tiêu kiểm toán.

Công việc này được thực hiện tại GLV: <E245> Kết quả xác nhận tài khoản phải trả (xem phụ lục 13).

- Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ khoản phải trả có gốc ngoại tệ

Mục tiêu:

Đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc áp dụng tỷ giá chuyển đổi số dư có gốc ngoại tệ.

Nguồn gốc số liệu:

Sổ cái tổng hợp tài khoản số dư phải trả, sổ chi tiết tài khoản.

Công việc thực hiện:

- Kiểm tra việc áp dụng tỷ giá quy đổi, xác định và hạch toán chênh lệch tỷ giá đã thực hiện/chưa thực hiện đối với các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ và số dư cuối kỳ. KTV kiểm tra việc áp dụng tỷ giá quy đổi và đánh giá chênh lệch tỷ giá của các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ và số dư cuối kỳ. Tỷ giá quy đổi để đánh giá chênh lệch tỷ giá trong khoản mục này là tỷ giá bán ra của ngân hàng Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (VND/USD) tại ngày 31/12/2021. Tỷ giá được áp dụng là 23.125 VND/USD.

- Vì Công ty TNHH ABC không có hoạt động xuất nhập khẩu, giao dịch thanh toán bằng ngoại tệ (USD) nên kiểm toán viên đã không tiến hành kiểm tra các khoản phải trả có gốc ngoại tệ..

Kết luận:

Phù hợp mục tiêu kiểm toán

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - TƯ VẤN TÀI CHÍNH TOÀN CẦU GLOBAL AUDITING AND FINANCIAL CONSULTANCY CO., LTD		E247
Client: CÔNG TY TNHH ABC		Prepared by: Nguyễn Thị Mỹ Duyên Date: 15/02/22
Period ended: 31/12/2021		Reviewed by Ms. Hương Date: 15/02/22
Subject: Đánh giá cuối kỳ khoản phải trả có gốc ngoại tệ		Reviewed by Mr. Dũng Date: 17/02/22
		Reviewed by 2nd: - Date: 17/02/22
		Reviewed by 3rd: - Date: 17/02/22

Mục tiêu: Đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc áp dụng tỷ giá chuyển đổi số dư có gốc ngoại tệ.

Nguồn gốc số liệu: Sổ cái tổng hợp tài khoản số dư phải trả, sổ chi tiết tài khoản.

Công việc thực hiện:

Kiểm tra việc áp dụng tỷ giá quy đổi xác định và hạch toán chênh lệch tỷ giá đã được thực hiện/ chưa thực hiện đối với các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ và

Ngân hàng TMCP Ngoại						
31/12/21 Thương Việt Nam (VND/USD)						
TG mua	23.035					
TG bán	23.125					
KHÔNG CÓ GỐC NGOẠI TỆ						
Tên khách hàng	Số dư cuối kỳ		Rate	Số kiểm toán	Diff	Note
	VND	USD				
Tổng cộng	D340	-	-	-	-	-

Công việc này được thực hiện tại GLV: <E247> Đánh giá cuối kỳ khoản phải trả có gốc ngoại tệ (xem phụ lục 14)

- Rà soát sổ cái tài khoản 331

Mục tiêu:

Đầy đủ và ghi chép chính xác đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc ghi nhận khoản mục phải trả nhà cung cấp.

Nguồn gốc số liệu:

Sổ cái phải trả nhà cung cấp

Công việc thực hiện:

Đọc lướt Sổ cái để phát hiện những nghiệp vụ bất thường về giá trị, về tài khoản đối ứng hoặc về bản chất nghiệp vụ. Kiểm tra đến chứng từ gốc (nếu cần).

Kết luận:

Đạt được mục tiêu đầy đủ và ghi chép chính xác đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc ghi nhận khoản mục phải trả nhà cung cấp.

Client: CÔNG TY TNHH MTV AUSIN HOME INTERIORS	Prepared by: Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Date: 15/02/22
Period ended: 31/12/2021	Reviewed by 1st: Ms. Hương	Date: 15/02/22
Subject: Ra soát số cái 331	Reviewed by 2nd: Mr. Dũng	Date: 17/02/22
	Reviewed by 3rd: -	Date: 17/02/22

Mục tiêu: đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc ghi nhận khoản mục phải trả nhà cung cấp. (CSDL : sự đầy đủ và sự chính xác)

Nguồn gốc số liệu: Sổ cái phải trả nhà cung cấp

Công việc thực hiện:

1. Đọc lướt Sổ cái để phát hiện những nghiệp vụ bất thường về giá trị, về tài khoản đối ứng hoặc về bản chất nghiệp vụ. Kiểm tra đến chứng từ gốc (nếu cần).

+ Thu thập chữ T tài khoản 331

+ Thu thập sổ chi tiết tài khoản 331

+ Đọc lướt các nghiệp vụ trên sổ chi tiết và tài khoản 331 để phát hiện các nghiệp vụ bất thường.

+ Liệt kê các nghiệp vụ bất thường, điều giải nội dung và kiểm tra chứng từ

+ Chọn vài khách hàng có số dư lớn và phát sinh lớn, in sổ chi tiết khách hàng này để kiểm tra phát sinh và thanh toán.

+ Thu thập chữ T tài khoản 331 (xem.)

	TK 331		
	SĐĐK	1.427.171.435	
111	99.941.785	58.058.769	112
112	5.098.034.657	479.840.090	133
131	407.331.810	819.643.703	152
138	29.544.846	307.566.003	155
156	31.086.720	1.785.866.804	156
331	720.548.387	52.900.000	211
338	78.702.419	37.036.364	242
515	76.631	720.548.387	331
642	- 55.548.000	8.464.500	632
711	343.904	914.430.429	641
		1.429.952.971	642
		1.429.952.971	642
	6.410.063.159	6.614.308.020	
	SDCK	1.631.416.296	

Kết luận: Số liệu trình bày trên TK 331 hợp lý.

Công việc này được thực hiện tại GLV: <E248> Đánh giá cuối kỳ khoản phải trả có gốc ngoại tệ (xem phụ lục 15)

- Trình bày và công bố thông tin thuyết minh BCTC

Mục tiêu:

Xem xét xem việc trình bày và công bố khoản phải trả người bán trên Báo cáo tài chính có phù hợp với Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng ở trên không.

Công việc thực hiện:

- KTV kiểm tra việc trình bày và phân loại các khoản nợ phải trả.
- Các khoản phải trả đều là khoản phải trả ngắn hạn.
- Thông tin thuyết minh các bên liên quan.

Kết luận:

Số liệu rõ ràng phục vụ thuyết minh báo cáo tài chính, đạt được mục tiêu trình bày và công bố.

Client: CÔNG TY TNHH ABC	Prepared by: Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Date: 15/02/22
Period ended: 31/12/2021	Reviewed by 1st: Ms. Hương	Date: 15/02/22
Subject: Thông tin thuyết minh Báo cáo tài chính	Reviewed by 2nd: Mr. Dũng	Date: 17/02/22
	Reviewed by 3rd: -	Date: 17/02/22

Mục tiêu: Xem xét xem việc trình bày và công bố khoản phải trả trên Báo cáo tài chính có phù hợp với Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng ở trên không.

Công việc thực hiện:

KTV kiểm tra việc trình bày và phân loại các khoản nợ phải trả nhà cung cấp.

Các khoản phải trả đều là khoản phải trả ngắn hạn.

Thông tin thuyết minh các bên liên quan.

Kiểm tra việc phân loại và trình bày Phải trả người bán, trả trước người bán ngắn hạn và dài hạn

1. Thông tin phục vụ CĐKT và thuyết minh:

Phải trả người bán

Phải trả người bán ngắn hạn	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ
Nhà cung cấp 41	254.544.448	565.061.349
Nhà cung cấp 85	138.469.344	202.563.295
Nhà cung cấp 82	382.636.395	382.636.395
Nhà cung cấp 16	11.605.001	-
Nhà cung cấp khác	963.626.284	276.910.396
Tổng cộng	1.750.881.472	1.427.171.435

Kết luận: Số liệu rõ ràng phục vụ thuyết minh BCTC.

Công việc này được thực hiện tại GLV: <E250> Thông tin thuyết minh báo cáo tài chính (*xem phụ lục 16*)

- Các thủ tục kiểm tra bổ sung

Kiểm toán viên không thực hiện vì đơn vị không có các khoản phải trả dùng làm tài sản thế chấp, cầm cố.

2.2.3. Kết thúc kiểm toán

Sau khi hoàn thành các thủ tục cần thiết phục vụ cho quá trình kiểm toán, kiểm toán viên sẽ tiến hành lưu trữ lại các chứng từ làm bằng chứng cho việc khóa sổ và chốt sổ dư cuối kì cùng với các chứng từ có liên quan làm căn cứ cho việc lập các bút toán điều chỉnh cần thiết. Tổng hợp lại các vấn đề cần thảo luận thêm gửi lại cho Trưởng nhóm kiểm toán để trao đổi thêm với doanh nghiệp nhằm cho mục đích phục vụ trình bày thuyết minh báo cáo tài chính.

Công tác lưu trữ hồ sơ được thực hiện một cách nhất quán, các chứng từ có liên quan phục vụ cho việc kiểm toán khoản mục nợ phải trả nhà cung cấp sẽ được lưu trữ vào mục E và chi tiết E200 trong hồ sơ kiểm toán. Thông thường, tại GAFC thì các WP này sẽ được kiểm toán viên sắp xếp lại hồ sơ theo thứ tự gồm

- a) Biểu chỉ đạo.
- b) Các bảng biểu tự lập và thu thập từ văn phòng khách hàng, cũng như bảng photo chứng từ, hợp đồng mua bán, phiếu nhập của hải quan,....từ khách hàng.
- c) Kiểm tra lại việc đánh dấu tham chiếu các số liệu hoặc bổ sung thêm nếu thấy cần thiết.
- d) Lưu dưới dạng giấy tờ, theo từng thư mục khách hàng và được sắp xếp theo từng năm kiểm toán báo cáo tài chính trong cơ sở dữ liệu chung của công ty.

Kết quả sau khi kiểm toán công ty khách hàng ABC, kiểm toán viên không phát hiện sai sót nào trong khoản mục Nợ phải trả nên không cần điều chỉnh gì ở khoản mục này trên báo cáo tài chính.

2.3. Nhận xét quy trình kiểm toán khoản mục Nợ phải trả tại Công ty Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu đối với khách hàng ABC

2.3.1. Ưu điểm

2.3.1.1. Giai đoạn chuẩn bị kiểm toán

Đối với khách hàng mới thì quá trình tìm hiểu khách hàng được tiến hành bởi những kiểm toán viên có nhiều kinh nghiệm và được thực hiện một cách nhanh chóng,

chính xác. Do vậy, việc đánh giá tình hình hoạt động cũng như đặc điểm hoạt động kinh doanh của khách hàng là khá chính xác và không mất nhiều thời gian.

Ở khách hàng cũ, dù đã phân nào nắm bắt được hoạt động kiểm soát nội bộ của khách hàng, nhưng kiểm toán viên cũng vẫn không bỏ qua việc kiểm tra lại bằng việc phỏng vấn nhân viên trong đơn vị khách hàng. Điều này cho thấy sự thận trọng của kiểm toán viên và sẽ góp phần làm tăng hiệu quả cho cuộc kiểm toán.

Công ty luôn xây dựng kế hoạch chiến lược kiểm toán cụ thể cho từng khách hàng, tổ chức phân công nhóm kiểm toán phù hợp, hướng dẫn rõ ràng công việc và phạm vi các thủ tục kiểm toán cần thực hiện. Những việc làm này làm cho việc thực hiện kiểm toán trở nên khoa học, tiết kiệm nhiều thời gian và đạt độ chính xác cao.

Công ty có định hướng trưởng nhóm kiểm toán phải chịu trách nhiệm rà soát lại toàn bộ các công việc mà kiểm toán viên khác và trợ lý kiểm toán đã thực hiện, xem xét vừa tổng quát vừa cụ thể tất cả các khoản mục và độ tin cậy của các kết luận đưa ra.

2.3.1.2. Giai đoạn thực hiện kiểm toán

Trong khi thực hiện kiểm toán, nếu phát hiện có sai lệch hay tồn tại nghiệp vụ bất thường kiểm toán viên luôn nhanh chóng và kịp thời phỏng vấn nhân viên của đơn vị để tìm ra nguyên nhân. Bên cạnh đó đối với các nghiệp vụ bất thường kiểm toán viên luôn cân nhắc thực hiện thêm các thủ tục hay thử nghiệm nhằm củng cố thêm sự hợp lý của những nghiệp vụ này và nếu chúng thực sự không hợp lý kiểm toán viên sẽ đưa ra các bút toán điều chỉnh phù hợp tại vị trí phát hiện biến động bất thường.

Các thủ tục kiểm toán được thiết kế khoa học và được các kiểm toán viên trong công ty áp dụng uyển chuyển, linh hoạt khi thực hiện kiểm toán.

Trong quá trình kiểm toán kiểm toán viên luôn tuân thủ theo quy trình kiểm toán và vận dụng linh hoạt các thử nghiệm kiểm toán kết hợp với xét đoán nghề nghiệp dựa trên kinh nghiệm của mình để hoàn thành kiểm toán với kết quả cao nhất.

Thủ tục phân tích cụ thể được ghi chép lưu trữ rõ ràng, cẩn thận và hệ thống trong hồ sơ kiểm toán giúp khâu soát xét cuối cùng sau kiểm toán được thực hiện rõ ràng và nhanh chóng, đưa ra báo cáo kiểm toán đáng tin cậy giúp người sử dụng nhận định chính xác và dự đoán được tình hình tương lai của công ty khách hàng trong bối cảnh chung của nền kinh tế nhiều biến động hiện nay.

Trong quá trình kiểm toán kiểm toán viên luôn tuân thủ đúng theo quy trình kiểm toán mẫu của VACPA ban hành, phù hợp với Chuẩn mực kiểm toán quốc tế và Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Đồng thời, kiểm toán viên cũng vận dụng linh hoạt các thử

những kiểm toán kết hợp với xét đoán nghề nghiệp dựa trên kinh nghiệm của mình để hoàn thành kiểm toán với kết quả cao nhất.

Công ty luôn cập nhật nhanh chóng các văn bản pháp luật mới để kịp thời bổ sung điều chỉnh chương trình kiểm toán phù hợp với quy định của bộ tài chính và chính sách của nhà nước góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ của công ty kiểm toán.

Các phần hành kiểm toán được phân công phù hợp với trình độ chuyên môn của kiểm toán viên chính và trợ lý kiểm toán. Trong quá trình kiểm toán, kiểm toán viên chính luôn có sự soát xét kỹ lưỡng, kiểm tra tiến độ công việc và trao đổi với các thành viên trong nhóm các vấn đề, vướng mắc phát sinh nên góp phần đẩy nhanh tiến độ và chất lượng của cuộc kiểm toán, tạo nên sự phối hợp nhịp nhàng mang lại hiệu quả cao tiết kiệm thời gian và chi phí cho cuộc kiểm toán.

Phần hành kiểm toán nợ phải trả là phần hành quan trọng nên luôn do kiểm toán viên chính đảm nhận, khi có các vướng mắc trong quá trình kiểm toán thì có sự trao đổi kịp thời, trực tiếp giữa kiểm toán viên chính và Người phụ trách cuộc kiểm toán qua điện thoại và trao đổi riêng ở văn phòng khi kết thúc thời gian kiểm toán ở đơn vị khách hàng.

Công ty đã xây dựng mẫu chương trình kiểm toán của phần hành nợ phải trả dựa trên Chương trình kiểm toán mẫu là E200 khá rõ ràng, đầy đủ tạo thuận lợi cho kiểm toán viên trong quá trình kiểm toán. Các nội dung trong mẫu giấy tờ làm việc có thể thay đổi phù hợp với thực tế của từng khách hàng.

Đối với từng khách hàng kiểm toán viên áp dụng linh hoạt các thử nghiệm kiểm toán để đạt mục tiêu kiểm toán của mình.

Kiểm toán viên đã thực hiện khá đầy đủ các thủ tục, quy trình và đáp ứng mục tiêu đã đề ra. Các thủ tục được thiết kế chặt chẽ, đầy đủ giúp cho kiểm toán viên dễ dàng phát hiện các sai sót và gian lận trong quá trình kiểm toán.

Thư xác nhận được thiết kế sẵn và thống nhất được gửi đến khách hàng sớm, tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng cũng như bên xác nhận và giúp cho kiểm toán viên dễ dàng kiểm tra đối chiếu. Với các doanh nghiệp có số lượng khách hàng tương đối ít, thư xác nhận được gửi đến tất cả các khách hàng. Còn với những doanh nghiệp có nhiều khách hàng, công ty sẽ tiến hành chọn mẫu phù hợp để gửi thư xác nhận.

Ngoài ra thủ tục thay thế cũng được thiết kế và thực hiện nhanh chóng giúp xác định số dư cuối kỳ nhờ vậy mà kiểm toán viên linh hoạt lựa chọn giải quyết tốt các tình huống.

2.3.1.3. Kết thúc kiểm toán

Kết thúc cuộc kiểm toán luôn có sự trao đổi sơ bộ của kiểm toán viên với Kế toán trưởng và người đại diện của đơn vị về các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình khi kiểm toán báo cáo tài chính của đơn vị. Bên cạnh đó ý kiến chính thức trên Báo cáo kiểm toán còn được quyết định khi kiểm toán viên chính trao đổi với người phụ trách cuộc kiểm toán và thành viên Ban Giám đốc chịu trách nhiệm soát xét Báo cáo kiểm toán.

Mỗi thông tin khách hàng được lưu trữ trong hai loại file là file hồ sơ kiểm toán chung và file hồ sơ kiểm toán năm. File chung lưu các thông tin không có nhiều thay đổi của khách hàng bao gồm các thông tin về: pháp luật, thuế, nhân sự, hợp đồng, kế toán, kiểm toán, và thông tin về tập đoàn. Nên vào năm sau khi kiểm toán tại đơn vị kiểm toán viên không cần phải xin lại những thông tin đã lưu trong hồ sơ chung. kiểm toán viên chỉ cần cập nhật các thông tin thay đổi trong năm kiểm toán như: các hợp đồng mới mà công ty phát sinh trong năm nay, các phụ lục gia hạn hợp đồng, giấy chứng nhận đầu tư thay đổi thay đổi lần thứ..., Việc lưu trữ hồ sơ như vậy cũng tạo điều kiện thuận lợi cho kiểm toán viên mới tiếp nhận khách hàng theo trường hợp luân chuyển kiểm toán viên theo luật Kiểm toán độc lập. kiểm toán viên mới có thể nắm bắt sơ bộ các thông tin cơ bản về khách hàng tại công ty của mình thông qua các giấy tờ đã được lưu trữ trước đó. Ngoài ra, việc lưu trữ này còn giúp cho kiểm toán viên và khách hàng không phải mất nhiều thời gian tìm kiếm và photo các loại giấy tờ này trong những lần kiểm toán tiếp theo. File kiểm toán năm gồm các phần hành A, B, C, D, E, F, G, H lưu các bằng chứng kiểm toán được thu thập tại công ty khách hàng, các giấy tờ làm việc của kiểm toán viên trong suốt quá trình thực hiện và phát hành Báo cáo kiểm toán.

2.3.2. Hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh những ưu điểm trên thì quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải trả còn chứa đựng những hạn chế sau:

2.3.2.1. Giai đoạn chuẩn bị kiểm toán

Một là Công ty chỉ xây dựng một chương trình mẫu áp dụng cho tất cả các loại hình doanh nghiệp trong khi khách hàng của công ty có nhiều hình thức sở hữu vốn cũng như nhiều ngành nghề kinh doanh đa dạng. Do hạn chế về chi phí nên công ty chưa xây dựng các chương trình kiểm toán mẫu phù hợp với từng quy mô, loại hình doanh nghiệp.

Hai là các thử nghiệm liên quan đến việc đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ thường được giảm nhẹ trong quá trình kiểm toán. Một phần nguyên nhân là do đặc thù

khách hàng của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu là những doanh nghiệp sản xuất kinh doanh vừa và nhỏ, một phần là do khách hàng của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu chủ yếu là những khách hàng đã được công ty kiểm toán qua những năm trước hay là mới thành lập vào năm nay nên việc đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ thường chỉ được kiểm toán viên đánh giá bằng kinh nghiệm. Vì thế mà kiểm toán viên thường ít khi đưa ra các quyết định về việc tiến hành thu hẹp hay mở rộng các thử nghiệm chi tiết, để tiết kiệm thời gian và chi phí trong quá trình kiểm toán.

Ba là thường kiểm toán viên chính (nhóm trưởng) là người xác định mức trọng yếu và ngưỡng sai sót chung có thể bỏ qua và phân tích đặc điểm công ty để đưa ra các kế hoạch kiểm toán phù hợp đưa cho các thành viên trong nhóm kiểm toán khi bắt đầu mỗi cuộc kiểm toán. Do công ty chưa có quy định và quy trình cụ thể về xác định mức trọng yếu và phân tích đặc điểm công ty để việc xác lập trở nên chính xác hơn.

Cuối cùng là vào mùa kiểm toán, khi số lượng nhân viên có hạn nhưng số hợp đồng kiểm toán lại quá nhiều nên cần mở rộng nhân sự để đảm bảo chất lượng cuộc kiểm toán.

2.3.2.2. Giai đoạn thực hiện kiểm toán.

Một là trong thủ tục phân tích của kiểm toán nợ phải trả bao gồm thủ tục phân tích biến động và thủ tục tính toán các tỷ số nợ phải trả. Nhưng kiểm toán viên thường chỉ chú trọng thủ tục phân tích biến động và bỏ qua việc tính toán các chỉ số nợ phải trả. Do đó các biến động bất thường có khả năng chưa được phát hiện hết cũng như chưa có đủ cơ sở để khẳng định về tính hợp lý của các số liệu của nợ phải trả. Do hạn chế về chi phí và thời gian thực hiện kiểm toán tại công ty khách hàng nên kiểm toán viên không thực hiện đầy đủ các thủ tục phân tích.

Hai là kiểm toán viên thường thực hiện song song giữa thủ tục kiểm soát và thử nghiệm cơ bản hay thực hiện các thử nghiệm cơ bản có liên quan đến nhau. Việc kết hợp này chỉ phù hợp khi áp dụng cho kiểm toán các đơn vị khách hàng có quy mô nhỏ. Còn đối với khách hàng có quy mô vừa và lớn thì việc kết hợp các thủ tục và thử nghiệm này sẽ làm hạn chế đi vai trò và tính chính xác của chúng. Do hạn chế về chi phí và thời gian thực hiện kiểm toán tại công ty khách hàng nên kiểm toán viên thực hiện song song giữa thủ tục kiểm soát và thử nghiệm cơ bản hay thực hiện các thử nghiệm cơ bản có liên quan đến nhau.

Ba là trong một số trường hợp, kiểm toán viên chưa xử lý xong số liệu hay chưa nhận được dữ liệu từ khách hàng mà đã xuống công ty khách hàng để kiểm toán làm

tốn thời gian cho việc xử lý số liệu hay phải đợi dữ liệu từ khách hàng. Nguyên nhân do hạn chế về thời gian và chi phí kiểm toán nên không có thời gian xử lý số liệu.

Bốn là khi chọn mẫu kiểm tra công ty thường tiến hành chọn các nghiệp vụ bất thường hay phát sinh lớn tạo ra rủi ro trong chọn mẫu dễ gây nên tình trạng khách hàng gian lận những nghiệp vụ phát sinh nhỏ nhiều lần hoặc che giấu những nghiệp vụ bất thường, biến động lớn. Do công ty chưa xây dựng chính thức quy trình chọn mẫu kiểm toán cho khoản mục nợ phải.

Năm là thư xác nhận sẽ do Kiểm toán viên cung cấp mẫu và khách hàng sẽ gửi cho bên thứ 3. Nguyên nhân do kiểm toán viên không có thời gian để gửi thư xác nhận. Như vậy chất lượng của thư xác nhận này không hiệu quả.

Sáu là ở giấy làm việc thì các tham chiếu chưa được chèn liên kết giữa các phần hành làm cho kiểm toán viên khó khăn trong việc kiểm tra, đối chiếu. Công việc tính toán và tổng hợp, xử lý số liệu ban đầu vẫn chỉ được thực hiện qua phần mềm Excel nên một phần ảnh hưởng đến quỹ thời gian của cuộc kiểm toán. Do còn hạn chế về chi phí nên Công ty chưa kịp trang bị được chương trình riêng.

2.3.2.3. Giai đoạn hoàn thành kiểm toán

Một là mặc dù giỏi về chuyên môn và có kinh nghiệm trong thực hiện kiểm toán, nhưng do giới hạn về thời gian và số lượng khoản mục lại nhiều nên kiểm toán viên chính không thể thực hiện kiểm tra, rà soát thật kỹ lưỡng từng khoản mục được. Điều này dù không nhiều nhưng đôi khi làm ảnh hưởng đến chất lượng cuộc kiểm toán.

Hai là thủ tục phân tích được tiến hành trong giai đoạn này, chủ yếu là phân tích soát xét báo cáo tài chính lần cuối và đánh giá khả năng hoạt động liên tục của khách hàng. Công ty không vận dụng thủ tục phân tích này để thực hiện phân tích soát xét báo cáo tài chính lần cuối. Bên cạnh đó, Công ty cũng không tiến hành phân tích về khả năng hoạt động liên tục của khách hàng.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Chương 2 đã giới thiệu một cách khá tổng quát về đơn vị đề tài được tiến hành, đó là Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu. Đồng thời đề cập đến các loại hình dịch vụ đang được cung cấp tại đơn vị. Ngoài ra trong chương này đã thể hiện thực trạng kiểm toán khoản mục nợ phải trả nhà cung cấp do Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu thực hiện tại công ty ABC.

Các chương trình thiết kế cho một cuộc kiểm toán và nội dung từng công việc cụ thể mà kiểm toán viên thực hiện kiểm toán tại đơn vị ABC đã thể hiện rõ nét trong chương này. Qua đó có thấy được những điểm mạnh và hạn chế mà chương trình kiểm toán, các bước thực hiện do Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu đã tiến hành. Làm cơ sở để phát triển chương 3, nêu ra nhận xét và các kiến nghị để hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải trả nhà cung cấp.

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC NỢ PHẢI TRẢ TẠI CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH TOÀN CẦU

Trong những năm gần đây, thích ứng với yêu cầu của nền kinh tế chuyển đổi theo cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế. Hoạt động kiểm toán đóng vai trò rất quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, là một bộ phận không thể thiếu trong việc giúp Nhà nước điều hành và quản lý xã hội. Với sự phát triển và cạnh tranh mạnh mẽ của các công ty kiểm toán độc lập, Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu (GAFC) đã khẳng định được uy tín của mình với đội ngũ sáng lập viên và các chuyên gia tâm huyết, am tường về kiểm toán, thuế, kế toán, tài chính và quản trị, có nhiều năm nắm giữ vị trí quản lý trong các công ty hàng đầu trong và ngoài nước. Bên cạnh đó Công ty luôn cố gắng từng ngày nâng cao chất lượng kiểm toán của mình.

Nợ phải trả là một trong những khoản mục khá quan trọng trên báo cáo tài chính. Nợ phải trả thể hiện sự chiếm dụng vốn tạm thời từ các đối tượng khác của doanh nghiệp. Do nợ phải trả có mối quan hệ mật thiết với chi phí sản xuất kinh doanh nên sự sai sót, thiếu trung thực của khoản mục này có thể gây trọng yếu đến báo cáo tài chính. Do đó việc hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải trả là việc cần thiết.

Qua tìm hiểu và nghiên cứu quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải trả tại Công ty TNHH Tư vấn Tài chính Toàn Cầu, tác giả xin đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện quy trình kiểm toán nợ phải trả như sau:

3.1. Quan điểm hoàn thiện Công ty

GAFC mong muốn trở thành người bạn đồng hành cùng khách hàng, góp phần gia tăng giá trị doanh nghiệp. Mục tiêu của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu là mang đến cho khách hàng chất lượng dịch vụ cao nhất thông qua hướng tiếp cận chuyên nghiệp, sáng tạo và khả năng cung cấp dịch vụ trọn gói với mức phí cạnh tranh.

Định hướng trong tương lai Công ty sẽ trở thành một trong những tổ chức cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp hàng đầu tại Việt Nam thông qua uy tín, chất lượng dịch vụ và vị thế trên thị trường.

❖ Về hoạt động kinh doanh

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu không ngừng tìm kiếm khách hàng mới và duy trì khách hàng cũ. Thực hiện chiến lược đẩy mạnh và triển khai công tác tiếp thị trên diện rộng và chuyên nghiệp hơn để thu hút khách hàng mới, không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp và hoàn thành kế hoạch đặt ra.

❖ Về công tác đào tạo

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn cho nhân viên thông qua các chương trình đào tạo, thường xuyên bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, cập nhật thông tin, tài liệu mới nhất liên quan đến ngành nghề cả trong và ngoài nước nhằm nắm bắt xu thế của thời đại và nâng cao kỹ năng, kiến thức kịp thời đáp ứng nhu cầu thị trường.

❖ Về quy trình và chất lượng dịch vụ

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu luôn cố gắng nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ khách hàng thông qua chất lượng công việc thực hiện, tăng cường các dịch vụ tư vấn hỗ trợ khách hàng.

❖ Về công tác tổ chức, quản lý

Ban Giám Đốc Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu không ngừng nâng cao năng lực quản lý, khả năng lãnh đạo để kiện toàn bộ máy tổ chức điều hành công ty. Tăng cường chỉ đạo hoạt động của công ty thông qua việc phân công công việc cụ thể nhằm giải quyết kịp thời những vướng mắc phát sinh trong từng bộ phận.

3.2. Một số giải pháp hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải trả tại Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu đối với khách hàng ABC

Sau quá trình thực tập và tìm hiểu về quy trình kiểm toán các khoản nợ phải trả tại Công ty Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu, tác giả xin đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục Nợ phải trả như sau:

3.2.1. Giai đoạn chuẩn bị kiểm toán

❖ Về chương trình mẫu cho từng loại hình doanh nghiệp

Công ty chỉ xây dựng một chương trình mẫu áp dụng cho tất cả các loại hình doanh nghiệp trong khi khách hàng của công ty có nhiều hình thức sở hữu vốn cũng như nhiều ngành nghề kinh doanh đa dạng, số lượng khách hàng lớn. Chính vì vậy sau mùa kiểm toán, công ty nên xây dựng những chương trình kiểm toán cụ thể phù hợp với những doanh nghiệp đặc thù để khi vào mùa kiểm toán mới với khách hàng mới sẽ không khiến kiểm toán viên bỡ ngỡ và tiết kiệm thời gian nghiên cứu hơn.

❖ Về công tác đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ của khách hàng

Các kiểm toán viên phải nghiên cứu và đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị được kiểm toán nhằm mục đích đánh giá mức độ rủi ro kiểm soát làm cơ sở cho việc lựa chọn phạm vi, quy mô và phương pháp kiểm toán thích hợp.

Trong phạm vi kiểm toán báo cáo tài chính, kiểm toán viên chủ yếu quan tâm đến các chính sách thủ tục của hệ thống kiểm toán và hệ thống kiểm soát nội bộ có liên quan đến cơ sở dẫn liệu của báo cáo tài chính. Việc tìm hiểu hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị chỉ được kiểm toán và việc đánh giá rủi ro tiềm tàng và rủi ro kiểm soát sẽ giúp cho kiểm toán viên :

- Xác định được phạm vi kiểm toán cần thiết đối với những sai sót trọng yếu có thể tồn tại trong báo cáo tài chính;
- Xem xét những nhân tố có khả năng gây ra sai sót trọng yếu;
- Xây dựng các thủ tục kiểm toán thích hợp.

Khi tìm hiểu hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ để lập kế hoạch kiểm toán kiểm toán viên sẽ hiểu biết được việc thiết kế và thực hiện của hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ của khách hàng điều đó giúp cho kiểm toán viên xác định được khối lượng các nghiệp vụ kinh tế tài chính cần được kiểm tra cũng như việc thiết lập các thủ tục kiểm tra cần thiết.

Có thể nói đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ tại công ty khách hàng là công việc quan trọng khi kiểm toán. Vì thế công ty cần tăng việc tìm hiểu hệ thống kiểm soát nội bộ để có thể đánh giá rủi ro chính xác hơn. Việc hiểu rõ về hệ thống kiểm soát nội bộ giúp các kiểm toán viên có thể thiết kế chương trình kiểm toán phù hợp. Khi hệ thống kiểm soát nội bộ của công ty khách hàng được đánh giá là hiệu quả thì các trắc nghiệm sẽ được thực hiện ngay với số lượng lớn nhằm thu thập được các bằng chứng về thiết kế và về hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ. Ngược lại, khi hệ thống kiểm soát nội bộ của khách hàng được đánh giá là không hiệu quả thì trắc nghiệm về độ tin cậy được tăng cường. Do đó Công ty nên thường xuyên thực hiện kiểm tra về hệ thống kiểm soát nội bộ đối với khoản mục nợ phải trả nhà cung cấp của công ty khách hàng.

Hiện nay, công ty GAFC tìm hiểu về hệ thống KSNB chủ yếu thông qua việc phỏng vấn rồi ghi lại dưới dạng bản tường thuật. Điều này giúp tiết kiệm được thời gian nhưng vẫn chưa thể hiện hiểu biết rõ về hệ thống KSNB bên khách hàng. Do đó KTV có thể sử dụng kết hợp lưu đồ và bảng câu hỏi:

- Lưu đồ:

Lưu đồ kiểm soát nội bộ là sự trình bày các tài liệu và sự vận động liên tiếp của chúng bằng các ký hiệu và biểu đồ. Phương pháp lưu đồ thuận lợi chủ yếu vì nó có thể cung cấp cái nhìn bao quát và súc tích về hệ thống khách hàng, rất có ích đối với kiểm toán viên và có tác dụng như một công cụ dùng để phân tích khi đánh giá.

Một lưu đồ được lập tốt giúp cho việc nhận diện sai sót dễ dàng hơn so với bản tường

thuật vì dễ dàng theo dõi hơn. Bên cạnh đó, việc cập nhật lưu đồ cũng dễ hơn là cập nhật một bản tường thuật.

- **Bảng câu hỏi về cơ cấu kiểm soát nội bộ:**

Bảng câu hỏi về cơ cấu kiểm soát nội bộ là đưa ra một loạt câu hỏi về các quá trình kiểm soát trong lĩnh vực kiểm toán, kể cả môi trường kiểm soát. Một bảng câu hỏi có thể lập khá nhanh vào lúc hợp đồng kiểm toán được ký kết giữa công ty với đơn vị khách hàng.

Vì vậy, việc sử dụng cả bảng câu hỏi và lưu đồ sẽ đáp ứng cáo cho việc tìm hiểu thêm về hệ thống kiểm soát nội bộ của công ty khách hàng. Các sơ đồ cung cấp một cách khái quát về hệ thống đó, còn các bảng câu hỏi đưa ra lời nhắc nhở hữu ích cho kiểm toán viên về nhiều loại kiểm soát khác nhau có thể tồn tại.

❖ **Mở rộng nhân sự**

Thiếu hụt nguồn nhân sự là vấn đề bức thiết mà công ty phải đối mặt do số lượng khách hàng quá lớn trong mùa. Dẫn đến tình trạng nhân viên đối mặt với việc phải làm quá sức và không đảm bảo thực hiện kịp thời hợp đồng kiểm toán rất dễ xảy ra. Điều đó có thể làm cho uy tín của công ty phần nào bị giảm sút. Chính vì vậy, công ty với quy mô ngày càng phát triển như vậy thì cần phải tuyển dụng thêm nhân sự, đào tạo về chuyên môn, về kỹ năng nghiệp vụ... để có thể đảm bảo nhân sự cũng như chất lượng cho mùa kiểm toán, giải tỏa áp lực từ khối lượng công việc lớn đối với các Kiểm toán viên. Tuy nhiên, việc này cần cân nhắc cân đối giữa hiệu quả công việc và chi phí lương cho nhân viên.

❖ **Công tác bồi dưỡng nhân viên**

Công ty cần đẩy mạnh việc tập huấn, khuyến khích và tạo điều kiện cho các nhân viên trong công ty thi lấy chứng chỉ hành nghề kế toán, kiểm toán, ...

Mỗi kiểm toán viên phải không ngừng học hỏi nâng cao kinh nghiệm bản thân để vừa có thể đưa ra những phán đoán kiểm toán cho riêng mình vừa có thể hỗ trợ, san sẻ công việc với kiểm toán viên chính.

Công ty nên tăng thời gian cho các cuộc kiểm toán tại đơn vị khách hàng hoặc tăng thêm số kiểm toán viên cho mỗi cuộc kiểm toán để có đủ thời gian kiểm tra kỹ lưỡng, thận trọng trong từng thử nghiệm, từ đó tổng hợp lại các thử nghiệm và kết luận về cuộc kiểm toán tại công ty khách hàng được đảm bảo về mặt chính xác và giảm thiểu về rủi ro kiểm toán.

❖ **Đánh giá mức trọng yếu**

Công ty nên đưa ra quy định và quy trình cụ thể về xác định mức trọng yếu và phân tích đặc điểm công ty để đưa ra các kế hoạch kiểm toán phù hợp đưa cho các thành viên trong nhóm kiểm toán khi bắt đầu mỗi cuộc kiểm toán.

Công ty cần xác lập mức trọng yếu một cách rõ ràng, quy định với từng khách hàng cụ thể, nên xác định mức trọng yếu như thế nào là hợp lý. Công ty nên đánh giá mức trọng yếu tổng thể cho từng khoản mục để đảm bảo sự chính xác về mức trọng yếu đối với từng khoản mục.

Ở mức độ khoản mục thì sai lệch cho phép được phân bổ từ tổng thể cho từng khoản mục dựa trên kinh nghiệm, xét đoán của kiểm toán viên phải cân đối giữa chi phí và sự hữu hiệu. Tỷ lệ mà kiểm toán viên Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu chọn là 75% được minh họa như sau:

Bảng 3.2: Xác định mức trọng yếu cho khoản mục

XÁC ĐỊNH MỨC TRỌNG YẾU CHO TỪNG KHOẢN MỤC				
Mức trọng yếu tổng thể	Kế hoạch	278.154.127	Thực tế	278.154.127
Số thứ tự	Các mục trên BCTC	Mô tả cách xác định mức trọng yếu cho khoản mục	Kế hoạch	Thực tế
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	75% mức trọng yếu tổng thể	208.615.595	208.615.595
2	Phải thu khách hàng	75% mức trọng yếu tổng thể	208.615.595	208.615.595
3	Hàng tồn kho	75% mức trọng yếu tổng thể	208.615.595	208.615.595
4	Tài sản cố định	75% mức trọng yếu tổng thể	208.615.595	208.615.595
5	Nợ phải trả	75% mức trọng yếu tổng thể	208.615.595	208.615.595
6	...	75% mức trọng yếu tổng thể	208.615.595	208.615.595

3.2.2. **Giai đoạn thực hiện kiểm toán**

❖ **Thực hiện thủ tục phân tích**

Trong kiểm toán nợ phải trả, bên cạnh việc thực hiện phân tích biến động số dư nợ phải trả thì kiểm toán viên nên thực hiện tính toán thêm các tỷ số nợ phải trả trong khi kiểm toán khoản mục này.

Phân tích xu hướng, tỉ suất với nợ phải trả; phân tích với biến động lớn:

- + Tìm hiểu và đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ;
- + So sánh biến động của chi phí trên tổng chi phí giữa các tháng trong năm, năm trước với năm nay hoặc số năm nay với kế hoạch. Để đưa ra nhận xét về xu hướng biến động của khoản mục nợ phải trả, kiểm toán viên nên sử dụng số liệu nợ phải trả của ba hoặc bốn kỳ liên tiếp, tính toán chênh lệch và thực hiện so sánh biến động của những năm này với nhau;

- + Kiểm tra tính hợp lý của các biến động đó;
- + So sánh tỉ suất nợ phải trả/ tổng nguồn vốn giữa các năm, với đơn vị trong cùng một ngành. Điều này giúp KTV thấy rõ sự chênh lệch của các chỉ số của công ty khách hàng với các công ty trong ngành, từ đó phân tích đánh giá chính xác hơn;
- + Kiểm tra chi tiết và giải thích chênh lệch lớn.

Như vậy đủ căn cứ hơn cho việc kết luận về tính hợp lý chung của khoản mục nợ phải trả.

❖ Thủ tục kiểm soát và thử nghiệm cơ bản

Kiểm toán viên thường thực hiện song song giữa thủ tục kiểm soát và thử nghiệm cơ bản hay thực hiện các thử nghiệm cơ bản có liên quan đến nhau. Việc kết hợp này chỉ phù hợp khi áp dụng cho kiểm toán các đơn vị khách hàng có quy mô nhỏ. Còn đối với khách hàng có quy mô vừa và lớn thì việc kết hợp các thủ tục và thử nghiệm này sẽ làm hạn chế đi vai trò và tính chính xác của chúng. Cho nên chúng ta nhưng nên cần thực hiện tách biệt các thử nghiệm cơ bản để phát huy tối đa vai trò của mình cho việc cung cấp bằng chứng cho cuộc kiểm toán.

❖ Thu thập và xử lý dữ liệu trước cuộc kiểm toán

Số liệu là yếu tố quan trọng trong kiểm toán, kiểm toán viên nên thu thập và xử lý số liệu hoàn chỉnh trước khi xuống công ty khách hàng để góp phần tiết kiệm được thời gian và giúp giải quyết công việc kiểm toán được hiệu quả hơn.

Các trưởng nhóm nên yêu cầu dữ liệu từ khách hàng và gửi cho Trợ lý kiểm toán trước khi diễn ra công tác kiểm toán, giúp các trợ lý có thời gian nghiên cứu và tìm hiểu sơ bộ về Công ty khách hàng.

❖ Áp dụng phần mềm chuyên dụng trong kiểm toán

Do một số doanh nghiệp dùng nhiều phần mềm kế toán khác nhau nên việc xử lý số liệu trên Excel rất mất thời gian. Công ty nên xem xét trang bị phần mềm kiểm toán như ECUS AUDIT nhằm tiết kiệm thời gian và lưu trữ, bảo mật thông tin an toàn hiệu quả.

❖ Chọn mẫu

Khi công việc tìm hiểu và đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ cũng như việc xác định mức độ trọng yếu trên báo cáo tài chính được đảm bảo là tốt thì đương nhiên số lượng mẫu chọn sẽ giảm đi. Song trên thực tế do số lượng mẫu chọn nhiều khi quá lớn và hạn chế về mặt thời gian nên kiểm toán viên không có điều kiện để kiểm toán toàn

bộ các chứng từ chi phí phát sinh do vậy chọn mẫu như thế nào để mang lại tính chính xác cao nhất chính là vấn đề mà các kiểm toán viên quan tâm.

Kiểm toán viên nên thống nhất sử dụng công thức hay phần mềm để chọn mẫu, vì các công thức hiện nay còn mang tính ước tính và không đồng nhất giữa các nhóm.

Việc chọn mẫu kiểm tra tài liệu ở các nhóm còn chưa đồng nhất. Tùy thuộc vào các trường nhóm, tỉ lệ được sử dụng để tính mức trọng yếu là khác nhau, phụ thuộc kinh nghiệm và đánh giá của kiểm toán viên đối với khách hàng được kiểm toán. GAFC nên thống nhất một công thức giữa các nhóm hoặc đầu tư các phần mềm hoặc công cụ giúp xác định tỉ lệ và chọn mẫu theo tỉ lệ tương ứng. Đem lại hiệu quả thống nhất giữa các nhóm kiểm toán, trong trường hợp các nhóm luân chuyển thành viên hoặc khách hàng sẽ không gặp quá nhiều thay đổi.

Bên cạnh đó ở Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu, các kiểm toán viên thường chọn mẫu theo kinh nghiệm. Phương pháp chọn mẫu này tuy chi phí thấp nhưng lại chứa đựng rủi ro vì chưa hẳn gian lận và sai sót đã xảy ra ở các nghiệp vụ có số tiền phát sinh lớn các nghiệp vụ này thường được khách hàng chú ý hạch toán cẩn thận. Kiểm toán viên thường ít lựa chọn các nghiệp vụ có số phát sinh nhỏ và các nghiệp vụ phát sinh sau ngày khóa sổ. Ở các nghiệp vụ này, sai sót tuy khó phát hiện nhưng các sai sót này lại mang tính hệ thống. Do đó, để đảm bảo mẫu chọn mang tính đại diện, các sai phạm trọng yếu không bị bỏ qua, kiểm toán viên nên chọn mẫu theo kinh nghiệm kết hợp với phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên trong năm tài chính cũng như sau thời điểm khóa sổ để kiểm tra tính đúng kỳ. Kiểm toán viên nên chọn mẫu các nghiệp vụ có nội dung kinh tế bất thường, các nghiệp vụ có số phát sinh lớn hơn một số tiền cụ thể nào đó, đồng thời đối với các nghiệp vụ có số phát sinh nhỏ và các nghiệp vụ phát sinh sau thời điểm khóa sổ, có thể tiến hành chọn mẫu ngẫu nhiên để đảm bảo mẫu chọn mang đặc trưng của tổng thể. Điều này sẽ góp phần làm giảm rủi ro cho kiểm toán viên.

❖ Về giấy tờ làm việc của khoản mục nợ phải trả tại Công ty

Ở giấy làm việc thì các tham chiếu nên được chèn liên kết giữa các phần hành để giúp cho kiểm toán viên thuận lợi hơn trong việc kiểm tra, đối chiếu.

❖ Kiểm toán viên nên trực tiếp gửi thư xác nhận cho bên thứ 3

Thư xác nhận của bên thứ 3 gửi cho Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu đều thông qua khách hàng kiểm toán, do khách hàng gửi thư và nhận thư hồi đáp. Việc này làm giảm chi phí và thời gian cho cuộc kiểm toán. Tuy nhiên, việc khách hàng tham gia gửi và nhận thư xác nhận sẽ làm tăng rủi ro gian lận. Vì vậy,

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu nên trực tiếp để kiểm toán viên gửi thư cho bên thứ 3.

Thư xác nhận được kiểm toán viên nhờ công ty khách hàng gửi cho các khách hàng của họ. Điều đó nghĩa là thư xác nhận không được tự tay kiểm toán viên gửi đến khách hàng của công ty được kiểm toán. Điều này phát sinh nhiều rủi ro:

- Thứ nhất, Công ty khách hàng có thể không gửi thư vì mục đích nào đó, vì thế kiểm toán viên sẽ không nhận được hồi đáp và bắt buộc phải sử dụng các thủ tục thay thế.

- Thứ hai, thời gian kiểm toán viên chờ đợi công ty khách hàng gửi thư xác nhận cho khách hàng của họ thực sự lâu hơn nhiều so với thời gian kiểm toán viên tự tay gửi thư. Điều này liên quan đến nguy cơ từ sự quen thuộc mà khách hàng có thể phản hồi rất chậm hoặc không phản hồi.

Tóm lại, việc gửi thư xác nhận bằng cách này thực sự không hiệu quả. Kiểm toán viên nên xem xét các cách gửi thư xác nhận trực tiếp nhưng vẫn tiết kiệm được thời gian và có được hiệu quả hơn.

3.2.3. Giai đoạn kết thúc kiểm toán

❖ Thủ tục phân tích trong giai đoạn kết thúc kiểm toán

Việc vận dụng thủ tục phân tích của kiểm toán và Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu trong công cuộc kiểm toán báo cáo tài chính còn nhiều hạn chế và không hiệu quả. Cụ thể là, phạm vi vận dụng của thủ tục phân tích còn hạn hẹp chỉ bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh mà chưa mở rộng phân tích Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thông tin phi tài chính khác. Bên cạnh đó, kiểm toán viên ít sử dụng các kỹ thuật phân tích khác như phân tích tính hợp lý hay mô hình phân tích, dẫn đến làm giảm hiệu quả phân tích.

Trong giai đoạn kết thúc kiểm toán, kiểm toán viên cần vận dụng thủ tục phân tích để đánh giá tổng thể báo cáo tài chính lần cuối và xem xét khả năng hoạt động liên tục của khách hàng.

3.3. Kiến nghị đến cơ quan Nhà nước (Bộ Tài chính, Hiệp hội nghề nghiệp,...)

Hoàn thiện cơ sở pháp lý cho hoạt động kiểm toán nói chung và kiểm toán độc lập nói riêng, cần rà soát lại hệ thống các văn bản dưới luật như Nghị định, Quyết định, Thông tư có liên quan đến kiểm toán độc lập. Bộ Tài chính hoặc Hiệp hội nghề nghiệp cũng cần nhanh chóng soạn thảo và ban hành các Thông tư hướng dẫn một số các chuẩn mực kiểm toán quan trọng.

Bộ Tài chính và Hiệp hội cũng cần tổ chức hiệp thương các công ty kiểm toán và qua đó ban hành các quy định về khung giá phí đối với các lĩnh vực và dịch vụ mà công ty kiểm toán cung cấp, tránh tình trạng cạnh tranh không lành mạnh giữa các công ty trong ngành.

Bộ Tài chính và Hiệp hội nên xây dựng một quy trình đánh giá và cấp chứng chỉ hành nghề mới cho phù hợp với thực trạng của thị trường lao động hiện nay. Bởi lẽ theo quy định hiện tại như một số tác giả khác đã nghiên cứu vẫn còn nhiều điểm bất cập về điều kiện dự thi, quy trình thực hiện...

Đa dạng hóa các hình thức đào tạo nguồn nhân lực kiểm toán trong xu thế hiện nay. Cụ thể Bộ Tài chính và Hiệp hội cần khuyến khích các công ty kiểm toán mạnh dạn mở các trung tâm và cơ sở đào tạo để tạo ra nguồn cung lớn về nhân lực cho ngành kiểm toán nhằm nâng cao chất lượng ngành kiểm toán. Các cơ quan Nhà nước nên tổ chức các lớp tập huấn nhằm giúp cho các doanh nghiệp kiểm toán áp dụng các chuẩn mực, văn bản pháp lý này một cách dễ dàng, hạn chế những sai sót do hiểu nhầm hoặc không hiểu rõ quy định. Cụ thể là việc cập nhật các Nghị định, Thông tư do bộ tài chính ban hành và trong tương lai có thể phổ biến Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế IFRS cho các Công ty Kiểm toán tại Việt Nam. Đồng thời có kế hoạch liên kết với các trường đại học có uy tín để thực hiện quá trình đầu tư, ươm mầm cho các sinh viên có năng khiếu và sở thích về kiểm toán.

Mở rộng giao lưu quốc tế với các tổ chức nghề nghiệp để các doanh nghiệp kiểm toán Việt Nam có điều kiện học hỏi kinh nghiệm cũng như chuyên môn

Nên xem xét việc yêu cầu các công ty kiểm toán bắt buộc trích lập quỹ khoa học công nghệ phục vụ cho mục đích đào tạo, nghiên cứu, trang bị kỹ thuật và công nghệ mới cho nhân viên của mình trong quá trình cung cấp dịch vụ. Tăng cường công tác học tập, trao đổi kinh nghiệm về quản lý, về thực hiện dịch vụ kiểm toán và tư vấn với các tổ chức, đối tác ở trong và ngoài nước.

Bộ Tài chính, Hiệp hội cũng cần có quy định và hướng dẫn chi tiết, bắt buộc về việc trích lập lợi nhuận sau thuế để cải thiện vốn, gia tăng quy mô kinh doanh và năng lực tài chính của công ty. Có định hướng phát triển mạnh hình thức hợp danh để huy động các nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài vào các công ty kiểm toán.

Đồng thời, nên tăng cường kiểm soát hoạt động của các công ty kiểm toán và xử lý kịp thời các sai phạm phát sinh. Bên cạnh đó, các quy định cũng chưa có nhiều điểm phù hợp với chuẩn mực quốc tế. Vì vậy, mong rằng trong tương lai gần Nhà nước và Bộ Tài Chính hoàn thiện hơn cơ sở pháp lý chung cho hoạt động kiểm toán, thường

xuân cập nhật chuẩn mực quốc tế và soạn thảo lại phù hợp với tình hình thực tế ở nước ta.

Cần tích cực đổi mới và thực hiện quản lý hành nghề kế toán, kiểm toán theo nội dung của Bộ Tài Chính chuyên giao. Cần quan tâm hơn về vấn đề quản lý đạo đức nghề nghiệp của kiểm toán viên, thường xuyên đổi mới chương trình và cập nhật kiến thức, tăng cường kiểm soát chất lượng dịch vụ.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Chương 3 đã tổng hợp lại những quan điểm cần hoàn thiện Công ty. Qua tìm hiểu và nghiên cứu quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải trả tại Công ty TNHH Tư vấn Tài chính Toàn Cầu, tác giả đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện quy trình kiểm toán của Công ty nói chung và quy trình kiểm toán Nợ phải trả nhà cung cấp nói riêng. Qua đó, tác giả có một số đề xuất những giải pháp giúp cho quy trình kiểm toán nợ phải trả ngày càng được hoàn thiện hơn. Với những giải pháp nêu trên, tác giả mong rằng có thể giúp Công ty nâng cao chất lượng cuộc kiểm toán trong thời gian tới.

KẾT LUẬN

Kiểm toán khoản mục Nợ phải trả là một khoản mục quan trọng, ảnh hưởng đến báo cáo tài chính. Vì vậy việc xác nhận tính chính xác, trung thực và hợp lý của thông tin tài chính luôn là một đòi hỏi tất yếu từ phía những người có nhu cầu quan tâm đến báo cáo tài chính của đơn vị.

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu, tuy thời gian có giới hạn nhưng đã giúp em phần nào hiểu rõ hơn được quy trình làm việc của kiểm toán nói chung và quy trình kiểm toán riêng khoản mục Nợ phải trả của đơn vị tại công ty.

Trong quá trình tìm hiểu, làm việc tại công ty cùng với sự giúp đỡ từ các anh chị của công ty em nhận thấy vai trò quan trọng cũng như những thách thức của hoạt động kiểm toán nói chung và kiểm toán báo cáo tài chính nói riêng, đặc biệt là kiểm toán khoản mục nợ phải trả của báo cáo tài chính. Với sự chuyên nghiệp và nhiệt huyết của các anh chị tại công ty, tinh thần học hỏi không ngừng, Công ty cũng đã xây dựng chương trình Kiểm toán hết sức tỉ mỉ phù hợp và hiệu quả từ khâu chuẩn bị đến khâu lập báo cáo và cả lưu hồ sơ. Đặc biệt là quy trình kiểm toán nợ phải trả của công ty cùng các giấy làm việc liên quan được xây dựng và thực hiện rất chi tiết, cụ thể giúp cho hiệu quả cuộc kiểm toán hiệu quả hơn. Bên cạnh đó công ty còn một số hạn chế như phần đã nêu phía trên. Tuy nhiên những hạn chế đó là không đáng kể bởi do giới hạn về thời gian, phạm vi, nên chương trình kiểm toán của công ty được đánh giá là hiệu quả.

Qua đây, em xin gửi lời cảm ơn đến Ban giám đốc của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu cùng các anh chị kiểm toán viên tại Công ty đã tạo nhiều cơ hội để em được trải nghiệm thực tế, tích lũy thêm nhiều kiến thức và kinh nghiệm. Ngoài ra, em xin gửi lời cảm ơn đến ThS. Trần Thị Bích Duyên đã giúp đỡ em rất nhiều trong việc hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp một cách tốt nhất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Bộ môn kiểm toán (2022), Bài giảng kiểm toán Báo cáo tài chính 2, Đại học Quy Nhơn.

[2] Bộ tài chính, 2014, Thông tư 200/2014/TT – BTC.

[3] Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu, Hồ sơ kiểm toán, giấy tờ làm việc của kiểm toán viên.

[4] Hội kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (2019), *Quyết định số 496-2019/QĐ-VACPA về việc ban hành Chương trình kiểm toán mẫu áp dụng cho kiểm toán báo cáo tài chính*, Hội kiểm toán viên hành nghề Việt Nam ban hành ngày 01/11/2019.

[5] Lê Thị Thanh Mỹ (2018), *Kiểm toán căn bản*, Nhà xuất bản Kinh tế TP.Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[6] Lê Trần Hạnh Phương và cộng sự (2020), *Giáo trình kiểm toán Báo cáo tài chính 1*, Nhà xuất bản Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.

DANH MỤC PHỤ LỤC

Tên Phụ lục	Số trang phụ lục
Phụ lục 01: Chấp nhận, duy trì khách hàng cũ và đánh giá rủi ro hợp đồng	
Phụ lục 02: Hợp đồng kiểm toán	
Phụ lục 03: Xác định mức trọng yếu kế hoạch	
Phụ lục 04: Chương trình kiểm toán- phải trả cho người bán	
Phụ lục 05: Tổng hợp số liệu phải trả cho người bán	
Phụ lục 06: Tổng hợp công nợ phải trả nhà cung cấp	
Phụ lục 07: Chính sách kế toán	
Phụ lục 08: Thủ tục phân tích	
Phụ lục 09: Kiểm tra chi tiết	
Phụ lục 10: Gửi thư xác nhận và thủ tục thay thế	
Phụ lục 11: Thư xác nhận và sao kê ngân hàng sau niên độ	
Phụ lục 12: Kiểm tra các khoản trả trước cho người bán	
Phụ lục 13: Kết quả xác nhận của các khoản phải trả nhà cung cấp	
Phụ lục 14: Đánh giá cuối kỳ khoản phải trả có gốc ngoại tệ	
Phụ lục 15: Rà soát sổ cái	
Phụ lục 16: Thông tin thuyết minh báo cáo tài chính	
Phụ lục 17: Bảng cân đối phát sinh	
Phụ lục 18: Bảng cân đối kế toán	
Phụ lục 19: Kết quả hoạt động kinh doanh	

PHỤ LỤC 1
CHẤP NHẬN, DUY TRÌ KHÁCH HÀNG CŨ VÀ ĐÁNH GIÁ
RỦI RO HỢP ĐỒNG

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH TOÀN CẦU

Tên khách hàng: Công ty ABC

Ngày kết thúc kỳ kế toán: 31/12/2021

Nội dung: CHẤP NHẬN, DUY TRÌ KHÁCH HÀNG CŨ VÀ ĐÁNH GIÁ RỦI RO HỢP ĐỒNG

	<i>Tên</i>	<i>Ngày</i>
Người thực hiện	Mỹ Duyên	17/10/2021
Người soát xét 1	Ms. Hương	18/10/2021
Người soát xét 2	Mr. Dũng	19/10/2021

I. THÔNG TIN CƠ BẢN

- Tên khách hàng: Công ty ABC
- Năm đầu tiên kiểm toán BCTC: 2019
- Số năm DNKiT đã cung cấp dịch vụ kiểm toán BCTC cho khách hàng này: 2 năm
- Tên và chức danh của người liên lạc chính:
- Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

- Các thay đổi so với năm trước

	Chi tiết thay đổi
Loại hình DN	Không có
Ngành nghề kinh doanh	Không có
Giấy CNĐKDN/Giấy CNĐKKD/Giấy CNĐKĐT	Không có
Vốn đầu tư/vốn điều lệ	Không có

Các cổ đông, thành viên chính	Không có
HĐQT	Không có
BGD	Không có
Các đơn vị trực thuộc	Không có
Các công ty con	Không có
Các công ty liên doanh, liên kết	Không có
Nội dung giao dịch với các bên liên quan	Không có
Các ngân hàng giao dịch (vay hoặc tài trợ vốn)	Không có
Các sản phẩm và dịch vụ chính	Không có
Vị thế trong ngành	Không có
Các đối thủ cạnh tranh	Không có
Luật sư tư vấn	Không có
Bên cung cấp dịch vụ chuyên môn khác	Không có
Các quy định pháp lý đặc thù liên quan đến hoạt động của DN	Không có
Chính sách giá bán	Không có
Thị trường chính	Không có
Cách thức bán hàng (bán thu tiền ngay, trả chậm, bán qua đại lý, bán buôn, bán lẻ...)	Không có
Các khách hàng chính	Không có
Các hàng hoá, nguyên vật liệu, dịch vụ chủ yếu thường mua	Không có
Phương thức mua hàng (nhập khẩu, trong nước...)	Không có
Các nhà cung cấp chính	Không có
Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng	Không có
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán	Không có
Năm tài chính	Không có
Chính sách kế toán	Không có
Các chính sách kế toán đặc biệt	Không có
Phần mềm kế toán	Không có
Các quy trình/các quy định chính thức về KSNB	Không có
Quy chế tài chính	Không có

Quy chế hoạt động liên quan đến bán hàng, mua hàng, sản xuất (manual/SOP)	Không có
Nhân sự phòng kế toán	Không có
Các thay đổi đã xảy ra từ thời điểm năm tài chính trước hoặc dự định của khách hàng trong vòng 1 năm tới (ví dụ các giao dịch mua lại, sáp nhập, niêm yết...).	Không có
Các thay đổi khác	Không có

7. Các vấn đề lưu ý từ cuộc kiểm toán năm trước

Không có

8. Các dịch vụ và báo cáo được yêu cầu là gì và ngày hoàn thành.

Kiểm toán BCTC, hoàn thành trước ngày 31/3/2021

9. Mô tả tại sao DN muốn có BCTC được kiểm toán và các bên liên quan nào cần sử dụng BCTC đó: Sử dụng cho việc hoạt động kinh doanh của DN; bên liên quan cần sử dụng: ngân hàng, chủ nợ, nhà đầu tư

II. XEM XÉT NĂNG LỰC CHUYÊN MÔN, KHẢ NĂNG THỰC HIỆN HĐKiT, TÍNH CHÍNH TRỰC CỦA ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TOÁN/KHÁCH HÀNG VÀ CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU KHÁC

	Có	Không	N/A	Ghi chú/Mô tả
1. Năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện hợp đồng				
DNKiT có đầy đủ nhân sự có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm và các nguồn lực cần thiết để tiếp tục duy trì quan hệ khách hàng và thực hiện hợp đồng không ?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
2. Xem xét tính độc lập và biện pháp đảm bảo tính độc lập của DNKiT và thành viên chủ chốt nhóm kiểm toán				
<i>(Tham chiếu sang mẫu A270 – Soát xét các yếu tố ảnh hưởng đến tính độc lập và biện pháp đảm bảo tính độc lập của thành viên nhóm kiểm toán)</i>				
<i>Lưu ý: Trong giai đoạn xem xét chấp nhận, duy trì quan hệ khách hàng và HĐKiT, các câu hỏi/nội dung trong biểu A270 cần xem xét ở cấp độ DNKiT và các thành viên</i>				

	Có	Khô ng	N/A	Ghi chú/M ô tả
<i>chủ chốt, các thành viên khác dự kiến tham gia cuộc kiểm toán và phải thực hiện trước khi đưa ra quyết định có chấp nhận quan hệ khách hàng và HĐKiT hay không.</i>				
3. Tính chính trực của đơn vị được kiểm toán và các vấn đề trọng yếu khác				
Có vấn đề trong việc nhận biết người chủ thực sự của đơn vị không?	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
Có thành viên nào trong BGD hoặc HĐQT/HĐTV có khả năng ảnh hưởng đến các vấn đề liên quan đến rủi ro kiểm toán không?	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
Có thông tin, tình huống hoặc vấn đề nào liên quan đến sự không tuân thủ pháp luật nghiêm trọng của các chủ sở hữu, BQT, BGD của đơn vị không?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
Có những vấn đề bất lợi, kiện tụng, tranh chấp bất thường, các cuộc điều tra hoặc rủi ro trọng yếu liên quan đến các chủ sở hữu, BQT, BGD của khách hàng hoặc lĩnh vực hoạt động của đơn vị không?	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
Có vấn đề liên quan đến phương thức hoạt động hoặc kinh doanh của khách hàng đưa đến sự nghi ngờ về danh tiếng và tính chính trực không?	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
Có các tình huống hoặc sự kiện khác phát sinh trong quá trình làm việc dẫn tới nghi ngờ về tính chính trực của các chủ sở hữu, BQT, BGD của đơn vị không (như có các thông tin công bố mang tính tiêu cực; Thành viên BGD là nhân sự quản lý của các tổ chức chuyên môn không có danh tiếng tốt; Có mối quan hệ gần gũi với các cá nhân/DN đang bị nghi ngờ về mặt đạo đức,...) hoặc liên quan đến việc BGD vận dụng không phù hợp CMKT và không chế môi trường KSNB không?	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
Danh tính và thông tin của các bên liên quan có dẫn tới nghi ngờ về tính chính trực của các chủ sở hữu, thành viên HĐQT/HĐTV, BGD của khách hàng không?	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
Có dấu hiệu cho thấy khách hàng liên quan đến việc rửa tiền hoặc các hoạt động phạm tội không?	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

	Có	Khô ng	N/A	Ghi chú/M ô tả
Liệu khách hàng có quan tâm quá mức đến việc duy trì mức phí kiểm toán càng thấp càng tốt không?	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
Có dấu hiệu về sự hạn chế không phù hợp đối với phạm vi công việc của DNKiT hoặc BGD hoặc BQT đơn vị được kiểm toán có giới hạn phạm vi công việc của KTV (như thời hạn thực hiện cuộc kiểm toán là không khả thi, không chấp nhận một số nhân viên nhất định của DNKiT thực hiện công việc, từ chối việc tiếp cận với một cơ sở kinh doanh, với nhân sự chủ chốt hoặc các tài liệu liên quan) mà KTV và DNKiT cho rằng sự giới hạn này sẽ dẫn đến việc KTV từ chối đưa ra ý kiến đối với BCTC không?	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
Đơn vị có hoạt động trong môi trường pháp lý đặc biệt, hoạt động trong lĩnh vực suy thoái, giảm mạnh về lợi nhuận?	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
Có nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục của đơn vị không?	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
Khách hàng có phải là một phần trong tập đoàn có cấu trúc phức tạp không?	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
Khách hàng có mua bán hoặc có các lợi ích ở nước ngoài không? Đặc biệt ở các quốc gia/vùng lãnh thổ thuộc nhóm “thiên đường thuế” hay không?	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
Đơn vị có nhiều giao dịch quan trọng với các bên liên quan không? Các giao dịch này có phải là giao dịch ngang giá không?	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
Đơn vị có những giao dịch bất thường trong năm hoặc gần cuối năm không?	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
Đơn vị có những vấn đề kế toán hoặc nghiệp vụ phức tạp dễ gây tranh cãi mà chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể?	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
Trong quá trình kiểm toán năm trước có phát hiện khiếm khuyết nghiêm trọng trong hệ thống KSNB của	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

	Có	Khô ng	N/A	Ghi chú/M ô tả
đơn vị không?				
Có dấu hiệu cho thấy hệ thống KSNB của đơn vị trong năm nay có khiếm khuyết nghiêm trọng ảnh hưởng đến tính tuân thủ pháp luật, tính trung thực và hợp lý của BCTC?	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
BCKiT về BCTC năm trước có “ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần” không? Nếu vậy, có dấu hiệu nào cho thấy sự lặp lại của vấn đề dẫn đến ý kiến kiểm toán như vậy trong năm nay không?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
Có các yếu tố khác khiến DNKiT phải cân nhắc việc từ chối bổ nhiệm làm kiểm toán.	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

Kết luận: Các thủ tục thích hợp về chấp nhận quan hệ khách hàng và trước khi ký HĐKiT đã được thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý về việc chấp nhận quan hệ khách hàng và HĐKiT phù hợp với quy định chuẩn mực nghề nghiệp.

IV. ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ RỦI RO HỢP ĐỒNG

Cao

Trung bình

Thấp

V. GHI CHÚ BỔ SUNG

VI. KẾT LUẬN

Chấp nhận duy trì khách hàng:

Có

Không

PHỤ LỤC 2

HỢP ĐỒNG KIỂM TOÁN



GLOBAL AUDITING

Headquarters: 19th Floor, Block A, Indochina Park Tower
Transaction office: R12.03, 12th Floor, Block A, IPT Bldg,
04 Nguyen Dinh Chieu Street, Dist 1, HCMC, Vietnam
Tel: (84-28) 62 998 263/64 - Fax: (84-28) 62998267
www.globalauditing.com - Email: info@globalauditing.com

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence – Freedom – Happiness

-----o0o-----

Ho Chi Minh City, October 20th, 2021

AUDIT CONTRACT

No. 2010-08/2021/GAFC/KIT/AM

*Ref: Audit the Financial Statements for the fiscal year 2021 ending on 31/12/2021
of HANBIRO VIETNAM COMPANY LIMITED*

- Pursuant to The Civil Law No 91/2015/QH13 dated 24/11/2015;
- Pursuant to The Commercial Law No 36/2005/QH11 dated 14/06/2005;
- Pursuant to The Independence Audit Law No 67/2011/QH12 dated 29/03/2011;
- Pursuant to Decree 17/2012/ND – CP dated 13/03/2012 of The Government stipulating in detail and guiding implementation a number of articles of The Independence Audit Law;
- Pursuant to Vietnamese auditing standard No 210 on audit contract.

The contract is made by and between the parties:

PARTY A: _____

Represented by _____

Position _____

Tel _____

Address _____

Tax code _____

PARTY B: GLOBAL AUDITING AND FINANCIAL CONSULTANCY CO., LTD

(hereinafter referred to as Party B)

Represented by : Mr. NGUYEN DUY VU

Position : General Director

Tel : (84-28). 62 998 263

Fax : (84-28). 62 998 267

Address : 19th Floor, Block A, IPT Building, No. 4 Nguyen Dinh Chieu,
Dakao Ward, Dist 1, HCM City

Account No. : 118000057421 at Vietinbank – HCM Branch

ARTICLE 1 : CONTRACT CONTENTS

Party B agrees to provide audit service financial statements of Party A for the fiscal year ending on 31/12/2021: including balance sheet at 31/12/2021, income statement, cash flow statement and the notes to the financial statements for the fiscal year then ended. The audit of Party B is done with the objective of expressing an opinion on the audited financial statements of Party A.

In addition Party B also will provide and support to other services (free) as the followings:

- Consulting and supporting to Party A relating to tax, and accounting in the fiscal year to be audited.
- Providing to news briefs on legal documents relating to accounting, taxation and foreign investment in Vietnam.

ARTICLE 2: RESPONSIBILITIES OF THE PARTIES

Responsibility of Party A:

The audit of Party B will be made on the basis the Board of Directors and Board of Management of Party A (in the range appropriate) understand and acknowledge responsibility:

- (a) For the preparation and presentation financial statements true and fair, in accordance with the Vietnamese accounting standards, accounting system (enterprise) and the legal provisions related to the preparation and presentation financial statements is applicable;
- (b) For internal controls that the Board of Directors determine necessarily to ensure the preparation and presentation financial statements is not material misstatement due to fraud or error;
- (c) Ensure timely supply to Party B:
 - (i) The right to access to all documents and information which the Board of Directors found that related to the preparation and presentation financial statements, such as vouchers, general ledger, documents and other issues ;
 - (ii) The supplemental information that the auditors and auditing company required the Board of Directors provide or explain to serve the purpose of the audit;
 - (iii) The right to unrestricted access to Party A's staff that Party B determined necessarily to collect audit evidence. Staffing-related work with Party B in the audit process.

The Board of Directors and Board of Management of Party A (in the range appropriate) are responsible to provide and confirm by writing about explanation, provided in the audit process in "Letters of explanation of the Board of Directors and Board of Management ", one of the requirements of Vietnamese auditing standards, specifying responsibilities of the Board of Directors of Part A in preparation and presentation financial statements and asserted that the influence of each error , as well as total errors are not adjusted, detected and synthesized by Party B in the audit for the current period and the errors related to previous periods is not material in compare with the overall financial statement.

Create favorable conditions for the staff of Party B in the process of working in the office Party A.

Full payment audit services fee and other charge (if any) to Party B in accordance with *Article 4* of this contract.

Responsibility of Party B:

Party B shall perform the audit in accordance with Vietnamese auditing standards , laws and regulations related. The auditing standards specifies that Party B must comply with the regulations and standards of professional ethics, plan and perform the audit to reasonable assurance about whether the financial statements, in terms of overall, there are material misstatements or not.

During the audit, Party B will perform the procedure to collect audit evidence about the figures and information in the financial statements. The procedure is done depends on the auditor's assessment, including the assessment of risks of material misstatement in the financial statements due to fraud or error. The audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and estimates of The Board of Directors, as well as evaluating the overall presentation of the financial statements.

Party B is responsible to notify content and audit plan to Party A, delegate competent and experience auditors and experts to perform the audit.

Party B implement the audit in accordance with the principle of independence, objectivity and confidentiality data. Accordingly Party B is not allowed disclose to any third party without the consent of Party A, except required by law and the relevant regulations, or in case of information was the state management agency widespread or was published by Party A.

Party B may request Party A confirm the provided explanations for Party B in audit. According to the Vietnamese Auditing Standards, responding to this request and letter of explanation of the Board of Directors and Board of Management of Party A on matters related is one of the basis for Party B offer their opinions on financial statement of Party A.

Due to the inherent limitations of the audit and internal control, risk is unavoidable auditor may not detect material misstatements, even though the audit was planned and comply with the Vietnamese Auditing Standards.

In order to assess the risks, Party B will review internal controls that Party A used in preparation the financial statements in order to design audit procedures that are appropriate in each case, but not for the purpose of giving opinion on the effectiveness of internal control of Party A. However, Party B shall notify Party A in writing about any deficiencies in internal control that Party B discovered during the audit of financial statements.

ARTICLE 3: AUDIT REPORT

After the end of the audit, Party B will deliver to Party A six (06) the audit report accompanying the financial statements have been audited in Vietnamese, three (03) the audit report accompanying the financial statements have been audited in English.

Please note that, the above mentioned quantity of reports includes one (01) copy in Vietnamese version and one (01) copy in English version of Party B.

The audit report shall be made in writing, including the contents according to the provisions of the Law on Independent Auditing, Vietnam Auditing Standards No. 700, the auditing standards and other legal requirements involved.

ARTICLE 4: FEE AND PAYMENT METHOD

> Services Fee:

Audit service fee for the fiscal year 2021: VND 29,000,000

(In words: Twenty nine million dong./.)

Above fee has excluded 10% VAT.

> Payment terms:

- 50% Audit fee shall be paid within three (03) working days since the audit contract is signed.
- 50% Audit fee shall be settled when the auditor's reports are issued.
- The fee shall be payable by bank transfer.
- Party B shall issue a VAT invoice for Party A when complete audit service, in accordance with current tax law.

ARTICLE 5: COMMITMENT

Both parties commit to implement all articles as set forth herein. During the implementation, either party should be kept promptly informed of any problems that might obstruct the successful completion of this contract to discuss possible solutions. Information shall be directed to the other party in writing at the above address.

The audit shall be completed within 20-30 working days since the date of conducting the audit at the Company of Party A.

Please note that our efficiency in working and the timely completion of the work depends on the timely submission of documents and schedules and information by Company of Party A.

Any dispute or arising during the process of implementation of the contract will be settled by negotiation or by the Civil Law of the Socialist Republic of Viet Nam economy and in economic court by both parties chooses.

ARTICLE 6: EFFECTIVITY, LANGUAGE AND DURATION OF CONTRACT

This contract is made into two (02) copies in Vietnamese and two (02) copies in English, of which the Vietnamese version shall be binding in case of misinterpretation and shall come into force upon the second signature and stamp. Either party shall retain one (01) copy in Vietnamese and one (01) copy in English.

This contract shall be liquidated automatically right after the parties have completed the rights and obligations specified in this contract./.

Behalf of Party A

Behalf of Party B

**GLOBAL AUDITING AND FINANCIAL
CONSULTANCY CO., LTD**

.....
NGUYEN DUY VU
General Director



GLOBAL AUDITING

Headquarters: 19th Floor, Block A, Indochina Park Tower
Transaction office: R12.03, 12th Floor, Block A, IPT Bldg,
04 Nguyen Dinh Chieu Street, Dist 1, HCMC, Vietnam
Tel: (84-28) 62 998 263/64 - Fax: (84-28) 62 998 267
www.globalauditing.com - Email: info@globalauditing.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

Tp.HCM, ngày 20 tháng 10 năm 2021

HỢP ĐỒNG KIỂM TOÁN

Số: 2010-08/2021/GAFC/K&T/AM

*V/v: Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 kết thúc ngày 31/12/2021
của CÔNG TY TNHH HANBIRO VIỆT NAM*

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;
- Căn cứ Luật kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29/3/2011;
- Căn cứ Nghị định 17/2012/NĐ - CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập;
- Căn cứ Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng kiểm toán;

Hợp đồng này được lập bởi và giữa các bên:

BÊN A : CÔNG TY TNHH

(Dưới đây gọi tắt là

Người đại diện

Chức vụ

Địa chỉ

Tel

Mã số thuế

BÊN B: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH TOÀN CẦU

(Dưới đây gọi tắt là Bên B)

Người đại diện : NGUYỄN DUY VŨ

Chức vụ : Tổng Giám đốc

Địa chỉ : Tầng 19, Khu A, Toà nhà Indochina Park Tower,
Số 4 Nguyễn Đình Chiểu, P.Dakao, Q1, Tp. Hồ Chí Minh

Email : info@globalauditing.com

Tel : 028. 62 998 263 Fax : 028. 62 998 267

Mã số thuế : 0309979969

Tài khoản số : 118000057421 tại ngân hàng Vietinbank – Chi nhánh Tp.HCM

ĐIỀU 1 : NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên B đồng ý cung cấp cho Bên A dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính của Bên A cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Cuộc kiểm toán của Bên B được thực hiện với mục tiêu đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính của Bên A.

Ngoài ra, Bên B còn hỗ trợ Bên A một số dịch vụ (miễn phí) sau:

- Tư vấn và hỗ trợ Bên A các vấn đề có liên quan đến thuế, kế toán phát sinh trong năm tài chính được kiểm toán.
- Điểm tin các văn bản pháp luật có liên quan đến kế toán, thuế và đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

Trách nhiệm của Bên A:

Cuộc kiểm toán của Bên B sẽ được thực hiện trên cơ sở Ban Giám đốc và Ban quản trị của Bên A (trong phạm vi phù hợp) hiểu và thừa nhận có trách nhiệm:

- (a) Đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng;
- (b) Đối với kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- (c) Đảm bảo cung cấp kịp thời cho Bên B:
 - (i) Quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà Ban Giám đốc nhận thấy là có liên quan đến quá trình lập và trình bày báo cáo tài chính như chứng từ kế toán, sổ kế toán, tài liệu và các vấn đề khác;
 - (ii) Các thông tin bổ sung mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán yêu cầu Ban Giám đốc cung cấp hoặc giải trình để phục vụ cho mục đích của cuộc kiểm toán ;
 - (iii) Quyền tiếp cận không hạn chế đối với nhân sự của Bên A mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán xác định là cần thiết để thu thập bằng chứng kiểm toán. Bộ trí nhân sự liên quan cùng làm việc với Bên B trong quá trình kiểm toán.

Ban Giám đốc và Ban quản trị của Bên A (trong phạm vi phù hợp) có trách nhiệm cung cấp và xác nhận bằng văn bản về các giải trình đã cung cấp trong quá trình kiểm toán vào “Thư giải trình của Ban Giám đốc và Ban quản trị”, một trong những yêu cầu của chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, trong đó nêu rõ trách nhiệm của Ban Giám đốc Bên A trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính và khẳng định rằng ảnh hưởng của từng sai sót, cũng như tổng hợp các sai sót không được điều chỉnh do Bên B phát hiện và tổng hợp trong quá trình kiểm toán cho kỳ hiện tại và các sai sót liên quan đến các kỳ trước là không trọng yếu đối với tổng thể báo cáo tài chính.

Tạo điều kiện thuận tiện cho các nhân viên của Bên B trong quá trình làm việc tại Văn phòng của Bên A.

Thanh toán đầy đủ phí dịch vụ kiểm toán và các phí khác (nếu có) cho Bên B theo quy định tại Điều 4 của hợp đồng này.

Trách nhiệm của Bên B:

Bên B sẽ thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, pháp luật và các quy định có liên quan. Các chuẩn mực kiểm toán này quy định Bên B phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính, xét trên phương diện tổng thể, có còn sai sót trọng yếu hay không. Trong cuộc kiểm toán, Bên B sẽ thực hiện các thủ tục để thu thập

bảng chứng kiểm toán về số liệu và thông tin trình bày trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được thực hiện tùy thuộc vào đánh giá của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá rủi ro cơ sở sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc do nhầm lẫn. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán đã được sử dụng và các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính.

Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A về nội dung và kế hoạch kiểm toán, cử kiểm toán viên và các trợ lý có năng lực và kinh nghiệm thực hiện kiểm toán.

Bên B thực hiện công việc kiểm toán theo nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật số liệu. Theo đó Bên B không được quyền tiết lộ cho bất kỳ một bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý của Bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan, hoặc trong trường hợp những thông tin như trên đã được các cơ quan quản lý Nhà nước phổ biến rộng rãi hoặc đã được Bên A công bố.

Bên B có trách nhiệm yêu cầu Bên A xác nhận các giai trình đã cung cấp cho Bên B trong quá trình thực hiện kiểm toán. Theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, việc đáp ứng các yêu cầu này và Thư giải trình của Ban Giám đốc và Ban quản trị Bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để Bên B đưa ra ý kiến của mình về báo cáo tài chính của Bên A.

Do những hạn chế vốn có của kiểm toán cũng như của kiểm soát nội bộ, có rủi ro khó tránh khỏi là kiểm toán viên có thể không phát hiện được các sai sót trọng yếu, mặc dù cuộc kiểm toán đã được lập kế hoạch và thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

Để đánh giá rủi ro, Bên B sẽ xem xét kiểm soát nội bộ mà Bên A sử dụng trong quá trình lập báo cáo tài chính để thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp trong từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ của Bên A. Tuy nhiên, Bên B sẽ thông báo tới Bên A bằng văn bản về bất kỳ khiếm khuyết nào trong kiểm soát nội bộ mà Bên B phát hiện được trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính.

ĐIỀU 3: BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Sau khi kết thúc kiểm toán, Bên B sẽ cung cấp cho Bên A sáu (06) bộ báo cáo kiểm toán kèm theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán bằng tiếng Việt và ba (03) bộ báo cáo kiểm toán kèm theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán bằng tiếng Anh.

Xin lưu ý, số lượng báo cáo phát hành nêu trên đã bao gồm một (01) bản lưu tiếng Việt và một (01) bản lưu tiếng Anh của Bên B.

Báo cáo kiểm toán sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Luật kiểm toán độc lập, Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 700, các chuẩn mực kiểm toán và quy định pháp lý khác có liên quan.

ĐIỀU 4 : PHÍ DỊCH VỤ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

> Phí dịch vụ

Phí dịch vụ kiểm toán BCTC năm 2021 là: **29.000.000 VND**

(Bằng chữ: Hai mươi chín triệu đồng/).

Phí dịch vụ trên chưa bao gồm 10% thuế GTGT.

> Phương thức thanh toán:

- 50% phí kiểm toán sẽ được thanh toán trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày ký Hợp đồng kiểm toán.
- 50% phí còn lại sẽ được thanh toán khi phát hành báo cáo kiểm toán năm 2021.
- Phí kiểm toán sẽ được thanh toán bằng chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản của Bên B.
- Bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho Bên A khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ, phù hợp với quy định của pháp luật thuế hiện hành.

ĐIỀU 5: CAM KẾT THỰC HIỆN

Hai bên cam kết thực hiện tất cả các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau để cùng tìm phương án giải quyết. Mọi thay đổi phải được thông báo trực tiếp cho mỗi Bên Bằng văn bản (hoặc qua email) theo địa chỉ trên đây.

Bên B sẽ hoàn thành cuộc kiểm toán trong vòng 20-30 ngày làm việc kể từ ngày tiến hành công việc kiểm toán tại Công ty Bên A.

Xin lưu ý rằng hiệu quả công việc và thời gian hoàn thành phụ thuộc vào việc cung cấp kịp thời các tài liệu và thông tin theo tiến độ bởi Công ty Bên A.

Mọi tranh chấp hoặc khiếu kiện phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được giải quyết bằng thương lượng hoặc theo Bộ luật dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và tại tòa án kinh tế theo qui định của Pháp Luật.

ĐIỀU 6: HIỆU LỰC, NGÔN NGỮ VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này được lập thành hai (02) bản tiếng Việt và hai (02) bản tiếng Anh, mỗi bên giữ một (01) bản tiếng Việt và một (01) bản tiếng Anh, có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày có đủ chữ ký, con dấu của cả hai bên.

Hợp đồng này tự động được thanh lý ngay sau khi các bên đã hoàn thành các quyền và nghĩa vụ quy định tại hợp đồng này.

Đại diện Bên B

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ
VẤN TÀI CHÍNH TOÀN CẦU**

NGUYỄN DUY VŨ

Tổng Giám đốc

PHỤ LỤC 3

XÁC ĐỊNH MỨC TRỌNG YẾU KẾ HOẠCH



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH TOÀN CẦU
GLOBAL AUDITING

A710

		Tên	Ngày
Khách hàng: CÔNG TY TNHH ABC	Người thực hiện	Mr. Dũng	15/02/2022
Ngày khóa số: 31/12/2021	Người soát xét 1	D Vũ	15/2/2022
Nội dung: Xác định mức trọng yếu / Materiality	Người soát xét 2	M Tuấn	15/2/2022

A. MỤC TIÊU:

Xác định mức trọng yếu (kế hoạch - thực tế) được lập và phê duyệt theo chính sách của Cty để thông báo với thành viên nhóm kiểm toán về mức trọng yếu kế hoạch trước khi kiểm toán tại KH và có trách nhiệm xác định lại mức trọng yếu thực tế trong giai đoạn kết thúc kiểm toán để xác định xem các công việc và thủ tục kiểm toán đã được thực hiện đầy đủ hay chưa.

B. Xác định mức trọng yếu

Chỉ tiêu		Giai đoạn thực hiện và đưa ra ý kiến	Giai đoạn lập Kế hoạch	Năm trước
Lợi nhuận trước thuế:		(3.692.638.262)	(3.692.638.262)	(3.483.872.256)
5% - 10%				
5% LNTT		(184.631.913)	(184.631.913)	(174.193.613)
10% LNTT		(369.263.826)	(369.263.826)	(348.387.226)
Doanh thu: 0,5% - 3%		9.271.804.219	9.271.804.219	3.455.117.754
0,5% DT		46.359.021	46.359.021	17.275.589
3% DT		278.154.127	278.154.127	103.653.533
Tổng tài sản và vốn: 2%		8.328.467.674	8.328.467.674	29.219.067.995
1%		83.284.677	83.284.677	292.190.680
2%		166.569.353	166.569.353	584.381.360
Tiêu chí được sử dụng để ước tính mức trọng yếu		Doanh thu	Doanh thu	Doanh thu
Lý do lựa chọn tiêu chí này để xác định mức trọng yếu	Công ty đã hoạt động tiếp tục lỗ qua các năm mặc dù phát sinh doanh thu --> chọn tiêu chí mức trọng yếu là doanh thu			
Giá trị tiêu chí được lựa chọn	(a)	9.271.804.219	9.271.804.219	3.455.117.754
Tỷ lệ sử dụng để ước tính mức trọng yếu	(b)			
Lợi nhuận trước thuế: 5% - 10%				
Doanh thu: 0,5% - 3%		1,5%	1,5%	1,5%
Tổng tài sản và vốn: 2%				
Mức trọng yếu tổng thể	(c)=(a)*(b)	139.077.063	139.077.063	51.826.766
Mức trọng yếu thực hiện	(d)=(c)* (50%-	104.307.797	104.307.797	38.870.075
Ngưỡng sai sót không đáng kể/ sai sót có thể bỏ qua	(e)=(d)*4 % (tối đa)	4.172.312	4.172.312	1.554.803

Căn cứ vào bảng trên, KTV chọn ra mức trọng yếu để áp dụng khi thực hiện kiểm toán.

Chỉ tiêu lựa chọn	Năm nay	Năm trước
Mức trọng yếu tổng thể	139.077.063	51.826.766
Mức trọng yếu thực hiện	104.307.797	38.870.075
Ngưỡng sai sót không đáng kể/	4.172.312	1.554.803

PHỤ LỤC 4

CHƯƠNG TRÌNH KIỂM TOÁN- PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN



Enhance your values

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH TOÁN CẦU
GLOBAL AUDITING AND FINANCIAL CONSULTANCY CO., LTD

E230

Client: CÔNG TY ABC	Prepared by: Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Date: 15/02/22
Period ended: 31/12/2021	Reviewed by 1st: Ms. Hương	Date: 16/02/22
Subject: Chương trình kiểm toán - Phải trả cho người bán (ngắn hạn và dài hạn) – Trả trước cho người bán/ Audit program – Payable to suppliers (short-term and long-term) – Prepayment to suppliers	Reviewed by 2nd: Mr. Dũng	Date: 17/02/22
	Reviewed by 3rd: -	Date: -

I. TÀI LIỆU YÊU CẦU KHÁCH HÀNG CHUẨN BỊ / DOCUMENTS PREPARED BY CLIENT

- Sổ cái và các sổ chi tiết theo dõi nợ phải trả cho người bán;
- Bảng kê chi tiết số dư tài khoản phải trả nhà cung cấp, nội dung phải trả, chi tiết phải trả người bán ngắn hạn và dài hạn;
- Các thư xác nhận, biên bản đối chiếu công nợ tại ngày kết thúc năm tài chính/kỳ kế toán;
- Bảng phân tích tuổi các khoản nợ phải trả người bán;
- Các tài liệu, hồ sơ có liên quan đến việc xác định khoản nợ phải trả người bán như hợp đồng, chứng từ hóa đơn,...
- Các giao dịch về mua hoặc trao đổi hàng với các bên liên quan (nếu có).

II. MỤC TIÊU/ OBJECTIVE

Đảm bảo các khoản phải trả nhà cung cấp ngắn hạn và dài hạn là có thực, thuộc nghĩa vụ thanh toán của DN; đã được ghi nhận chính xác, đầy đủ; được đánh giá và trình bày phù hợp với khuôn khổ về lập và trình bày BCTC được áp dụng.

III. CƠ SỞ DẪN LIỆU/ ASSERTIONS

Cơ sở dẫn liệu của Phải trả cho người bán (ngắn và dài hạn) của BCTC phải có các tiêu chuẩn sau/Assertions of Loans and debts (short-term and long-term) of the financial statements must meet the following criteria:

- Hiện hữu/ Existence (E)
- Nghĩa vụ /Obligation (RO)
- Đầy đủ /Completeness (C)
- Chính xác/ Accuracy (A)
- Đánh giá /Valuation (VA)
- Đánh giá /Valuation (VA)
- Chia cắt niên độ/ Cut-off (CO)
- Trình bày và công bố/ Presentation and Disclosure (PD)

IV. RỦI RO SAI SÓT TRỌNG YẾU CỦA KHOẢN MỤC

Các rủi ro trọng yếu	Thủ tục kiểm toán	W/P Ref	Notes	Work completed initials and date
- Các khoản nợ phải trả được thể hiện ít hơn so với thực tế		D240, D241		16/02/22

V. CÁC THỦ TỤC KIỂM TOÁN / AUDIT PROCEDURES

	Assertions addressed	W/P Ref	Notes	Work completed initials and date
1. LẬP BIỂU TỔNG HỢP / LEAD SCHEDULE				
1.1 Lập Biểu tổng hợp theo từng chi tiêu: Phải trả người bán; Phải trả dài hạn người bán; Trả trước cho người bán.		E210		Nguyễn Thị Mỹ Duyên - 15/2/2022
1.2 Đối chiếu số dư đầu năm trên Biểu tổng hợp, Bảng CĐSPS, sổ cái với số dư cuối năm trước hoặc hồ sơ kiểm toán năm trước (nếu có).		E210		Nguyễn Thị Mỹ Duyên - 15/2/2022
1.3 Đối chiếu số liệu cuối năm/kỳ trên Biểu tổng hợp, Bảng CĐSPS, Bảng CĐKT với sổ cái, sổ chi tiết.		E210		Nguyễn Thị Mỹ Duyên - 15/2/2022

<p>2. CAC CHINH SACH KE TOAN / ACCOUNTING POLICIES Xem xét xem chính sách kế toán áp dụng cho các khoản phải trả cho người bán có phù hợp với các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán không.</p>		Done	Phù hợp	Nguyễn Thị Mỹ Duyên - 15/2/2022
<p>3. KIỂM TRA HỆ THỐNG KIỂM SOÁT / TESTING OF CONTROLS Kiểm tra các hoạt động kiểm soát chủ yếu được xác định tại Biểu A420 và C210 và các kết luận về việc thiết lập và hoạt động hữu hiệu của hệ thống trong kỳ. Xác định các cơ sở dẫn liệu có ảnh hưởng quan trọng được đảm bảo bởi việc kiểm tra hệ thống / Test the key controls identified on Forms A420 and C210 and conclude on the effectiveness of their design and effectiveness of operation throughout the period. Identify the assertions for which they contribute significant assurance.</p>		N/A		
<p>4. THỦ TỤC PHÂN TÍCH / ANALYTICAL PROCEDURES 4.1. Xem xét tình hợp lý và nhất quán với năm/kỳ trước của các khoản phải trả cho người bán. Tìm hiểu và thu thập các giải trình cho các biến động bất thường. 4.2. So sánh số ngày thanh toán tiền bình quân của năm nay/kỳ này so với kế hoạch và với năm/kỳ trước. Xem xét xem có gì bất thường so với năm/kỳ trước không. 4.3. Xem xét ảnh hưởng của các kết quả phân tích đến các thủ tục kiểm tra chi tiết.</p>		Done N/A Done		Nguyễn Thị Mỹ Duyên - 15/2/2022 Nguyễn Thị Mỹ Duyên - 15/2/2022
<p>5. KIỂM TRA CHI TIẾT / SUBSTANTIVE PROCEDURES 5.1 Thu thập số dư chi tiết 5.1.1 Thu thập Bảng kê chi tiết các khoản công nợ phải trả cho người bán, trả trước cho người bán (gồm số dư đầu năm, số dư cuối năm/kỳ, tăng, giảm - nếu được). Kiểm tra việc cộng dọc, cộng ngang trên Bảng kê chi tiết và đối chiếu số chi tiết phải trả người bán, tổng số dư phải trả người bán/ trả trước cho người bán trên Bảng CĐKT, Bảng CĐSPS. 5.1.2 Xem lướt qua Bảng kê chi tiết để xem có các khoản mục bất thường không? (số dư nợ quá chẵn, số dư nợ quá lâu, số dư nợ lớn, nhà cung cấp là các bên liên quan, nhà cung cấp cũng là người mua hàng, các khoản nợ phải trả không mang tính chất là phải trả cho người bán,...) 5.1.3 Đối với các số dư nợ nhà cung cấp đã quá hạn: Ước tính lãi phải trả và so sánh với số đã ghi sổ. 5.2 Kiểm toán số dư đầu năm 5.2.1 Đối chiếu số dư đầu năm trên Bảng kê chi tiết, số chi tiết với số dư cuối năm trước hoặc hồ sơ kiểm toán năm trước (nếu có). 5.2.2 Trường hợp năm trước chưa kiểm toán: - Đối chiếu số dư đầu năm với BCTC năm trước được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác, xem hồ sơ kiểm toán năm trước của công ty kiểm toán khác. - Đối chiếu xác nhận số dư năm trước hoặc gửi xác nhận (nếu cần). - Kiểm tra các khoản thanh toán công nợ phải trả/ hoặc nhập hàng sau ngày kết thúc năm tài chính để chứng minh cho số dư đầu kỳ.</p>	VA A, E, C, RO	E240 E240 N/A N/A E240 E240 N/A		Nguyễn Thị Mỹ Duyên - 15/2/2022 Nguyễn Thị Mỹ Duyên - 15/2/2022 Nguyễn Thị Mỹ Duyên - 15/2/2022 Nguyễn Thị Mỹ Duyên - 15/2/2022

<p>- Xem xét tình đánh giá đối với số dư công nợ phải trả có gốc ngoại tệ (nếu có).</p> <p>5.3 Phải trả người bán</p> <p>5.3.1 Trường hợp đã có xác nhận hay Biên bản đối chiếu công nợ của khách hàng, kiểm tra số liệu trên Bảng kê chi tiết với xác nhận hay Biên bản đối chiếu công nợ – lưu ý phải xem bản gốc.</p> <p>Photo lại các Biên bản đối chiếu công nợ của đơn vị để lưu hồ sơ kiểm toán.</p> <p>5.3.2 Trường hợp thư xác nhận không có hồi âm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gửi thư xác nhận lần 2 (nếu cần) - Kiểm tra thanh toán sau ngày kết thúc năm tài chính/kỳ kế toán. - Kiểm tra chứng từ chứng minh tính hiện hữu của nghiệp vụ mua hàng (hợp đồng, hóa đơn, phiếu giao hàng, ...) trong năm. <p>5.3.3 Trường hợp đơn vị không cho phép KTV gửi thư xác nhận: Thu thập giải trình bằng văn bản của BGĐ/BQT về nguyên nhân không cho phép và thực hiện các thủ tục thay thế khác.</p> <p>5.4 Đối với các khoản trả trước cho người bán (số dư nợ của khoản phải trả người bán):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối chiếu thư xác nhận (nếu có) - Kiểm tra chứng từ trả trước, đối chiếu với điều khoản thanh toán trong hợp đồng. - Kiểm tra các khoản nhận hàng/ nhận dịch vụ sau niên độ. 	<p>A, E, C, RO</p> <p>A, E, C, RO</p> <p>A, E, C, RO</p> <p>A, E, RO</p> <p>A, E</p> <p>A, E, C, RO</p> <p>A, E, RO</p> <p>A, E, C, RO</p>	<p>N/A</p> <p>E241</p> <p>N/A</p> <p>N/A</p> <p>E241</p> <p>Done</p> <p>Done</p>	<p>Ms. T. Anh - 22/2/2016</p> <p>Nguyễn Thị Mỹ Duyên - 15/2/2022</p> <p>Nguyễn Thị Mỹ Duyên - 15/2/2022</p> <p>Nguyễn Thị Mỹ Duyên - 15/2/2022</p>
<p>- Xem xét và đánh giá các khoản trả trước cho người bán lâu, chưa nhận hàng/ dịch vụ. Tính toán trích lập dự phòng phải thu khó đòi (nếu có).</p> <p>5.5 Tìm kiếm các khoản nợ chưa được ghi sổ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối chiếu các hóa đơn chưa thanh toán tại ngày kiểm toán với số dư nợ phải trả đã ghi nhận tại ngày kết thúc kỳ kế toán. - Kiểm tra các nghiệp vụ mua hàng/thanh toán sau ngày kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán. - Kiểm tra các chứng từ gốc, so sánh ngày phát sinh nghiệp vụ với ngày ghi nhận trên sổ sách để đảm bảo tính đúng kỳ. <p>5.6 Xem xét các khoản nợ tiềm tàng</p> <p>Xem xét các cam kết mua hàng nếu có và tình hình thực hiện các cam kết đó. Trong trường hợp đơn vị vi phạm nội dung cam kết, các khoản nợ tiềm tàng phát sinh cần được xem xét, tính toán, ghi nhận nghĩa vụ nợ phải trả và công bố trên Thuyết minh BCTC.</p> <p>5.7 Đối với các nhà cung cấp là bên liên quan</p> <p>Kiểm tra việc ghi chép, phê duyệt, giá cả, khối lượng giao dịch...</p> <p>5.8 Đối với các giao dịch và số dư có gốc ngoại tệ</p> <p>Kiểm tra việc áp dụng tỷ giá quy đổi, xác định và hạch toán chênh lệch tỷ giá đã thực hiện/chưa thực hiện đối với các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ và số dư cuối kỳ.</p>	<p>VA</p> <p>CO</p> <p>RO, PD</p> <p>PD</p> <p>VA</p>	<p>Done</p> <p>E250</p> <p>E250</p> <p>N/A</p> <p>Done</p> <p>N/A</p>	<p>Nguyễn Thị Mỹ Duyên - 15/2/2022</p> <p>Nguyễn Thị Mỹ Duyên - 15/2/2022</p> <p>Nguyễn Thị Mỹ Duyên - 15/2/2022</p> <p>Nguyễn Thị Mỹ Duyên - 15/2/2022</p>

6. XEM XÉT KỸ LƯỜNG / SCRUTINY Xem lướt qua số chi tiết Phải trả cho người bán để phát hiện các khoản mục bất thường và kiểm tra với chứng từ gốc.	A, PD	Done	No exception noted	Nguyễn Thị Mỹ Duyên - 15/2/2022
7. TRÌNH BÀY VÀ CÔNG BỐ / PRESENTATION AND DISCLOSURE Kiểm tra việc phân loại và trình bày Phải trả người bán, trả trước người bán ngắn hạn và dài hạn bằng cách kiểm tra các hợp đồng về điều kiện thanh toán.	RO, PD	E240		Nguyễn Thị Mỹ Duyên - 15/2/2022
8. CÁC THỦ TỤC KIỂM TRA BỔ SUNG / ADDITIONAL AUDIT TESTS		N/A		

VI. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ / CONCLUSIONS AND SUGGESTIONS

Kết luận về mục tiêu kiểm toán / Conclusions on audit objectives

Dựa trên các công việc đã thực hiện, các bằng chứng kiểm toán thu thập được và các điều chỉnh đề nghị đã được đơn vị đồng ý, Phải trả người bán (ngắn hạn và dài hạn) / Based on the works already done and the audit evidences obtained as well as adjusting entries approved, payable to suppliers (short-term and long-term) are:

Được trình bày trung thực và hợp lý

Truly and fairly presented

X

Không được trình bày trung thực và hợp lý

Not truly and fairly presented

Các lý do Phải trả người bán (ngắn hạn và dài hạn) không được trình bày trung thực và hợp lý / The causes leading to the fact that payable to suppliers (short-term and long-term) not presented truly and fairly as follows:

Không có

Kiến nghị / Suggestions

Không có

Các vấn đề cần tiếp tục theo dõi trong những đợt kiểm toán sau / Points carried forward to subsequent audit

Không có

Người thực hiện:

Nguyễn Thị Mỹ

Prepared by

Duyên

Ngày hoàn thành:

15/02/22

Completion date

PHỤ LỤC 5

TỔNG HỢP SỐ LIỆU PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH TOÁN CẦU
GLOBAL AUDITING AND FINANCIAL CONSULTANCY CO., LTD

Enhance your values

E210

Client: CÔNG TY TNHH ABC	Prepared by: Mỹ Duyên	Date: 15/2/2022
Period ended: 31/12/2021	Reviewed by 1st: Ms. Hương	Date: 16/02/22
Subject: Tổng hợp số liệu Phải trả cho người bán / Payable to suppliers - Leadsheet	Reviewed by 2nd Mr. Dũng	Date: 17/02/22
	Reviewed by 3rd:	Date:

Mục tiêu

Đảm bảo các khoản phải trả nhà cung cấp ngắn hạn và dài hạn là có thực, thuộc nghĩa vụ thanh toán của DN; đã được ghi nhận chính xác, đầy đủ; được đánh giá và trình bày phù hợp với khuôn khổ về lập và trình bày BCTC được áp dụng.

Nguồn gốc số liệu

Bảng CĐSPS, Bảng CĐKT, Sổ cái/ sổ chi tiết, BCKT năm trước

Công việc thực hiện

Lập Biểu tổng hợp trình bày số liệu Phải trả cho người bán

Đối chiếu số đầu năm với BCKT năm trước

Đối chiếu số cuối năm trên Biểu tổng hợp với sổ cái/ sổ chi tiết

Phân tích biến động và kết luận về tính trung thực, hợp lý của khoản mục

Tổng hợp bút toán điều chỉnh (nếu có) và đối chiếu số liệu với BCTC năm nay được kiểm toán

Giấy tờ chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm			Biến động		
	Số chưa điều chỉnh/ phân loại	Điều chỉnh	Số sau điều chỉnh / phân loại lại	BCKiT	Số CDPS	Chênh lệch	+/-	%
Phải thu								
Trả trước người bán ngắn hạn	119.694.540		119.694.540	22.072.546	22.072.546	-	97.621.994	442%
Cộng	119.694.540	-	119.694.540	22.072.546	22.072.546	-	97.621.994	442%
	BS, TB, GL	See E250	Audited BS	BS, TB, GL		Audited BS		

[1]

Phải trả

Phải trả cho người bán	1.750.881.472	1.750.881.472	1.427.171.435	1.427.171.435	-	323.710.037	23%
Cộng	1.750.881.472	-	1.750.881.472	1.427.171.435	-	323.710.037	23%
	BS, TB, GL	See E250	Audited BS	BS, TB, GL		Audited BS	

[2]

Phân tích biến động

[1] Khoản trả trước người bán năm nay tăng 97 triệu tương ứng 442% so với năm trước
[2] Phải trả cho người bán tăng 323 triệu tương ứng 23% so với năm trước.

Kết luận

- Số liệu Phải trả người bán và Trả trước cho người bán được trình bày trung thực, hợp lý

PHỤ LỤC 6

TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI TRẢ NHÀ CUNG CẤP

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - TƯ VẤN TÀI CHÍNH TOÀN CẦU
GLOBAL AUDITING AND FINANCIAL CONSULTANCY CO., LTD

E240

Client: CÔNG TY TNHH ABC	Prepared by: Mỹ Duyên	Date: 15/02/22
Period ended: 31/12/2021	Reviewed by 1st: Ms. Hương	Date: 16/02/22
Subject: Tổng hợp công nợ phải trả cho nhà cung cấp	Reviewed by 2nd: Mr. Dũng	Date: 17/02/22
	Reviewed by 3rd:	Date:

Mục tiêu

Đảm bảo khoản phải trả cho người bán trình bày trình BCTC trung thực và hợp lý

Nguồn gốc số liệu

Tổng hợp chi tiết phải trả nhà cung cấp

Công việc thực hiện

Lập bảng tổng hợp công nợ theo đối tượng phải trả nhà cung cấp

PM 208.615.595
AMPT 8.344.624

Tổng hợp công nợ theo đối tượng khách hàng

Nhà cung cấp	Số dư đầu năm		Phát sinh trong năm		Số dư cuối năm		Ngoại tệ		Tỷ lệ phát sinh		Tỷ lệ số dư	
	Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có	USD	JPY	Nợ	Có	Nợ	Có
Nhà cung cấp 1	-	-	-	-	-	-			0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 2	-	1.654.513	28.144.534	30.719.363	-	4.229.342			0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 3	-	-	6.321.645	6.321.645	-	-			0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 4	-	-	5.500.000	5.500.000	-	-			0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 5	-	-	-	2.400.000	-	2.400.000			0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 6	-	-	14.048.100	14.048.100	-	-			0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 7	-	-	6.886.000	6.886.000	-	-			0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 8	-	-	2.049.819	2.049.819	-	-			0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 9	13.200.000	-	-	-	13.200.000	-			0%	0%	11%	0%
Nhà cung cấp 10	-	-	4.815.000	4.815.000	-	-			0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 11	-	-	5.353.700	5.353.700	-	-			0%	0%	0%	0%

Nhà cung cấp 11	-	-	5.353.700	5.353.700	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 12	-	-	-	-	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 13	-	-	23.100.000	23.100.000	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 14	-	-	140.223.795	165.586.086	-	25.362.291	2%	3%	0%	1%
Nhà cung cấp 15	-	-	-	-	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 16	-	-	56.024.254	56.024.254	-	-	1%	1%	0%	0%
Nhà cung cấp 17	-	-	3.705.001	3.857.002	-	152.001	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 18	-	-	9.310.950	9.310.950	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 19	-	-	35.950.000	35.950.000	-	-	1%	1%	0%	0%
Nhà cung cấp 20	-	-	4.790.000	4.790.000	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 21	-	-	45.632.400	53.026.600	-	7.394.200	1%	1%	0%	0%
Nhà cung cấp 22	-	-	2.160.000	2.160.000	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 23	-	-	1.100.000	1.100.000	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 24	-	-	5.500.000	5.500.000	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 25	-	-	13.823.000	13.823.000	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 26	-	-	6.000.000	1.000.000	5.000.000	-	0%	0%	4%	0%
Nhà cung cấp 27	-	-	11.797.500	11.797.500	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 28	-	-	3.421.000	3.421.000	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 29	-	-	1.785.000	-	1.785.000	-	0%	0%	1%	0%
Nhà cung cấp 30	-	-	128.338.332	128.338.332	-	-	2%	2%	0%	0%
Nhà cung cấp 31	-	-	14.302.999	22.335.000	-	8.032.001	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 32	-	-	1.500.000	1.500.000	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 33	-	-	-	-	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 34	-	-	10.800.000	10.801.350	-	1.350	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 35	-	-	-	-	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 36	-	-	-	-	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 37	-	-	11.994.896	11.888.654	106.242	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 38	-	-	7.731.528	7.637.887	93.641	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 39	-	-	-	-	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 40	-	-	2.973.938	2.973.938	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 41	-	565.061.349	1.566.715.840	1.256.198.939	-	254.544.448	25%	19%	0%	15%
Nhà cung cấp 42	-	-	935.000	935.000	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 43	-	-	9.421.500	9.421.500	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 44	-	-	1.946.000	1.946.000	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 45	-	330.000	-	-	-	330.000	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 46	-	-	216.592.000	259.512.000	-	42.920.000	3%	4%	0%	2%
Nhà cung cấp 47	-	1.427.640	44.494.491	66.341.506	-	23.274.655	1%	1%	0%	1%
Nhà cung cấp 48	-	-	-	-	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 49	-	-	6.380.000	6.380.000	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 50	-	-	40.738.500	40.738.500	-	-	1%	1%	0%	0%
Nhà cung cấp 51	-	-	24.319.838	24.319.838	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 52	-	-	1.320.000	1.320.000	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 53	-	24.594.007	131.544.014	106.950.007	-	-	2%	2%	0%	0%
Nhà cung cấp 54	3.922.546	-	-	-	3.922.546	-	0%	0%	3%	0%
Nhà cung cấp 55	-	-	50.170.120	50.170.120	-	-	1%	1%	0%	0%
Nhà cung cấp 56	-	46.200.000	169.950.000	198.000.000	-	74.250.000	3%	3%	0%	4%
Nhà cung cấp 57	-	48.400.000	35.200.000	-	-	13.200.000	1%	0%	0%	1%
Nhà cung cấp 58	-	-	105.587.625	105.587.625	-	-	2%	2%	0%	0%
Nhà cung cấp 59	-	-	-	-	-	-	0%	0%	0%	0%
Nhà cung cấp 60	-	43.126.501	147.663.601	116.142.101	-	11.605.001	2%	2%	0%	1%

PHỤ LỤC 7

CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - TƯ VẤN TÀI CHÍNH TOÀN CẦU
GLOBAL AUDITING AND FINANCIAL CONSULTANCY CO., LTD

E241

Client: CÔNG TY TNHH MTV AUSIN HOME INTERIORS	Prepared by: Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Date: 15/02/21
Period ended: 31/12/2021	Reviewed by 1st: Ms. Hương	Date: 15/02/21
Subject: Chính sách kế toán- Phải trả nhà cung cấp	Reviewed by 2nd: Mr. Dũng	Date: 17/02/21
	Reviewed by 3rd: -	Date: 17/02/21

Mục tiêu:

Chính sách kế toán áp dụng nhất quán với năm trước và phù hợp với khuôn khổ về lập và trình bày BCTC được áp dụng.

Nguồn gốc số liệu:

Hồ sơ kiểm toán năm trước, Bảng cân đối SPS, sổ Cái, sổ chi tiết và các tài liệu kế toán khác

Công việc thực hiện:

Chính sách kế toán	Áp dụng Năm nay	Ảnh hưởng
Tài khoản dùng phân ánh khoản nợ phải trả của Doanh nghiệp cho các nhà cung cấp theo các hợp đồng kinh tế đã ký kết.	✓	
Các khoản phải trả người bán được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải trả	✓	
Không phân ánh vào tài khoản này các nghiệp vụ mua hàng trả tiền ngay	✓	
Những vật tư, hàng hoá, dịch vụ đã nhận, nhập kho nhưng đến cuối tháng vẫn chưa có hoá đơn thì sử dụng giá tạm tính để ghi sổ và phải điều chỉnh về giá thực tế khi nhận được hoá đơn hoặc thông báo giá chính thức của người bán.	✓	
Tỷ giá quy đổi ngoại tệ ra "Đồng" Việt Nam		
Đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh	✓	
Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính	✓	
Ghi giảm công nợ ngoại tệ theo phương pháp bình quân gia quyền	✓	

Kết luận: Phù hợp mục tiêu kiểm toán

PHỤ LỤC 8

THỦ TỤC PHÂN TÍCH

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - TƯ VẤN TÀI CHÍNH TOÀN CẦU
GLOBAL AUDITING AND FINANCIAL CONSULTANCY CO., LTD

E242

Client: CÔNG TY TNHH ABC	Prepared by: Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Date: 15/02/22
Period ended: 31/12/2021	Reviewed by 1st: Ms. Hương	Date: 15/02/22
Subject: Thủ tục phân tích – Phải trả nhà cung cấp	Reviewed by 2nd: Mr. Dũng	Date: 17/02/22
	Reviewed by 3rd: -	Date: 17/02/22

Mục tiêu:

- Đạt được giải trình hợp lý về các chỉ tiêu phân tích các khoản phải trả nhà cung cấp.
(Cơ sở dẫn liệu: Đánh giá)

Nguồn gốc số liệu:

- Sổ chi tiết tài khoản 331

Công việc thực hiện:

So sánh, phân tích biến động số dư phải trả nhà cung cấp năm nay so với năm trước, cũng như tỷ trọng số dư phải trả nhà cung cấp trong tổng nợ ngắn hạn và dài hạn để phát hiện sự biến động bất thường và đánh giá tính phù hợp với thay đổi trong hoạt động kinh doanh của DN.

Kiểm tra phân tích đối với khoản phải trả

So sánh, phân tích biến động số dư phải trả nhà cung cấp năm nay so với năm trước, cũng như tỷ trọng số dư phải trả nhà cung cấp trong tổng nợ ngắn hạn và dài hạn để phát hiện sự biến động bất thường và đánh giá tính phù hợp với thay đổi trong hoạt động kinh doanh của DN.

Nội dung	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Chênh lệch	Tỷ lệ	Ref
331N - Trả trước cho người bán	119.694.540	22.072.546	97.621.994	442%	E210
331C - Phải trả người bán	1.750.881.472	1.427.171.435	323.710.037	23%	E210
Tổng nợ phải trả ngắn hạn (CĐKT)	12.204.859.810	9.364.740.558	2.840.119.252	30%	
Tổng nợ phải trả dài hạn (CĐKT)	-	-	-		
Phải trả người bán/Tổng NPT dài hạn	0,00%	0,00%	0,00%		
Phải trả người bán/Tổng NPT ngắn hạn	14,35%	15,24%	-0,89%		

Giải trình biến động: Tỷ trọng số dư phải trả nhà cung cấp trong tổng nợ dài hạn không biến động, tỷ trọng số dư nợ phải trả nhà cung cấp trong tổng nợ ngắn hạn tăng so với năm trước. Tăng 30% tương ứng 2.840.119.252 đồng

PHỤ LỤC 9

KIỂM TRA CHI TIẾT

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - TƯ VẤN TÀI CHÍNH TOÀN CẦU
GLOBAL AUDITING AND FINANCIAL CONSULTANCY CO., LTD

E243

Client: CÔNG TY TNHH ABC	Prepared by: Nguyễn Thị Mỹ D	Date: 15/02/22
Period ended: 31/12/2021	Reviewed by 1st: Ms. Hương	Date: 15/02/22
Subject: Kiểm tra chi tiết- Rà soát số dư khoản mục Nợ phải trả nhà cung cấp	Reviewed by 2nd: Mr. Dũng	Date: 17/02/22
	Reviewed by 3rd: -	Date: 17/02/22

Mục tiêu: Đạt được giải trình hợp lý các khoản phải trả nhà cung cấp .

Nguồn gốc số liệu: Sổ cái chi tiết tài khoản 331, và bảng kê chi tiết SDCK khoản phải trả.

Công việc thực hiện:

Kiểm toán viên sẽ rà soát số dư của khoản mục Nợ phải trả nhà cung cấp bằng cách:

+ Thu thập Bảng kê chi tiết các khoản công nợ phải trả cho người bán, trả trước cho người bán (gồm số dư đầu năm, số dư cuối năm/kỳ, tăng, giảm - nếu được). Kiểm tra việc cộng đọc, cộng ngang trên Bảng kê chi tiết và đối chiếu số chi tiết phải trả người bán, tổng số dư phải trả người bán/ trả trước cho người bán trên Bảng CĐKT,

+ Xem lướt qua Bảng kê chi tiết để xem có các khoản mục bất thường không? (số dư nợ quá chẵn, số dư nợ quá lâu, số dư nợ lớn, nhà cung cấp là các bên liên quan, nhà cung cấp cũng là người mua hàng, các khoản nợ phải trả không mang tính chất là phải trả cho người bán,...)

+ Đối với các số dư nợ nhà cung cấp đã quá hạn: Ước tính lãi phải trả và so sánh với số đã ghi sổ.

1. Thu thập bảng kê chi tiết số dư cuối kỳ các khoản phải trả theo từng khách hàng đối chiếu tổng số phải trả với bảng CĐKT và so sánh với năm trước

Thu thập bảng tổng hợp công nợ trong năm

Đối chiếu số dư cuối kỳ với số chi tiết, sổ cái, BCTC

So sánh số dư cuối kỳ và số dư đầu kỳ của các đối tượng công nợ

STT	Số dư cuối kỳ	Bảng tổng hợp	Sổ cái tổng hợp	Sổ chi tiết	Báo cáo tài chính	Chênh lệch	Ref
	SD Nợ TK 331	119.694.540	119.694.540	119.694.540	119.694.540		E240
1	3311	119.694.540	119.694.540	119.694.540	119.694.540	-	E240
2	3312	-	-	-	-	-	E240
	SD Có TK 331	1.750.881.472	1.750.881.472	1.750.881.472	1.750.881.472		E240
1	3311	1.750.881.472	1.750.881.472	1.750.881.472	1.750.881.472	-	E240
2	3312	-	-	-	-	-	E240
	Cộng						E240

2. Xem lướt qua Bảng kê chi tiết để xem có các khoản mục bất thường không? (số dư nợ quá chẵn, số dư nợ quá lâu, số dư nợ lớn, nhà cung cấp là các bên liên quan, nhà cung cấp cũng là người mua hàng, các khoản nợ phải trả không mang tính chất là phải trả cho người bán,...)

Liệt kê các nhà cung cấp có số dư cuối kỳ lớn chiếm 5%/ tổng dư Có phải trả

STT	Tên NCC	Số dư đầu kỳ		Số dư cuối kỳ		Ghi chú	Ref
		Số dư nợ	Số dư có	Số dư nợ	Số dư có		
1	Nhà cung cấp 41	-	565.061.349	-	254.544.448		E240
2	Nhà cung cấp 56	-	46.200.000	-	74.250.000		E240
3	Nhà cung cấp 73	-	11.084.334	-	514.844.521		E240
4	Nhà cung cấp 75	-	42.632.480	-	206.635.985		E240
5	Nhà cung cấp 82	-	382.636.395	-	382.636.395		E240
6	Nhà cung cấp 85	-	202.563.295	-	138.469.344		E240
7	Nhà cung cấp 9	13.200.000	-	13.200.000	-		E240
8	Nhà cung cấp 61	-	-	29.783.448	-		E240
9	Nhà cung cấp 76	-	-	17.442.000	-		E240
10	Nhà cung cấp 89	-	-	43.161.663	-		E240
	Cộng	13.200.000	1.250.177.853	103.587.111	1.571.380.693		
	Tỷ trọng/ Tổng phải trả		88%		90%		

Liệt kê các khách hàng có phát sinh trong kỳ lớn chiếm từ 10%/tổng phát sinh phải trả

STT	Tên KH	Phát sinh trong kỳ		Ghi chú	Ref
		Nợ	Có		
1	Nhà cung cấp 41	1.566.715.840	1.256.198.939		E240
2	Nhà cung cấp 73	1.469.568.827	1.973.329.014		E240
3	Nhà cung cấp 85	670.023.908	605.929.957		E240
	Tổng	3.706.308.575	3.835.457.910		
	Tỷ trọng/ Tổng phát sinh	58%	58%		

Kết luận:

Đạt được giải trình hợp lý về biến động các chỉ tiêu phải trả nhà cung cấp.

PHỤ LỤC 10

GỬI THƯ XÁC NHẬN VÀ THỦ TỤC THAY THẾ

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - TƯ VẤN TÀI CHÍNH TOÀN CẦU
GLOBAL AUDITING AND FINANCIAL CONSULTANCY CO., LTD

E244

Client: CÔNG TY TNHH ABC	Prepared by: Nguyễn Thị Mỹ	Date: 15/02/22
Period ended: 31/12/2021	Reviewed by 1st: Ms. Hương	Date: 15/02/22
Subject: Gửi thư xác nhận và thủ tục thay thế	Reviewed by 2nd: Mr. Dũng	Date: 17/02/22
	Reviewed by 3rd: -	Date: 17/02/22

Mục tiêu: đảm bảo tính hiện hữu của số dư các khoản Nợ phải trả cuối kỳ.

Nguồn gốc số liệu: số chi tiết công nợ từng khách hàng.

Công việc thực hiện: Gửi thư xác nhận và đối chiếu số dư cuối kỳ

PM 208.615.595
AMPT 8.344.624

1. Đối tượng có số dư có cuối kỳ lớn hơn mức trọng yếu chọn gửi thư xác nhận 100%

Tên nhà cung cấp	Số dư cuối kỳ		Đơn vị tiền tệ		Kết quả trả lời thư xác nhận		Note	
	Nợ	Có	VND	USD	Số tiền	Chênh lệch	Thủ tục thay thế	Ref
Nhà cung cấp 41	-	254.544.448	254.544.448		254.544.448	-		E244.1
Nhà cung cấp 73	-	514.844.521	514.844.521		514.844.521	-		E244.2
Nhà cung cấp 82	-	382.636.395	382.636.395		382.636.395	-		E244.3
Tổng cộng		1.152.025.364	1.152.025.364	-	1.152.025.364			

66%

2. Đối tượng các nhà cung cấp còn lại

Phải trả người bán

- Tổng số dư cuối kỳ	1.750.881.472
- Số dư đã xác nhận trên MTY	1.152.025.364
- Giá trị mẫu còn lại	598.856.108
- Số lượng mẫu	3
- Bổ sung thư xác nhận	

Chọn một vài mẫu có giá trị lớn nhất để gửi xác nhận

Trả trước cho người bán

- Tổng số dư cuối kỳ	119.694.540
- Số dư đã xác nhận trên	119.694.540
- Giá trị mẫu còn lại	-
- Số lượng mẫu	-

2. Đối tượng các nhà cung cấp còn lại

Phải trả người bán

- Tổng số dư cuối kỳ	1.750.881.472
- Số dư đã xác nhận trên MTY	1.152.025.364
- Giá trị mẫu còn lại	598.856.108
- Số lượng mẫu	3
- Bổ sung thư xác nhận	

Trả trước cho người bán

- Tổng số dư cuối kỳ	119.694.540
- Số dư đã xác nhận trên	119.694.540
- Giá trị mẫu còn lại	-
- Số lượng mẫu	-

Chọn một vài mẫu có giá trị lớn nhất để gửi xác nhận

Tên khách hàng	Số dư cuối kỳ		Đơn vị tiền tệ		Kết quả trả lời thư xác nhận		Thủ tục thay thế	Ref
	Nợ	Có	VND	USD	Số tiền	Chênh lệch		
Nhà cung cấp 2		4.229.342	4.229.342		4.229.342	-		E244.4
Nhà cung cấp 5		2.400.000	2.400.000				[2]	
Nhà cung cấp 14		25.362.291	25.362.291				[1]	
Nhà cung cấp 17		152.001	152.001				[2]	
Nhà cung cấp 21		7.394.200	7.394.200				[1]	
Nhà cung cấp 31		8.032.001	8.032.001				[1]	
Nhà cung cấp 34		1.350	1.350				[2]	
Nhà cung cấp 45		330.000	330.000				[2]	
Nhà cung cấp 46		42.920.000	42.920.000				[1]	
Nhà cung cấp 47		23.274.655	23.274.655		23.274.655	-		E244.5
Nhà cung cấp 56		74.250.000	74.250.000				[1]	
Nhà cung cấp 57		13.200.000	13.200.000				[1]	
Nhà cung cấp 60		11.605.001	11.605.001				[1]	
Nhà cung cấp 71		8.252.017	8.252.017				[1]	
Nhà cung cấp 72		1.899.027	1.899.027				[2]	
Nhà cung cấp 75		206.635.985	206.635.985		206.635.985	-		E244.6
Nhà cung cấp 85		138.469.344	138.469.344				[1]	
Nhà cung cấp 86		30.448.894	30.448.894				[1]	
Tổng cộng		598.856.108	598.856.108		-	234.139.982	-	

[1]: Thanh toán sau:

STT	Khách hàng	Số dư tại ngày khóa sổ		Chứng từ kiểm tra thanh toán sau niên độ					Tỷ lệ	Note
		Số dư nợ TK 331	Số dư có TK 331	Số tiền thanh toán	Đã cung cấp dịch vụ	Loại chứng từ	Số chứng từ	Ref		
1	Nhà cung cấp 14		25.362.291	25.362.291	100%	UNC		SKNH	100%	
2	Nhà cung cấp 21		7.394.200	7.394.200	100%	UNC		SKNH	100%	
3	Nhà cung cấp 31		8.032.001	5.643.000	100%	UNC		SKNH	70%	
4	Nhà cung cấp 46		42.920.000	22.920.000	100%	UNC		SKNH	53%	
5	Nhà cung cấp 56		74.250.000	53.770.000	100%	UNC		SKNH	72%	
6	Nhà cung cấp 57		13.200.000	13.200.000	100%	UNC		SKNH	100%	
7	Nhà cung cấp 60		11.605.001	11.605.001	100%	UNC		SKNH	100%	
8	Nhà cung cấp 71		8.252.017	8.252.017	100%	UNC		SKNH	100%	
9	Nhà cung cấp 85		138.469.344	90.358.000	100%	UNC		SKNH	65%	
10	Nhà cung cấp 86		30.448.894	30.448.894	100%	UNC		SKNH	100%	
	Tổng cộng		-	359.933.748	268.953.403					

[2] Test chi tiết

STT	Khách hàng	Số dư tại ngày khóa sổ		Chứng từ kiểm tra						Ref	
		Số dư nợ TK 331	Số dư có TK 331	Số tiền	Số hóa đơn	Ngày hóa đơn	Hợp đồng	Phiếu đặt hàng	Phiếu giao hàng		Phiếu xuất kho
1	Nhà cung cấp 5		2.400.000	2.400.000							
2	Nhà cung cấp 17		152.001	152.001							
3	Nhà cung cấp 34		1.350	1.350							
4	Nhà cung cấp 45		330.000	330.000							
5	Nhà cung cấp 72		1.899.027	1.899.027							
	Tổng cộng		-	4.782.378	4.782.378						

Kết luận: Đạt được mục tiêu kiểm toán.

PHỤ LỤC 11

THƯ XÁC NHẬN VÀ SAO KÊ NGÂN HÀNG SAU NIÊN ĐỘ

1. E244.1

Hồ Chí Minh, Ngày 15 tháng 02 năm 2022

Từ:

Địa chỉ:

Kính Gửi _____:

Địa chỉ _____:

Kính thưa Quý vị,

Về việc: xác nhận kiểm toán

Hiện nay, các Kiểm toán viên của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài Chính Toàn Cầu (GAFC) đang tiến hành công tác kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính/kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Báo cáo của chúng tôi đã phản ánh số dư liên quan đến tài khoản của Quý vị tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

Số tiền chúng tôi còn nợ Quý vị : 254.544.448 VND

Nhằm mục đích phục vụ cho kiểm toán, xin Quý vị vui lòng ký xác nhận tính chính xác của số liệu nêu trên vào phần cuối của trang này và gửi thư này đến các Kiểm toán viên của chúng tôi theo địa chỉ sau bằng đường bưu điện:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH TOÀN CẦU (GAFC)

Địa chỉ : P12A03, Tầng 12, Khu A, Tòa Nhà Indochina Park Tower
Số 4 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đakao, Q.1, Tp. HCM, Việt Nam
Người nhận : Ông Nguyễn Thiện Tinh – Kiểm Toán Viên
Điện thoại : (84-8) 62 998 263 – 62 998 264
Fax : (84-8) 62 998 267
Email : info@globalauditing.com
Website : www.globalauditing.com

Thư này không phải là một yêu cầu thanh toán.

Nếu Quý vị không đồng ý với số dư nêu trên, xin vui lòng thông báo trực tiếp cho Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài Chính Toàn Cầu (GAFC) đầy đủ chi tiết về khoản chênh lệch đã nêu trong thư này.

Trân trọng kính chào,

Tổng Giám Đốc

Xác nhận của : (đánh dấu ✓ vào các ô phù hợp)
Tôi/Chúng tôi xác nhận các số dư ở trên là đúng Chữ ký:
Tôi/Chúng tôi xác nhận các số dư ở trên là không đúng Đóng dấu(nếu có)
Vì những lý do sau:
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Tên:
Chức vụ

2. E244.2

Hồ Chí Minh, Ngày 15 tháng 02 năm 2022

Từ:

Địa chỉ:

Kính Gửi _____:

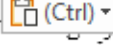
Địa chỉ _____:

Kính thưa Quý vị,

Về việc: xác nhận kiểm toán/

Hiện nay, các Kiểm toán viên của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài Chính Toàn Cầu (GAFC) đang tiến hành công tác kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính/kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Báo cáo của chúng tôi đã phản ánh số dư liên quan đến tài khoản của Quý vị tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

Số tiền chúng tôi còn nợ Quý vị : 514.844.521 VND

Nhằm mục đích phục vụ cho kiểm toán, xin Quý vị vui lòng  (Ctrl) xác nhận tính chính xác của số liệu nêu trên vào phần cuối của trang này và gửi thư này đến các Kiểm toán viên của chúng tôi theo địa chỉ sau bằng đường bưu điện:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH TOÀN CẦU (GAFC)

Địa chỉ : P12A03, Tầng 12, Khu A, Tòa Nhà Indochina Park Tower
Số 4 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đakao, Q.1, Tp. HCM, Việt Nam
Người nhận : Ông Nguyễn Thiện Tĩnh – Kiểm Toán Viên
Điện thoại : (84-8) 62 998 263 – 62 998 264
Fax : (84-8) 62 998 267
Email : info@globalauditing.com
Website : www.globalauditing.com

Thư này không phải là một yêu cầu thanh toán.

Nếu Quý vị không đồng ý với số dư nêu trên, xin vui lòng thông báo trực tiếp cho Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài Chính Toàn Cầu (GAFC) đầy đủ chi tiết về khoản chênh lệch đã nêu trong thư này.

Trân trọng kính chào,

Tổng Giám Đốc

<input type="checkbox"/> Xác nhận của		: (đánh dấu ✓ vào các ô phù hợp)	
Tôi/Chúng tôi xác nhận các số dư ở trên là đúng	<input checked="" type="checkbox"/>	Chữ ký:	
Tôi/Chúng tôi xác nhận các số dư ở trên là không đúng	<input type="checkbox"/>	Đóng dấu (nếu có)	
Vì những lý do sau:			
.....		Tên:	
.....		Chức vụ	
.....			
.....			

3. E244.3

Hồ Chí Minh, Ngày 15 tháng 02 năm 2022

Từ:

Địa chỉ: |

Kính Gửi :

Địa chỉ :

Kính thưa Quý vị,

Về việc: xác nhận kiểm toán

Hiện nay, các Kiểm toán viên của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài Chính Toàn Cầu (GAFC) đang tiến hành công tác kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính/kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Báo cáo của chúng tôi đã phản ánh số dư liên quan đến tài khoản của Quý vị tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

Số tiền chúng tôi còn nợ Quý vị : 382.636.395 VND

Nhằm mục đích phục vụ cho kiểm toán, xin Quý vị vui lòng ký xác nhận tính chính xác của số liệu nêu trên vào phần cuối của trang này và gửi thư này đến các Kiểm toán viên của chúng tôi theo địa chỉ sau bằng đường bưu điện:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH TOÀN CẦU (GAFC)

Địa chỉ : P12A03, Tầng 12, Khu A, Tòa Nhà Indochina Park Tower
Số 4 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đakao, Q.1, Tp. HCM, Việt Nam
Người nhận : Ông Nguyễn Thiện Tính – Kiểm Toán Viên
Điện thoại : (84-8) 62 998 263 – 62 998 264
Fax : (84-8) 62 998 267
Email : info@globalauditing.com
Website : www.globalauditing.com

Thư này không phải là một yêu cầu thanh toán.

Nếu Quý vị không đồng ý với số dư nêu trên, xin vui lòng thông báo trực tiếp cho Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài Chính Toàn Cầu (GAFC) đầy đủ chi tiết về khoản chênh lệch đã nêu trong thư này.

Trân trọng kính chào,

Tổng Giám Đốc

Xác nhận của : (đánh dấu ✓ vào các ô phù hợp)

Tôi/Chúng tôi xác nhận các số dư ở trên là đúng Chữ ký:
Tôi/Chúng tôi xác nhận các số dư ở trên là không đúng Đóng dấu(nếu có)
Vì những lý do sau:

.....
.....
.....
.....

Tên:
Chức vụ

4. E244.4

Hồ Chí Minh, Ngày 15 tháng 02 năm 2022

Từ:

Địa chỉ:

Kính Gửi _____:

Địa chỉ _____:

Kính thưa Quý vị,

Về việc: xác nhận kiểm toán

Hiện nay, các Kiểm toán viên của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài Chính Toàn Cầu (GAFC) đang tiến hành công tác kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính/kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Báo cáo của chúng tôi đã phản ánh số dư liên quan đến tài khoản của Quý vị tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:



Số tiền chúng tôi còn nợ Quý vị : 4.229.342 VND

Nhằm mục đích phục vụ cho kiểm toán, xin Quý vị vui lòng (Ctrl) các nhận tính chính xác của số liệu nêu trên vào phần cuối của trang này và gửi thư này đến các Kiểm toán viên của chúng tôi theo địa chỉ sau bằng đường bưu điện:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH TOÀN CẦU (GAFC)

Địa chỉ : P12A03, Tầng 12, Khu A, Tòa Nhà Indochina Park Tower
Số 4 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đakao, Q.1, Tp. HCM, Việt Nam
Người nhận : Ông Nguyễn Thiện Tĩnh – Kiểm Toán Viên
Điện thoại : (84-8) 62 998 263 – 62 998 264
Fax : (84-8) 62 998 267
Email : info@globalauditing.com
Website : www.globalauditing.com

Thư này không phải là một yêu cầu thanh toán.

Nếu Quý vị không đồng ý với số dư nêu trên, xin vui lòng thông báo trực tiếp cho Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài Chính Toàn Cầu (GAFC) đầy đủ chi tiết về khoản chênh lệch đã nêu trong thư này.

Trân trọng kính chào,

Tổng Giám Đốc

Xác nhận của : (đánh dấu ✓ vào các ô phù hợp)

Tôi/Chúng tôi xác nhận các số dư ở trên là đúng

Chữ ký:

Tôi/Chúng tôi xác nhận các số dư ở trên là không đúng

Đóng dấu (nếu có)

Vì những lý do sau:

.....
.....
.....
.....

Tên:

Chức vụ

5. E244.5

Hồ Chí Minh, Ngày 15 tháng 02 năm 2022

Từ:

Địa chỉ:

Kính Gửi _____:

Địa chỉ _____:

Kính thưa Quý vị,

Về việc: xác nhận kiểm toán

Hiện nay, các Kiểm toán viên của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài Chính Toàn Cầu (GAFC) đang tiến hành công tác kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính/kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Báo cáo của chúng tôi đã phản ánh số dư liên quan đến tài khoản của Quý vị tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

Số tiền chúng tôi còn nợ Quý vị : **23.274.655 VND**

Nhằm mục đích phục vụ cho kiểm toán, xin Quý vị vui lòng (Ctrl) nhận tình chính xác của số liệu nêu trên vào phần cuối của trang này và gửi thư này đến các Kiểm toán viên của chúng tôi theo địa chỉ sau bằng đường bưu điện:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH TOÀN CẦU (GAFC)

Địa chỉ : P12A03, Tầng 12, Khu A, Tòa Nhà Indochina Park Tower
Số 4 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đakao, Q.1, Tp. HCM, Việt Nam
Người nhận : Ông Nguyễn Thiện Tính – Kiểm Toán Viên
Điện thoại : (84-8) 62 998 263 – 62 998 264
Fax : (84-8) 62 998 267
Email : info@globalauditing.com
Website : www.globalauditing.com

Thư này không phải là một yêu cầu thanh toán.

Nếu Quý vị không đồng ý với số dư nêu trên, xin vui lòng thông báo trực tiếp cho Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài Chính Toàn Cầu (GAFC) đầy đủ chi tiết về khoản chênh lệch đã nêu trong thư này.

Trân trọng kính chào,

Tổng Giám Đốc

Xác nhận của : (đánh dấu ✓ vào các ô phù hợp)
Tôi/Chúng tôi xác nhận các số dư ở trên là đúng Chữ ký:
Tôi/Chúng tôi xác nhận các số dư ở trên là không đúng Đóng dấu(nếu có)
Vì những lý do sau:
.....
.....
.....
.....
.....

Tên:
Chức vụ

6. E244.6

Hồ Chí Minh, Ngày 15 tháng 02 năm 2022

Từ:

Địa chỉ:

Kính Gửi _____:

Địa chỉ _____:

Kính thưa Quý vị,

Về việc: xác nhận kiểm toán

Hiện nay, các Kiểm toán viên của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài Chính Toàn Cầu (GAFC) đang tiến hành công tác kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính/kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Báo cáo của chúng tôi đã phản ánh số dư liên quan đến tài khoản của Quý vị tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

Số tiền chúng tôi còn nợ Quý vị : 206.635.985 VND

Nhằm mục đích phục vụ cho kiểm toán, xin Quý vị vui lòng ký xác nhận tính chính xác của số liệu nêu trên vào phần cuối của trang này và gửi thư này đến các Kiểm toán viên của chúng tôi theo địa chỉ sau bằng đường bưu điện:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH TOÀN CẦU (GAFC)

Địa chỉ : P12A03, Tầng 12, Khu A, Tòa Nhà Indochina Park Tower
Số 4 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đakao, Q.1, Tp. HCM, Việt Nam
Người nhận : Ông Nguyễn Thiện Tính – Kiểm Toán Viên
Điện thoại : (84-8) 62 998 263 – 62 998 264
Fax : (84-8) 62 998 267
Email : info@globalauditing.com
Website : www.globalauditing.com

Thư này không phải là một yêu cầu thanh toán.

Nếu Quý vị không đồng ý với số dư nêu trên, xin vui lòng thông báo trực tiếp cho Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài Chính Toàn Cầu (GAFC) đầy đủ chi tiết về khoản chênh lệch đã nêu trong thư này.

Trân trọng kính chào,

Tổng Giám Đốc

Xác nhận của : (đánh dấu ✓ vào các ô phù hợp)

Tôi/Chúng tôi xác nhận các số dư ở trên là đúng

Tôi/Chúng tôi xác nhận các số dư ở trên là không đúng

Vì những lý do sau:

.....
.....
.....
.....

Tên:

Chức vụ

Chữ ký:

Đóng dấu(nếu có)

7. Sao kê ngân hàng



3530821

BẢNG SAO KÊ GIAO DỊCH/ACCOUNT STATEMENT

Chủ tài khoản/Account Name:

Số tài khoản/Account Number: 81811188

Từ ngày/From date: 01/01/2022

Đến ngày/To date: 31/01/2022

Số dư đầu/Beginning Balance:

71,750,515 (VND)

Ngày Date	Số GD Transaction No	Diễn giải Details	Ghi nợ Debit	Ghi có Credit	Số dư Balance
					71,750,515
04/01/2022	2968	IB MAI THI DIEU MAI DIEU CK		10,400,000	82,150,515
04/01/2022	2969	MBVCB.1622504375.096845.NGUYEN MANH TUNG ck den.CT tu 0021000271423 NGUYEN MANH TUNG toi 81811188 CTY TNHH MTV AUSTIN HOME INTERIORS (ACB) A Chau GD 096845-010222 11:38:25		14,788,000	96,938,515
04/01/2022	2970	DANG HONG NGOC- MBVCB.1626311396.CHI PHUNG THI THU THUY TT TIEN MUA TU.CT TU 0251002662142 TOI 81811188 CONG TY TNHH MTV AUSTIN HOME INTERIORS (ACB) A CHAU		45,000,000	141,938,515
04/01/2022	2971	TT CHO CTY TNHH MTV AUSTIN HOME INTERIORS_ID 00000413_STGD 1,800,000VND_CK 30,600VND_NGAY 040122 BATCH 19		1,769,400	143,707,915
05/01/2022	2972	4229xx3452 CTY TNHH MTV AUSTIN HOME INTERIORS GD tai GANDI NET trace 229613 Auth 812047 ST 16.59USD	389,734		143,318,181
04/01/2022	2971	INTERIORS_ID 00000413_STGD 1,800,000VND_CK 30,600VND_NGAY 040122 BATCH 19		1,769,400	143,707,915
05/01/2022	2972	4229xx3452 CTY TNHH MTV AUSTIN HOME INTERIORS GD tai GANDI NET trace 229613 Auth 812047 ST 16.59USD - 03/01/2022095228	389,734		143,318,181
05/01/2022	2973	HB09097			078,889
05/01/2022	2974	HB0304E IN			300,279
05/01/2022	2975	HBAF			692,329
05/01/2022	2976	AUST HANC			684,329
05/01/2022	2977	IB VC AUST TT CT		0	191,479,329
06/01/2022	2978	INTERIORS_ID 00000413_STGD 35,700,000VND_CK 606,900VND_NGAY 050122 BATCH 20		35,093,100	226,572,429
06/01/2022	2979	Chi Nhung ciputra ck Austin home GD 992171-010622 13:46:36		12,050,000	238,622,429
06/01/2022	2980	chi Thu Chuyen tien tranh. GD 693284- 010622 15:30:40		10,500,000	249,122,429
06/01/2022	2981	HBAHI_UNG LUONG MS THAO	3,500,000		245,622,429
06/01/2022	2982	HBCTY TNHH MTV AUSTIN HOME INTERIORS AHI_GIA DINH_ CONG NO CON LAI T8.2021	47,361,200		198,261,229
06/01/2022	2983	HBAHI_ACACIA_THANH TOAN DON VAI	2,496,000		195,765,229
07/01/2022	2984	HBCTY TNHH MTV AUSTIN HOME INTERIORS AHI_AHL_INV19 DATE 31.12.21	41,391,840		154,373,389
08/01/2022	2985	Aps Concept chuyen tien 4 cai goi FT22007517007505 GD 389336-010722		6,450,000	160,823,389

Trang/Page: 1/6

Ngày Date	Số GD Transaction No	Diễn giải Details	Ghi nợ Debit	Ghi có Credit	Số dư Balance
		18:12:34			
08/01/2022	2986	Thu Phi SMS thay doi so du thang 12/2021	20,000		160,803,389
08/01/2022	2987	4229xx3452 CTY TNHH MTV AUSTIN HOME INTERIORS GD tai Amazon web services trace 001592 Auth 812048 ST 20USD - 06/01/2022212135	468,401		160,334,988
08/01/2022	2988	tien ghe Sofa GD 503158-010822 11:52:30		59,500,000	219,834,988
10/01/2022	2989	C hang 59 xuan dieu FT22008267471788 GD 474691-010822 18:56:32		22,393,000	242,227,988
10/01/2022	2990	IB KY LINH LINH THANH TOAN 100% TIEN MA DEN 76H CTY AUSTIN HOME INTERIORS		15,200,000	257,427,988
10/01/2022	2991	IB KY LINH LINH THANH TOAN 100% PHU KIEN TRANG TRI - CTY AUSTIN HOME INTERIORS		13,845,000	271,272,988
10/01/2022	2992	TT CHO CTY TNHH MTV AUSTIN HOME INTERIORS_ID 00000413_STGD 70,740,000VND_CK 1,202,580VND NGÀY 100122 BATCH		69,537,420	340,810,408
10/01/2022	2993	DUONG THUY LINH-DUONG THUY LINH TT INV 15085		11,193,000	352,003,408
10/01/2022	2994	TT CHO CTY TNHH MTV AUSTIN HOME INTERIORS_ID 00000413_STGD 60,605,000VND_CK 1,030,285VND NGÀY 100122 BATCH		59,574,715	411,578,123
10/01/2022	2995	HBCTY TNHH MTV AUSTIN HOME INTERIORS_AHI_GIA DINH_THANH TOAN T9.21	100,672,000		310,906,123
11/01/2022	2996	MBVCB.1644260101.074846.Xuan Huong ck don hang con lai Austin.CT tu 0071001201662 NGUYEN THI XUAN TUAN T9.21		13,440,000	324,346,123
11/01/2022	2996	MBVCB.1644260101.074846.Xuan Huong ck don hang con lai Austin.CT tu 0071001201662 NGUYEN THI XUAN HUONG toi 81811188 CTY TNHH MTV AUSTIN HOME INTERIORS (ACB) A Chau GD 074846-011022 19:39:37		13,440,000	324,346,123
11/01/2022	2997	TT CHO CTY TNHH MTV AUSTIN HOME INTERIORS_ID 00000413_STGD 30,002,500VND_CK 510,043VND NGÀY 100122 BATCH 23		29,492,457	353,838,580
11/01/2022	2998	TT CHO CTY TNHH MTV AUSTIN HOME INTERIORS_ID 00000413_STGD 40,020,000VND_CK 680,340VND NGÀY 100122 BATCH 24		39,339,660	393,178,240
11/01/2022	2999	IB NGUYEN THI PHUONG CHI PHUONG HN CK 3 GHE DON		19,730,000	412,908,240
11/01/2022	3000	HBCTY TNHH CONG NGHIEP NGHE NANG DAT COC 50% THEO DON HANG SO: 15091 - CTY TNHH MTV AUSTIN HOME INTERIORS		63,555,000	476,463,240
11/01/2022	3001	HBCTY TNHH CONG NGHIEP NGHE NANG THANH TOAN 100% THEO DON HANG SO: 15092 - CTY TNHH MTV AUSTIN HOME INTERIORS		69,300,000	545,763,240
11/01/2022	3002	HBCTY TNHH MTV AUSTIN HOME INTERIORS AUSTIN HOME HOAN TIEN THUA INV15088	4,560,000		541,203,240
11/01/2022	3003	HBAHI_HOAN TRA TIEN MUON C NGHIA	30,000,000		511,203,240
12/01/2022	3004	MBVCB.1648803499.064502.Austinhome Ti DH 13/1/22 .CT tu 0071002178545 NGUYEN THI LOAN toi 81811188 CTY TNHH MTV AUSTIN HOME INTERIORS (ACB) A Chau GD 064502-011222 10:32:25		2,660,000	513,863,240

Ngày Date	SỐ GD Transaction No	Diễn giải Details	Ghi nợ Debit	Ghi có Credit	Số dư Balance
12/01/2022	3005	Cty DP Helios TT tien mua hang theo SQ 15090 cho Cty Austin Home Interiors GD 136867-011222 10:52:27		13,600,000	527,463,240
12/01/2022	3006	HBAUSTIN HOME HOAN TIEN INV15090	1,600,000		525,863,240
12/01/2022	3007	HBPHI THANH VIEN_PHAT HANH BAO	7,200,000		518,663,240
12/01/2022	3008	HBCTY TNHH MTV AUSTIN HOME INTERIORS AHI_HOA VIET_THANH TOAN TIEN VAI	13,156,000		505,507,240
13/01/2022	3009	3 den GD 988504-011322 14:01:41		12,840,000	518,347,240
13/01/2022	3010	CTY CP BLUE MOUNTAIN-CONG TY CP BLUE MOUNTAIN THANH TOAN CHI PHI MUA DEN THEO DON HANG SQ 15094 NGAY 13 01 2022 CHO CTY AUSTIN HOME INTERIORS		30,320,000	548,667,240
14/01/2022	3011	Cong ty TNHH MTV Ly Gia Vien TT 50 phan tram PO16068 ngay 13.1.2022 mua 2 ghe Armchair cua Cong ty TNHH MTV Austin Home Interiors GD 112250-011422 14:22:21		33,165,000	581,832,240
14/01/2022	3012	Cong ty TNHH MTV Ly Gia Vien TT 100 phan tram PO 16066 ngay 8.1.2022 mua giuong, den cua Cong ty TNHH MTV Austin Interiors . GD 112289-011422 14:22:22		49,530,000	631,362,240
14/01/2022	3013	CTY TNHH PEONY HOME THANH TOAN TIEN HANG THEO HOP DONG 2201/16073/AHI-16073 GD 676003- 011422 16:02:39		151,337,000	782,699,240
17/01/2022	3014	Don hang Giuong mau cam 1m8 0902422486 GD 128419-011622 זזזז זזזז זזזז זזזז זזזז זזזז זזזז 011422 16:02:39		21,000,000	803,699,240
17/01/2022	3014	Don hang Giuong mau cam 1m8 0902422486 GD 128419-011622 10:42:17		21,000,000	803,699,240
17/01/2022	3015	HBCTY TNHH MTV AUSTIN HOME INTERIORS AHI_LIEM CHINH_THANH TOAN CONG NO	20,770,000		782,929,240
17/01/2022	3016	HBCTY TNHH MTV AUSTIN HOME INTERIORS AHI_AHL_CONG NO LAMPS	20,000,000		762,929,240
17/01/2022	3017	HBCTY TNHH MTV AUSTIN HOME INTERIORS AHI_HAMONY_CONG NO	5,643,000		757,286,240
17/01/2022	3018	HBCTY TNHH MTV AUSTIN HOME INTERIORS AHI_GIA DINH_T102021	160,934,000		596,352,240
17/01/2022	3019	HBCTY TNHH MTV AUSTIN HOME INTERIORS AHI_LIEM CHINH_THANH TOAN CONG NO	16,500,000		579,852,240
17/01/2022	3020	TT CHO CTY TNHH MTV AUSTIN HOME INTERIORS_ID 00000413_STGD 21,300,000VND_CK 362,100VND_NGAY 170122 BATCH 26		20,937,900	600,790,140
17/01/2022	3021	TT CHO CTY TNHH MTV AUSTIN HOME INTERIORS_ID 00000413_STGD 7,200,000VND_CK 122,400VND_NGAY 170122 BATCH 25		7,077,600	607,867,740
18/01/2022	3022	C hang 59 xuan dieu FT22018712303308 GD 341679-011822 13:33:27		600,000	608,467,740
18/01/2022	3023	CTY TNHH SX VA TM TRAN OANH-CTY TNHH SX VA TM TRAN OANH THANH TOAN TAM UNG 50% GIA TRI HOP DONG CTY TNHH MTV AUSTIN HOME INTERIORS		38,290,000	646,757,740
19/01/2022	3024	IB KY LINH LINH THANH TOAN DH SO15100 - CTY AUSTIN HOME INTERIORS		3,600,000	650,357,740
20/01/2022	3025	HBCTY TNHH CONG NGHIEP NGHE		63,555,000	713,912,740

Ngày Date	Số GD Transaction No	Diễn giải Details	Ghi nợ Debit	Ghi có Credit	Số dư Balance
		NANG THANH TOAN 50% THEO DON HANG SO: 15091 - CTY TNHH MTV AUSTIN HOME INTERIORS			
20/01/2022	3026	AUSTIN HOME THANH TOAN TIEN LAY LAI DICH VU INSTAGRAM_CA NHAN KHONG HOA DON-200122-17:15:58 037517	1,000,000		712,912,740
20/01/2022	3027	HBAUSTIN HOME _0909744644	475,583		712,437,157
20/01/2022	3028	HBAHI_RUT TGNH NHAP QUY TM	10,000,000		702,437,157
20/01/2022	3029	HBAHI_H.NICHOLAS_THANH TOAN CONG NO	23,274,655		679,162,502
20/01/2022	3030	HBCTY TNHH MTV AUSTIN HOME INTERIORS AHI_GIA DINH_THANH TOAN THUE SR T112021	201,080,000		478,082,502
21/01/2022	3031	CTY TNHH HANH PHUC XANH-CTY TNHH HANH PHUC XANH TT DON HANG SO 16076		79,275,000	557,357,502
21/01/2022	3032	CONG TY TNHH DOI ANH SANG-CONG TY DOI ANH SANG CT CONG TY TNHH MTV AUSTIN HOME INTERIORS		175,082,500	732,440,002
22/01/2022	3033	Chi Duyen ck tien hang Austin GD 470448-012122 18:36:38		419,330,000	1,151,770,002
22/01/2022	3034	Chi Duyen ck tien Hang Austin GD 472246-012122 18:37:51		100,000,000	1,251,770,002
22/01/2022	3035	Dat coc z2 FT22022041974577 GD 010309-012222 10:40:28		15,000,000	1,266,770,002
24/01/2022	3036	4229xx3452 CTY TNHH MTV AUSTIN HOME INTERIORS GD tai FACEBK G4STWBXYW2 trace 107895 Auth 812049 ST 14715789VND - 22/01/2022001256	14,892,378		1,251,877,624
24/01/2022	3037	CONG TY TNHH DOI ANH SANG-CTY DOI ANH SANG CT CTY AUSTIN HOME INTERIORS		170,520,000	1,422,397,624
24/01/2022	3038	HBAHI_THANH HUNG_INV70	6,625,000		1,415,772,624
24/01/2022	3036	HOME INTERIORS GD tai FACEBK G4STWBXYW2 trace 107895 Auth 812049 ST 14715789VND - 22/01/2022001256	14,892,378		1,251,877,624
24/01/2022	3037	CONG TY TNHH DOI ANH SANG-CTY DOI ANH SANG CT CTY AUSTIN HOME INTERIORS		170,520,000	1,422,397,624
24/01/2022	3038	HBAHI_THANH HUNG_INV70	6,625,000		1,415,772,624
24/01/2022	3039	HBAHI_XUAN THUY_THANH TOAN TIEN NUOC T12 VA 1.22	900,000		1,414,872,624
24/01/2022	3040	HBCTY TNHH MTV AUSTIN HOME INTERIORS AHI_AHL_THANH TOAN TIEN DEN	20,000,000		1,394,872,624
24/01/2022	3041	HBCTY TNHH MTV AUSTIN HOME INTERIORS AHI_GIA DINH_DIEN T01.22	10,517,333		1,384,355,291
24/01/2022	3042	HBCTY TNHH MTV AUSTIN HOME INTERIORS AHI_GIA DINH T12.21	200,728,000		1,183,627,291
24/01/2022	3043	HBAHI_RHENUUS_INV281	11,605,000		1,172,022,291
24/01/2022	3044	HBAHI_JR_THANH TOAN CONG NO	54,567,548		1,117,454,743
24/01/2022	3045	HBAHI_NEWPOST_T12.21	4,229,342		1,113,225,401
24/01/2022	3046	HBAHI_HOAN TRA TIEN MUON C NGHIA	20,000,000		1,093,225,401
24/01/2022	3047	HBCommission 2021	19,375,958		1,073,849,443
24/01/2022	3048	HBAHI_salaary Jan.22 + 13Th salary	124,741,362		949,108,081
24/01/2022	3049	HBAHI_salaary Jan.22 + 13Th salary	35,635,545		913,472,536
24/01/2022	3050	HBAHI_salaary Jan.22 + commission + 13Th salary	32,360,912		881,111,624
24/01/2022	3051	HBAHI_salaary Jan.22 + commission + 13Th salary	30,321,268		850,790,356
24/01/2022	3052	HBAHI_salaary Jan.22 + 13Th salary	39,462,924		811,327,432

Ngày Date	Số GD Transaction No	Diễn giải Details	Ghi nợ Debit	Ghi có Credit	Số dư Balance
24/01/2022	3053	HBAHI_salaary Jan.22 + 13Th salary	7,000,000		804,327,432
24/01/2022	3054	HBAHI_salaary Jan.22 + commission	17,362,168		786,965,264
24/01/2022	3055	HBAHI_salaary Jan.22 + 13Th salary	18,421,196		768,544,068
24/01/2022	3056	HBAHI_salaary Jan.22 + 13Th salary	17,170,764		751,373,304
24/01/2022	3057	HBAHI_salaary Jan.22 + 13Th salary	17,170,764		734,202,540
24/01/2022	3058	HBAHI_salaary Jan.22 + commission + 13Th salary	32,123,402		702,079,138
24/01/2022	3059	HBAHI_salaary Jan.22	3,500,000		698,579,138
24/01/2022	3060	HBCK VCB NOP BHXH	100,000,000		598,579,138
25/01/2022	3061	Chi Duyen ck tien hang don so 2 GD 019768-012522 00:33:14		174,560,000	773,139,138
25/01/2022	3062	NGUYEN THI MY LINH chuyen tien GD 284133-012522 12:48:45		21,411,000	794,550,138
25/01/2022	3063	TT CHO CTY TNHH MTV AUSTIN HOME INTERIORS_ID 00000413_STGD 14,130,000VND_CK 240,210VND_NGAY 250122_BATCH 27		13,889,790	808,439,928
25/01/2022	3064	NGUYEN THI MY LINH chuyen tien GD 746316-012522 17:36:54		12,357,000	820,796,928
25/01/2022	3065	Lai nhap von		14,720	820,811,648
26/01/2022	3066	Dn ck austin FT22026674730051 GD 324503-012622 14:04:38		23,600,000	844,411,648
27/01/2022	3067	HBAHI_CHINH HUU THANH TOAN	177,837,434		666,574,214
27/01/2022	3067	HBAHI_CHINH HUU THANH TOAN CONG NO DEN 31.12.21	177,837,434		666,574,214
27/01/2022	3068	HBCTY TNHH MTV AUSTIN HOME INTERIORS_AHI_ADMIN_THANH TOAN GOOGLE WORKSPACE	12,420,000		654,154,214
27/01/2022	3069	TT CHO CTY TNHH MTV AUSTIN HOME INTERIORS_ID 00000413_STGD 32,850,000VND_CK 558,450VND_NGAY 260122_BATCH 28		32,291,550	686,445,764
27/01/2022	3070	HBAHI_GALLERY_DEPOSIT 50%	22,900,000		663,545,764
27/01/2022	3071	HBAHI_XUAN THUY_WATER AT OFFICE	224,000		663,321,764
27/01/2022	3072	HBAHI_MOC LAM_INV71	36,223,000		627,098,764
27/01/2022	3073	HBCTY TNHH MTV AUSTIN HOME INTERIORS_AHI_TIEN MINH KHO	22,920,000		604,178,764
27/01/2022	3074	HBCTY TNHH MTV AUSTIN HOME INTERIORS_AHI_LIEM CHINH THANH TOAN PHI BAO VE	16,500,000		587,678,764
27/01/2022	3075	HBCTY TNHH MTV AUSTIN HOME INTERIORS_AHI_GIA DINH_THUE SR T1.22	201,696,000		385,982,764
27/01/2022	3076	An Phuc Son thanh toan tien ghe FT22027498352989 GD 247507-012722 17:37:50		170,100,000	556,082,764
28/01/2022	3077	Thy Phuong CK Austin Home GD 434417-012722 19:25:44		183,002,000	739,084,764
28/01/2022	3078	Truc ck phi thao doi giuong GD 515226- 012722 21:46:36		3,000,000	742,084,764
28/01/2022	3079	CT TNHH KHACH SAN BEN THANH- NORFOLK-NORFOLK HOTEL TT REFUND TIEN DPS BK 1095496		65,257,500	807,342,264
28/01/2022	3080	IB KY LINH LINH THANH TOAN 2 TRANH SON DAU - CTY AUSTIN HOME		39,805,000	847,147,264

Tổng rút ra /Total Debit: 2,108,557,563 (VND)

Tổng gửi vào/Total Credit: 2,883,954,312 (VND)

Số dư cuối/Ending Balance: 847,147,264 (VND)

NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU
ASIA COMMERCIAL BANK

Được ký bởi: NGÂN HÀNG TMCP
Á CHÂU ✓
Ngày ký: Ngày 03 tháng 02 năm 2022

PHỤ LỤC 12

KIỂM TRA CÁC KHOẢN TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - TƯ VẤN TÀI CHÍNH TOÀN CẦU
GLOBAL AUDITING AND FINANCIAL CONSULTANCY CO., LTD

E246

Client: CÔNG TY TNHH ABC	Prepared by: Nguyễn Thị Mỹ D	Date: 15/02/22
Period ended: 31/12/2021	Reviewed by 1st: Ms. Hương	Date: 15/02/22
Subject: Kiểm tra các khoản trả trước cho người bán	Reviewed by 2nd: Mr. Dũng	Date: 17/02/22
	Reviewed by 3rd: -	Date: 17/02/22

Mục tiêu: Đảm bảo tính chính xác, đầy đủ và đánh giá số dư cuối kỳ khoản phải trả nhà cung cấp

Nguồn gốc số liệu: Sổ chi tiết các khoản trả tiền trước người bán, bảng chi tiết hoặc sổ dư cuối kỳ.

Công việc thực hiện:

- Đối chiếu thư xác nhận (nếu có)
- Kiểm tra chứng từ trả trước, đối chiếu với điều khoản thanh toán trong hợp đồng.
- Kiểm tra các khoản nhận hàng/ nhận dịch vụ sau niên độ.
- Xem xét và đánh giá các khoản trả trước cho người bán lâu, chưa nhận hàng/ dịch vụ. Tính toán trích lập dự phòng phải thu khó đòi (nếu có).

+ Kết quả phỏng vấn và xem xét chứng từ có thiết kế như sau:

STT	Tên khách hàng	Số dư nợ TK 331	Điều khoản trả trước theo quy định hợp đồng	Mức độ hoàn thành giao dịch tại ngày khóa sổ	Cut-off/subsequent	Tính hợp lý của số dư	Ref
1	Nhà cung cấp 9	13.200.000	30%	Chưa hoàn thành	Chưa hoàn thành	Hợp lý	
2	Nhà cung cấp 26	5.000.000	30%	Chưa hoàn thành	Chưa hoàn thành	Hợp lý	
3	Nhà cung cấp 29	1.785.000	30%	Chưa hoàn thành	Chưa hoàn thành	Hợp lý	
4	Nhà cung cấp 37	106.242	30%	Chưa hoàn thành	Chưa hoàn thành	Hợp lý	
5	Nhà cung cấp 38	93.641	30%	Chưa hoàn thành	Chưa hoàn thành	Hợp lý	
6	Nhà cung cấp 54	3.922.546	30%	Chưa hoàn thành	Chưa hoàn thành	Hợp lý	
7	Nhà cung cấp 61	29.783.448	30%	Chưa hoàn thành	Chưa hoàn thành	Hợp lý	
8	Nhà cung cấp 76	17.442.000	30%	Chưa hoàn thành	Chưa hoàn thành	Hợp lý	
9	Nhà cung cấp 84	5.200.000	30%	Chưa hoàn thành	Chưa hoàn thành	Hợp lý	
10	Nhà cung cấp 89	43.161.663	30%	Chưa hoàn thành	Chưa hoàn thành	Hợp lý	

Kết luận: Đạt được mục tiêu về kiểm tra số dư các khoản khách hàng trả trước.

PHỤ LỤC 13

KẾT QUẢ XÁC NHẬN CỦA CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ CUNG CẤP

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - TƯ VẤN TÀI CHÍNH TOÀN CẦU
GLOBAL AUDITING AND FINANCIAL CONSULTANCY CO., LTD

E245

Client: CÔNG TY TNHH ABC	Prepared by: Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Date: 15/02/22
Period ended: 31/12/2021	Reviewed by 1st: Ms. Hương	Date: 15/02/22
Subject: Kết quả thư xác nhận của nợ phải trả	Reviewed by 2nd: Mr. Dũng	Date: 17/02/22
	Reviewed by 3rd: -	Date: 17/02/22

Mục tiêu: Đảm bảo tính hiện hữu của số dư các khoản nợ phải trả cuối kỳ.

Công việc

Lập bảng tổng hợp kết quả xác nhận các khoản phải trả nhà cung cấp
Kết quả kiểm tra như sau:

I. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN:

1.750.881.472 VND

A KẾT QUẢ TRẢ LỜI THƯ XÁC NHẬN

Xác nhận khớp đúng số dư (a)
Xác nhận không khớp đúng số dư
Không thể xác nhận
Trả lại qua bưu điện
Không nhận được trả lời
Tổng cộng

Giá trị khoản phải thu		Số lượng khoản mục	
Thành tiền	%	Số lượng	%
1.152.025.364	66%	5	28%
-	0%	-	0%
-	0%	-	0%
-	0%	-	0%
-	0%	-	0%
1.152.025.364	66%	5	28%

B THỦ TỤC THAY THẾ

Khoản được đối chiếu với số tiền nhận được sau này (Subsequent)
Khoản được đề xuất áp dụng những thủ tục kiểm toán thay thế khác
Tổng cộng

Giá trị	Tỷ lệ
364.716.126	20,83%
	0,00%
364.716.126	21%

C = (a+B)/TỔNG SỐ DƯ

86,63%

II. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

119.694.540 VND

A KẾT QUẢ TRẢ LỜI THƯ XÁC NHẬN

Xác nhận khớp đúng số dư (a)

Xác nhận không khớp đúng số dư

Không thể xác nhận

Trả lại qua bưu điện

Không nhận được trả lời

Tổng cộng

Giá trị khoản khách hàng trả trước		Số lượng khoản mục	
Thành tiền	%	Số lượng	%
119.694.540	100%	1	100%
	0%	0	0%
	0%	0	0%
	0%	0	0%
	0%	0	0%
	100%	1	100%

B THỦ TỤC THAY THẾ

Khoản được đối chiếu với số tiền nhận được sau này (Subsequent)

Khoản được đề xuất áp dụng những thủ tục kiểm toán thay thế khác

Tổng cộng

Giá trị	Tỷ lệ
	0%
	0%
-	0%

$C = (a+B)/TỔNG SỐ DƯ$

100%

Kết luận: Đạt được mục tiêu kiểm toán.

PHỤ LỤC 14

ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ KHOẢN PHẢI TRẢ CÓ GỐC NGOẠI TỆ

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - TƯ VẤN TÀI CHÍNH TOÀN CẦU
GLOBAL AUDITING AND FINANCIAL CONSULTANCY CO., LTD

E247

Client: CÔNG TY TNHH ABC		Prepared by: Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Date: 15/02/22
Period ended: 31/12/2021		Reviewed by Ms. Hương	Date: 15/02/22
Subject: Đánh giá cuối kỳ khoản phải trả có gốc ngoại tệ		Reviewed by 2nd: Mr. Dũng	Date: 17/02/22
		Reviewed by 3rd:	Date: 17/02/22

Mục tiêu: Đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc áp dụng tỷ giá chuyển đổi số dư có gốc ngoại tệ.

Nguồn gốc số liệu: Sổ cái tổng hợp tài khoản số dư phải trả, sổ chi tiết tài khoản.

Công việc thực hiện:

Kiểm tra việc áp dụng tỷ giá quy đổi xác định và hạch toán chênh lệch tỷ giá đã được thực hiện/ chưa thực hiện đối với các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ và

Ngân hàng TMCP Ngoại
31/12/21 Thương Việt Nam (VND/USD)
TG mua 23.035
TG bán 23.125
KHÔNG CÓ GỐC NGOẠI TỆ

Tên khách hàng	Số dư cuối kỳ		Rate	Số kiểm toán	Diff	Note
	VND	USD				
Tổng cộng	D340	-	-	-	-	-

PHỤ LỤC 15

RÀ SOÁT SỔ CÁI

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - TƯ VẤN TÀI CHÍNH TOÀN CẦU
GLOBAL AUDITING AND FINANCIAL CONSULTANCY CO., LTD

E248

Client: CÔNG TY TNHH	Prepared by: Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Date: 15/02/22
Period ended: 31/12/2021	Reviewed by 1st: Ms. Hương	Date: 15/02/22
Subject: Rà soát sổ cái 331	Reviewed by 2nd: Mr. Dũng	Date: 17/02/22
	Reviewed by 3rd: -	Date: 17/02/22

Mục tiêu: đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc ghi nhận khoản mục phải trả nhà cung cấp. (CSDL : sự đầy đủ và sự chính xác)

Nguồn gốc số liệu: Sổ cái phải trả nhà cung cấp

Công việc thực hiện:

1. Đọc lướt Sổ cái để phát hiện những nghiệp vụ bất thường về giá trị, về tài khoản đối ứng hoặc về bản chất nghiệp vụ. Kiểm tra đến chứng từ gốc (nếu cần).

+ Thu thập chữ T tài khoản 331

+ Thu thập sổ chi tiết tài khoản 331

+ Đọc lướt các nghiệp vụ trên sổ chi tiết và tài khoản 331 để phát hiện các nghiệp vụ bất thường.

+ Liệt kê các nghiệp vụ bất thường, điều giải nội dung và kiểm tra chứng từ

+ Chọn vài khách hàng có số dư lớn và phát sinh lớn, in sổ chi tiết khách hàng này để kiểm tra phát sinh và thanh toán.

+ Thu thập chữ T tài khoản 331 (xem..)

TK 331			
	SDBK	1.427.171.435	
111	99.941.785	58.058.769	112
112	5.098.034.657	479.840.090	133
131	407.331.810	819.643.703	152
138	29.544.846	307.566.003	155
156	31.086.720	1.785.866.804	156
331	720.548.387	52.900.000	211
338	78.702.419	37.036.364	242
515	76.631	720.548.387	331
642	- 55.548.000	8.464.500	632
711	343.904	914.430.429	641
		1.429.952.971	642
		1.429.952.971	642
	6.410.063.159	6.614.308.020	
	SDCK	1.631.416.296	

Kết luận: Số liệu trình bày trên TK 331 hợp lý.

PHỤ LỤC 16

THÔNG TIN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - TƯ VẤN TÀI CHÍNH TOÀN CẦU
GLOBAL AUDITING AND FINANCIAL CONSULTANCY CO., LTD

E249

Client: CÔNG TY TNHH ABC	Prepared by: Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Date: 15/02/22
Period ended: 31/12/2021	Reviewed by 1st: Ms. Hương	Date: 15/02/22
Subject: Thông tin thuyết minh Báo cáo tài chính	Reviewed by 2nd: Mr. Dũng	Date: 17/02/22
	Reviewed by 3rd: -	Date: 17/02/22

Mục tiêu: Xem xét xem việc trình bày và công bố khoản phải trả trên Báo cáo tài chính có phù hợp với Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng ở trên không.

Công việc thực hiện:

KTV kiểm tra việc trình bày và phân loại các khoản nợ phải trả nhà cung cấp .

Các khoản phải trả đều là khoản phải trả ngắn hạn.

Thông tin thuyết minh các bên liên quan.

Kiểm tra việc phân loại và trình bày Phải trả người bán, trả trước người bán ngắn hạn và dài hạn

1. Thông tin phục vụ CĐKT và thuyết minh:

Phải trả người bán

Phải trả người bán ngắn hạn	Số dư cuối kì	Số dư đầu kì
Nhà cung cấp 41	254.544.448	565.061.349
Nhà cung cấp 85	138.469.344	202.563.295
Nhà cung cấp 82	382.636.395	382.636.395
Nhà cung cấp 16	11.605.001	-
Nhà cung cấp khác	963.626.284	276.910.396
Tổng cộng	1.750.881.472	1.427.171.435

Kết luận: Số liệu rõ ràng phục vụ thuyết minh BCTC.

PHỤ LỤC 17
BẢNG CÂN ĐỐI PHÁT SINH

BẢNG CÂN ĐỐI SỐ PHÁT SINH

Năm 2021

SỐ HIỆU TÀI KHOẢN	TÊN TÀI KHOẢN KẾ TOÁN	SỐ DƯ ĐẦU KỲ		SỐ PHÁT SINH TRONG KỲ		SỐ DƯ CUỐI KỲ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	1	2	3	4	5	6
111	Tiền mặt	31.800.107		535.042.636	564.374.185	2.468.558	
1111	Tiền Việt Nam	31.800.107		535.042.636	564.374.185	2.468.558	
112	Tiền gửi Ngân hàng	545.027.840		12.914.280.899	13.287.074.168	172.234.571	
1121ACB	ACB VND 81811188			5.638.498.896	5.566.748.381	71.750.515	
1121VCB_	VCB VND 0531002513499	138.686			138.686		
1121VCB_	VCB VND 0071003955788	472.951.221		7.091.416.103	7.464.175.790	100.191.534	
1121VCB_	VCB VND 0531000277834	71.937.933			71.645.411	292.522	
1122ACB_	ACB USD 19457417			184.365.900	184.365.900		
131	Phải thu của khách hàng	84.600.000	3.325.329.373	10.519.555.546	10.382.899.792	124.484.693	3.228.558.312
1311	Phải thu của khách hàng	84.600.000	2.406.499.370	10.519.555.546	10.382.899.792	124.484.693	2.309.728.309
1312	Khách hàng trả trước		918.830.003				918.830.003
133	Thuế GTGT được khấu trừ			562.431.288	562.431.288		
1331	Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ			562.431.288	562.431.288		
138	Phải thu khác			81.152.000	81.152.000		
1388	Phải thu khác			81.152.000	81.152.000		
152	Nguyên liệu, vật liệu	1.313.979.771		822.928.752	650.078.893	1.486.829.630	
1521	Nguyên liệu, vật liệu	1.220.595.022		485.218.334	324.378.908	1.381.434.448	
1522	Nguyên liệu, vật liệu phí gia công	93.384.749		337.710.418	325.699.985	105.395.182	
154	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	0		647.010.081	611.712.684	35.297.397	
1541	Chi phí sản xuất dở dang gia công	0		629.390.487	599.920.291	29.470.196	

1542	Chi phí dở dang hàng tự sản xuất	0		17.619.594	11.792.393	5.827.201	
155	Thành phẩm	2.061.890.674		1.133.686.194	1.172.950.306	2.022.626.562	
1551	Thành phẩm nhập kho hàng gia công	1.761.449.932		937.378.159	1.068.123.965	1.630.704.126	
1552	Thành phẩm nhập kho hàng tự sản xuất	259.723.932		100.881.490	97.507.941	263.097.481	
1553	Thành phẩm đến nhập kho	40.716.810		95.426.545	7.318.400	128.824.955	
156	Hàng hóa	3.421.885.853		1.834.493.091	2.752.534.705	2.503.844.239	
1561	Giá mua hàng hóa	3.421.885.853		1.651.903.196	2.661.275.858	2.412.513.191	
1568	Hàng hóa Ký gửi			182.589.895	91.258.847	91.331.048	
211	Tài sản cố định hữu hình	195.680.000		52.900.000		248.580.000	
2111	Nhà cửa, vật kiến trúc	101.331.619				101.331.619	
2112	Máy móc, thiết bị	94.348.381		52.900.000		147.248.381	
213	Tài sản cố định vô hình	574.934.850				574.934.850	
2135	Chương trình phần mềm	574.934.850				574.934.850	
214	Hao mòn tài sản cố định		269.338.986		3.982.488		273.321.474
2141	Hao mòn TSCĐ hữu hình		157.631.502		3.982.488		161.613.990
2143	Hao mòn TSCĐ vô hình		111.707.484				111.707.484
242	Chi phí trả trước	514.713.555		41.672.728	310.355.485	246.030.798	
2421	Chi phí trả trước ngắn hạn	138.317.908			56.926.722	81.391.186	
2422	Chi phí trả trước dài hạn	376.395.647		41.672.728	253.428.763	164.639.612	
244	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	666.339.818		309.420.000		975.759.818	
2441	Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	666.339.818		309.420.000		975.759.818	
331	Phải trả cho người bán	22.072.546	1.427.171.435	6.410.063.159	6.614.308.020	141.537.722	1.750.881.472
3311	Phải trả cho người bán_short term	22.072.546	1.427.171.435	6.388.219.977	6.614.308.020	119.694.540	1.750.881.472
3313	Phải trả hàng ký gửi			21.843.182		21.843.182	
333	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17.400.655	1.043.626.749	1.273.671.770	1.155.504.876	53.079.009	961.138.209
3331	Thuế giá trị gia tăng phải nộp		719.674.007	1.121.788.538	949.661.635		547.547.104

3334	Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.400.655		35.678.354		53.079.009	
3335	Thuế thu nhập cá nhân		323.952.742	108.408.072	194.654.232		410.198.902
3338	Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác			7.796.806	7.796.806		
334	Phải trả người lao động		227.283.204	5.336.524.040	5.109.240.836		
3341	Phải trả công nhân viên		227.283.204	5.206.366.826	4.979.083.622		
3348	Phải trả người lao động khác			130.157.214	130.157.214		
338	Phải trả, phải nộp khác		210.452.043	887.240.332	3.769.586.772	14.081.300	3.106.879.783
3383	Bảo hiểm xã hội		192.745.671	538.166.430	866.533.396		521.112.637
3384	Bảo hiểm y tế		4.951.368		158.019.222		162.970.590
3386	Bảo hiểm thất nghiệp		12.755.004		71.276.267		84.031.271
3388	Phải trả, phải nộp khác			349.073.902	2.673.757.887	14.081.300	2.338.765.285
341	Vay và nợ thuê tài chính	1.418.320	3.132.296.074	(26.524.280)			3.157.402.034
3411	Các khoản đi vay	1.418.320	3.132.296.074	(26.524.280)			3.157.402.034
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		500.000.000				500.000.000
4111	Vốn góp của chủ sở hữu		500.000.000				500.000.000
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	683.753.874		4.096.565.242	403.926.980	4.376.392.136	
4211	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước	683.753.874				683.753.874	
4212	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay			4.096.565.242	403.926.980	3.692.638.262	
511	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			9.275.936.451	9.275.936.451		
5111	Doanh thu bán hàng hóa			9.275.936.451	9.275.936.451		
515	Doanh thu hoạt động tài chính			70.938.388	70.938.388		
521	Các khoản giảm trừ doanh thu			4.132.232	4.132.232		
5211	Chiết khấu thương mại			4.132.232	4.132.232		
621	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp			647.010.081	647.010.081		
6211	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp cho hàng gia công			629.390.487	629.390.487		

6211	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp cho hàng gia công			629.390.487	629.390.487		
6212	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp cho hàng tự sản xuất			17.619.594	17.619.594		
632	Giá vốn hàng bán			3.614.750.731	3.614.750.731		
635	Chi phí tài chính			1.577.690	1.577.690		
641	Chi phí bán hàng			1.313.678.299	1.313.678.299		
6412	Chi phí vật liệu, bao bì			7.163.465	7.163.465		
6413	Chi phí dụng cụ, đồ dùng			108.760.608	108.760.608		
6415	Chi phí bảo hành			12.000.000	12.000.000		
6417	Chi phí dịch vụ mua ngoài			1.108.154.397	1.108.154.397		
6418	Chi phí bằng tiền khác			77.599.829	77.599.829		
642	Chi phí quản lý doanh nghiệp			8.045.829.856	8.045.829.856		
6421	Chi phí nhân viên quản lý			5.969.400.622	5.969.400.622		
6422	Chi phí vật liệu quản lý			3.312.483	3.312.483		
6423	Chi phí đồ dùng văn phòng			20.917.195	20.917.195		
6424	Chi phí khấu hao TSCĐ			1.264.737	1.264.737		
6425	Thuế, phí và lệ phí			8.514.155	8.514.155		
6426	Chi phí dự phòng			5.000.000	5.000.000		
6427	Chi phí dịch vụ mua ngoài			1.951.465.911	1.951.465.911		
6428	Chi phí bằng tiền khác			73.582.572	73.582.572		
64288	Chi Phí khác			12.372.181	12.372.181		
711	Thu nhập khác			12.915.888	12.915.888		
811	Chi phí khác			5.806.829	5.806.829		
911	Xác định kết quả kinh doanh			13.452.223.737	13.452.223.737		
	Tổng cộng:	10.135.497.864	10.135.497.864	83.876.913.660	83.876.913.660	12.978.181.284	12.978.181.284

PHỤ LỤC 18

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		7.613.634.686	8.303.315.173
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		174.703.129	576.827.947
1. Tiền	111		174.703.129	576.827.947
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.255.863.533	773.012.364
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		124.484.693	84.600.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		141.537.722	22.072.546
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		989.841.118	666.339.818
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137			
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			

IV. Hàng tồn kho	140	6.048.597.829	6.797.756.299
1. Hàng tồn kho	141	6.048.597.829	6.797.756.299
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	134.470.195	155.718.563
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	81.391.186	138.317.908
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	53.079.009	17.400.655
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	714.832.988	877.671.511
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		
6. Phải thu dài hạn khác	216		
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		

II. Tài sản cố định	220		550.193.376	501.275.864
1. Tài sản cố định hữu hình	221		86.966.010	38.048.498
- Nguyên giá	222		248.580.000	195.680.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(161.613.990)	(157.631.502)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227		463.227.366	463.227.366
- Nguyên giá	228		574.934.850	574.934.850
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(111.707.484)	(111.707.484)
III. Bất động sản đầu tư	230			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240			
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242			
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		164.639.612	376.395.647
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		164.639.612	376.395.647
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		8.328.467.674	9.180.986.684

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Đầu năm
1	2	3	4	5
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		12.204.859.810	9.364.740.558
I. Nợ ngắn hạn	310		12.204.859.810	9.364.740.558
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		1.750.881.472	1.427.171.435
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.228.558.312	3.325.329.373
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313		961.138.209	1.043.626.745
4. Phải trả người lao động	314			227.283.204
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315			
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		3.106.879.783	210.452.043
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		3.157.402.034	3.130.877.754
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322			
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			

II. Nợ dài hạn	330		
1. Phải trả người bán dài hạn	331		
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		
7. Phải trả dài hạn khác	337		
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		
13. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	343		
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	(3.876.392.136)	(183.753.874)
I. Vốn chủ sở hữu	410	(3.876.392.136)	(183.753.874)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	500.000.000	500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	500.000.000	500.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(4.376.392.136)	(683.753.874)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	(683.753.874)	(683.753.874)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	(3.692.638.262)	
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		
1. Nguồn kinh phí	431		
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	8.328.467.674	9.180.986.684

PHỤ LỤC 19

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		9.271.804.219	17.322.771.889
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		4.132.232	90.756.818
- Chiết khấu thương mại	04		4.132.232	54.145.454
- Giảm giá hàng bán	05			36.611.364
- Hàng bán bị trả lại	06			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		9.267.671.987	17.232.015.071
4. Giá vốn hàng bán	11		3.614.750.731	7.899.318.014
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		5.652.921.256	9.332.697.057
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		69.520.068	14.133.800
7. Chi phí tài chính	22		1.577.690	7.636.142
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	25		1.313.678.299	1.612.777.709
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		8.106.932.656	11.249.750.507
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(3.699.747.321)	(3.523.333.501)
11. Thu nhập khác	31		12.915.888	40.612.265
+ Tổng thu nhập khác	31A		12.915.888	40.612.265
+ Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	31B			
+ Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (NET)	31C			
12. Chi phí khác	32		5.806.829	2.131.020
+ Tổng chi phí khác	32A		5.806.829	2.131.020
+ Chi phí từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	32B			
+ Chi phí từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (NET)	32C			
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		7.109.059	38.481.245
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(3.692.638.262)	(3.484.852.256)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51			
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(3.692.638.262)	(3.484.852.256)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71			

PHỤ LỤC 20
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	17.525.589.549	17.590.136.789
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(11.365.350.316)	(11.365.350.316)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(5.745.975.042)	(5.745.975.042)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	819.973.104	819.973.104
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(4.463.745.457)	(4.463.745.457)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD	20	(3.229.508.162)	(3.164.960.922)
II - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn	21	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	69.520.068	4.972.828
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	69.520.068	4.972.828
III - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.768.032.245	2.768.032.245
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(578.318.685)	(578.318.685)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	2.189.713.560	2.189.713.560
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(970.274.534)	(970.274.534)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	576.827.947	1.547.102.481
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (50+60+61)	70	(393.446.587)	576.827.947